

DOĀN - QUỐC - SỸ — VIỆT - TỬ

KHẢO LUẬN VỀ
NGUYỄN - CÔNG - TRÚ'



IN LẦN THỨ HAI

NAM SƠN **N.S** XUẤT BẢN

*KHẢO LUẬN VỀ
NGUYỄN CÔNG TRÚ*

SÁCH GIÁO KHOA TRUNG HỌC

NAM - SƠN XUẤT - BẢN

PHƯƠNG PHÁP NGHỊ LUẬN VĂN CHƯƠNG

của NGUYỄN SÝ TẾ

PHƯƠNG PHÁP LÀM LUẬN TRIẾT HỌC

của NGUYỄN VĂN TRUNG

LUẬN LÝ HỌC

của NGUYỄN SÝ TẾ

LUẬN TRIẾT HỌC

của TRẦN BÍCH LAN

Tập I và II

BÀI VIỆT VĂN THI TÚ TÀI

của PHẠM THẾ NGŨ

Tập I, II và III

VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM

của TRẦN BÍCH LAN

ĐIỀN CÓ

của PHẠM THẾ ROANH

Tự điền Văn liệu

LÝ VĂN PHỨC

của ĐƯƠNG QUANG HÀM

Tiêu sử — Văn chương

LUẬN ANH VĂN THI TÚ TÀI

của NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

LUẬN ANH VĂN THI TRUNG HỌC

của BÙI QUANG LY — NGUYỄN HÀ BÒNG

CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC ĐỆ NHỊ

của TRẦN MỘNG CHU — NGUYỄN CAO QUYỀN

CÔNG DÂN GIÁO DỤC ĐỆ TỨ

của TRẦN MỘNG CHU — NG. CAO QUYỀN

BÌNH GIẢI VĂN CHƯƠNG

của PHẠM-THẾ-NGŨ

Luận thi T.H.Đ.N.C.

VIỆT NAM THI VĂN HỢP TUYỂN

của PHẠM THẾ NGŨ

DOĀN QUỐC SỸ — VIỆT TỬ

KHẢO LUẬN VỀ

NGUYỄN CÔNG TRÚ

(1778 - 1858)



nam-so'n

loại sách khảo luận

ĐOÀN TRƯỜNG TÂN THANH

DOÀN QUỐC SỸ — VIỆT TỬ

NGUYỄN CÔNG TRỨ

DOÀN QUỐC SỸ — VIỆT TỬ

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

THUẦN PHONG

CAO BÁ QUÁT

DOÀN QUỐC SỸ — VIỆT TỬ

TRẦN TẾ XƯƠNG

TRẦN MỘNG CHU — NG XUÂN HIẾU

CHU MẠNH TRỊNH

PHẠM THẾ NGŨ

NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

THUẦN PHONG

KHÁI HƯNG

DOÀN QUỐC SỸ

NAM-SƠN XUẤT-BẢN

VÀI NÉT LỊCH SỬ CHÍNH YẾU

TRONG THỜI ĐẠI NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Năm Mậu Tuất (1778) Nguyễn-Nhạc tự xưng đế hiệu đặt niên hiệu là Thái-đức gọi thành Đồ bàn là Hoàng đế thành.

Năm Canh-tí (1780) sau khi khôi phục được đất Gia-dịnh, Nguyễn-phúc-Ánh xưng vương hiệu kết giao với Xiêm-La.

Năm Giáp-thìn (1784) hai vạn quân Xiêm-La cùng 300 chiến thuyền sang giúp Nguyễn-Vương. Nguyễn-Huệ lừa quân Xiêm-La tới gần Rạch Gầm và Soài Mút ở phía trên Mỹ-tho, rồi đánh phá một trận, giết quân Xiêm chỉ còn vài nghìn người chạy theo đường thượng đạo trốn về nước. Rồi Nguyễn Huệ, sau khi lấy được đất Thuận-Hóa, bèn đem quân ra Bắc-Hà lần thứ nhất dưới danh hiệu « Phù-Lê diệt Trịnh ». Trịnh-Khai bị Nguyễn-Trang làm phản bắt sống, phải dùng gươm tự tận. Bấy giờ là năm Bính- ngọ (1786) Vua Hiển-Tông nhà Lê phong cho Nguyễn-Huệ làm nguyên-soái Uy Quốc-Công, lại gả cho Ngọc-Hân Công-chúa là con gái Ngài. Chẳng bao lâu vua Hiển-Tôn mất, Hoàng-tôn Duy-Kỳ lên nối ngôi đặt niên hiệu là Chiêu-Thống.

Nguyễn-Huệ đã dứt được họ Trịnh, Nguyễn-Nhạc sợ

em ở lâu ngoài Bắc-Hà có sự biến chăng bèn cũng đem quân đi gấp ngày đêm ra Bắc,

Sau khi quyền-bính đã trao trả nhà Lê, anh em Tây-Sơn rút quân về Nam. Khi đó dòng dõi họ Trịnh là Trịnh-Lê và Trịnh-Bồng chia đảng ra đánh nhau để tranh quyền. Vua Chiêu-Thống bắt đắc dĩ phái phong cho Trịnh-Bồng làm Án-đô-Vương. Trịnh-Bồng lập lại phủ Chúa toan bè-hiếp ché nhì vua, vua Chiêu-Thống phải xuống mặt chiếu với Nguyễn-hữu-Chinh ở Nghệ-An ra giúp.

Nguyễn-hữu-Chinh đánh đuổi họ Trịnh xong được Vua phong chức đại-tư-dồ Bằng-trung-Công. Từ đó Hữu-Chinh cậy công khinh người, làm lầm điều trái phép, Vua cũng lấy làm lo mà không biết trông cậy vào ai.

Bắc-bình-Vương Nguyễn-Huệ ở Phú-xuân—(về chuyện hiềm khích với Nguyễn-Nhạc trước đó ít lâu đã chấm dứt và hai anh em đã giảng hòa)—thấy Hữu-Chinh lùng lẫy ở đất Bắc, bèn sai Vũ-văn-Niệm ra đánh (1787) bắt được Chinh đem về làm tội ở Thăng-Long trong khi vua Lê bỏ kinh đô chạy sang Kinh-Bắc.

Khi Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ sai Vũ-văn-Niệm ra đánh Hữu-Chinh thì đã có lòng nghi Văn-Niệm cho nên lại sai Ngô-văn-Sở và Phan-văn-Lân làm Tham tán quân vụ để chia bớt binh quyền. Khi đã được Ngô-văn-Sở mật báo là Văn-Niệm ra bộ kiêu ngạo thì Bắc-bình-Vương lập tức kéo quân kỵ đêm ngày đi gấp đường ra Thăng-Long, nửa đêm đến nơi bắt Vũ-văn-Niệm giết đi.

Kể đó vua Chiêu-Thống và bà Hoàng-thái-Hậu sang cầu cứu Trung-Hoa, năm Mậu thân (1788) quân nhà Thanh mượn tiếng sang giúp nhà Lê, chiếm cứ Thăng-Long có ý muốn lấy đất An-Nam. Bắc-binh-Vương bèn lên ngôi Hoàng-Đế đặt niên hiệu là Quang-Trung, rồi đem binh đi đánh giặc, phá mây vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn-sĩ-Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy. Vua Quang-Trung ở ngôi trị nước được 4 năm, đến năm 1792 thì mất. Nguyễn-quang-Toản lên thay.

Nhân biết chuyện Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ đã có phen bắt hòa, lại biết trong 3 anh em nhà Tây-sơn chỉ có Nguyễn-Huệ là anh hùng kiệt hiệt hơn cả mà đã ra chuyên giữ mặt Bắc, còn mặt Nam phó mặc Nguyễn-Lữ là một người tầm thường. Nguyễn-Ánh bèn nắm cơ hội đó dời Xiêm-La, nửa đêm xuống thuyền về nước, bấy giờ là tháng bảy năm Đinh Tỵ (1787). Tháng tám năm Mậu Thân (1788) quân Nguyễn-Vương đã chiếm được Gia-dịnh. Nguyễn-Vương sửa sang mọi việc ở Gia-dịnh, quân dân cỗ sức khai-khàn diền thồ, rồi ba lần ra đánh Qui-Nhon, chiếm được thành này (1799) lại tiến ra thu-phục Phú-Xuân (1801). Tháng 5 năm Nhâm tuất (1802) Nguyễn-Vương lập đàn tế cáo trời đất, rồi thiết triều đê các quan chầu mừng, và đặt niên hiệu là Gia-Long nguyên-niên.

Kể từ năm 1778 đến 1802 Nguyễn-Ánh đánh và thắng Tây-Sơn, thống nhất Trung Nam Bắc, đã biết bao máu đào của tướng sĩ đồ ra. Tuy thống nhất được giang sơn nhưng vua Gia-Long chưa thống nhất được nhân tâm. Khi vua Gia-

Long chết đi, kè từ năm 1820 đến 1892 ở nước ta xảy ra
nhiều biến cố nghiêng ngửa đồ nát.

Trước hết dưới đời Minh-Mệnh (1820-1840) và đời
Tự-Đức (1847-1883) có nhiều cuộc nội biến, nhất là ở Bắc-
Kỳ và Nam-Kỳ : Phan-bá-Vành (1826), Lê-duy-Lương (1832)
Nùng-Văn-Vân (1833) Lê-Văn-Khôi (1833) Cao-Bá-Quát
(1854) . . . đều nỗi lên chống triều đình. Nguyên nhân :

- 1— Chính sách chuyên chế của triều Nguyễn
- 2— Sự tham nhũng của quan lại
- 3— Quật khởi của cựu thần nhà Lê.

Việc ngoại giao với các nước Tây-phương và nhất là
nước Pháp gặp nhiều nỗi khổ khăn nguy hiểm. Các vua nghiêm
cấm sự truyền đạo, nghi kỵ bắt giam các giáo sĩ, giết hại giáo
dân, tuyệt giao với các nước Tây phương. Năm 1857 tiếng
đại bác thứ nhất bắn vào các thuyền của ta ở Đà-nẵng.

(Cụ Nguyễn-Công-Trú nhân dịp này có dâng sớ xin đi
dẹp giặc nhưng vua không cho vì thấy cụ đã quá già).

Sang năm sau 1858 có 14 chiếc tàu Pháp đánh vào dồn
lũy Đà-Nẵng mở đường cho cuộc xâm lăng vào nước ta. (Cụ
Nguyễn-Công-Trú mất vào năm này).

Hòa ước 1862 chấm dứt thời kỳ tự chủ và dân tộc
Việt-Nam bước sang thời kỳ mới về chính trị, văn học cũng
như về kinh tế.



Chân dung Cụ Nguyễn-Công-Trứ

GIA ĐÌNH

VÀ THÂN THẾ.

Thân phụ Nguyễn-công-Trú là Nguyễn-công-Tấn một danh sĩ đương thời văn chương lối-lạc tính-tình trung-trực, người làng Uy-Viễn huyện Nghi-xuân tỉnh Hà-tĩnh, đậu cử nhân năm 24 tuổi. Ngài bắt đầu được sung chức giáo-thụ Anh-sơn (Nghệ-An) sau thăng tri-huyện Quỳnh-cô (Thái-bình) rồi tri-phủ Tiên-hưng (Thái-bình). Khi Ngài đang tại chức tri-phủ thì Tây-sơn đem binh đánh Bắc-Hà, chém Nguyễn Hữu-Chỉnh, chiếm Thăng-Long (1787). Vua tôi nhà Lê phải bỏ kinh thành chạy trốn. Ngài phò Lê hoàng xưng nghĩa Càn vương được vua Lê phong làm Đức-ngạn-hầu, đã từng cầm quân chống Tây-Sơn ở Sơn-Nam (Hà-Đông). Nhưng lúc bấy giờ quân Tây-Sơn đang có thế mạnh như nước vỡ bờ, binh hùng tướng giỏi, nhất là sau trận Đống-đa (1789) Nguyễn-Huệ lại phá được mấy vạn quân Thanh. Tôn-sĩ-Nghị bỏ ẩn-tín mà chạy, thành thủ Nguyễn-Huệ lấy được chính nghĩa là bảo vệ nền độc-lập của nước nhà. Thất thế vua Lê Chiêu-Thống cùng mấy vị trung-thần tìm đường sang Tàu, theo tàn quân của Tôn-sĩ-Nghị. Còn Đức-ngạn-hầu thấy vua xuất ngoại rồi, một mình quay về cố-hương, dựng túp lều tranh mồ trường dạy học, tuy đôi ba phen Bắc-bình-Vương

với triệu Ngài ra làm quan nhưng Ngài nhất quyết cự tuyệt, sống nốt những ngày thừa an bần lạc đạo cho đến năm 1800 thì mất.

Đức-ngạn Hầu sinh hạ được ba trai ba gái. Cụ Nguyễn-công-Trú là con bà trắc thất Nguyễn-thị. Trong ba bà con gái, có một bà rất mực nhan sắc, văn-chương xuất chúng và tài hoa lối lạc, người đương thời gọi là Năng-văn Nữ-sĩ. Bà góa chồng năm 19 tuổi, nhất định thủ-tiết. Hồi ấy có quan Tòng Đốc Trần-Thận cố tìm mối lái để dạm hỏi bà nhưng không thành. Bà lánh thoát và thí phát đi tu lấy hiệu là Diệu-Điền thiền sư 紗典禪師. Năm Minh-Mệnh thứ 18 bà được vua ban 4 chữ vàng «Trinh tiết khả phong» 真節可風.

Giáo sư Lê-Thước có ca-tụng như sau:

«Gia thế Cụ Nguyễn-công-Trú là một nhà thi thư thế-phệt, khoa giáp danh-gia, Đức Ngạn Hầu không chịu khuất-tiết với Tây-Sơn, đành vui thú lâm tuyễn cho trọng đạo thần-tử, thật là: «trung thần bất sự nhị quân». Diệu-Điền thiền sư không chịu ô-danh với Trần-Thận, tìm lối nương thân cửa Phật cho trọng đạo tòng phu, thật là: «liệt nữ bất canh nhị phu». Trong một nhà gồm đủ cả trung thần liệt nữ, biến cương thường đã chói lọi trong cõi Hồng-sơn Lam-thủy».

Năm Nguyễn-Nhạc xưng vương ở Quy-Nhon (1787) cũng là năm Nguyễn-công-Trú cất tiếng chào đời ở xã Địa-Linh, huyện Quỳnh-Côi tỉnh Thái-Bình. Trong buổi thiếu thời cụ Nguyễn-công-Trú là một thư sinh nhà nghèo nhưng

luôn cố gắng dùi mài kinh sử đề ra làm quan giúp vua giúp nước. Việc thi cử cứ lận đận mãi tới năm 1819 mới đỗ Giải Nguyên lúc ấy đã 42 tuổi.

Kể từ năm cụ Nguyễn-công-Trú đỗ Giải Nguyên đến năm cụ về hưu, đời Tự-Đức nguyên niên (1848) dòng đã 29 năm trường cụ đã bao phen chìm nổi trên hoạn hải ba dào. Bắt đầu là Hành iầu sứ quán (1820) rồi thực thụ Biên tu (1821), tri huyện Đường-Hào, Hải-Dương (1824), Lang trung ở Thanh-lại-ti 清吏司 thuộc bộ Lại (1825) Quốc-tử-Giám tư nghiệp 司業, cuối năm ấy, thăng Thiêm sự hộ-hình, sang năm 1826 cụ làm Tham hiệp trấn Thanh-hoa. Lúc này có giặc Lê-duy-Lương, cụ dâng sớ xin di tiễu. Tiễu xong nhân vì thàn mẫu mệt cụ xin về chịu tang. Vua thấy nghèo ban cho 100 lạng bạc, cho người đem đến tận nhà để giúp việc tang. Khi trở về kinh để sung chức Tham-hiệp Thanh-Hoa, đến Quảng-Trị cụ bị bệnh. Vua được tin bèn xuống chỉ :

“Nay nghe Nguyễn-công-Trú đi đường chẳng may bị bệnh, chẳng hay đã lành hay chưa, lòng Trẫm luống những bất an.

Đặc phái một tên thị vệ đem theo một viên ngụy y, lập tức tới nơi điều trị cho được mau lành. Còn Nguyễn-công-Trú thì yên tâm mà uống thuốc, bất kỳ một tháng hai tháng khi nào trong mình được thập phần kháng kiện mới được ra đi, chờ nên kíp vội. Giờ mùa đông lạnh lẽo, nếu đau yếu lại ấy là phụ lòng quyền cố của Trẫm.”

Khâm-thư

Tình Vua tôi ở với nhau đến thế thực là tương đắc.
Đúng với câu :

‘Mình quân lương tè tao-phùng dị’.

Nhân khi đó có giặc ngoài Bắc thành cũ bèn vâng chiếu
chỉ sung chức Tham tán quân vụ, rồi lại được thăng Hình
bộ thị lang ở dinh Tông trấn Bắc thành.

Năm Minh-Mệnh VIII (1827), cũ đi tiễu giặc Phan-bá
Vành ở Nam-Định, dồn giặc về Trà-Lũ, vây bắt được Phan-
bá-Vành và đã đảng hơn 300 tên.

Vua ban khen, thưởng cho Cụ bạch ngọc, mã não và kim
khánh với 4 chữ ‘lao nǎng khả tưởng’ 劳能可獎.

Năm Minh-Mệnh IX (1828) cũ được triều về kinh thăng
chức Hình bộ hữu tham tri sung chức Doanh điền sứ, ra hạt
Nam-Định, Ninh-Bình chiêu mộ dân định, khai khẩn đất
hoang tại các làng duyên hải.

Hơn một năm giờ, cũ lập được hai huyện Kim-Sơn,
Tiền Hải và hai tổng Hoàng Thư và Ninh Nhất.

Năm Minh-Mệnh XI (1831) Cụ được triều về kinh giữ
chức Hữu tham tri bộ Hình. Sang năm sau về việc cử Phi
quý Trại làm huyện thừa huyện Tiền-hải, vì đồng liêu ghen
ghét vu cáo ăn tiền mà cũ bị giáng xuống tri huyện ở kinh.
Được một năm, thăng làm Lang Trung nội vụ rồi Bố Chánh
Hải dương.

Lúc ra đi vua có dụ :

‘Khanh nhà nghèo, Trẫm vẫn biết rõ ràng, cứ giữ

lòng thanh-liêm như thế nếu chỉ dụng không đủ thì mập tâu về. Trần sẽ chu cấp cho.»

Đến tinh ly được 2 tháng. Cụ túng tiêu, mập tâu về. Vua sai thị vệ đem ban cho 20 bánh thuốc mỗi bánh ở trong có một nén bạc. Với vua Minh-Mệnh, tình vua tôi thân mật và biết nhau đến thế kề cũng lý thú. Và làm quan thời trước thanh liêm đến như Cụ Nguyễn-Công-Trứ mới thực xứng đáng là phụ mẫu dân.

Năm Minh-Mệnh XII (1832) Cụ được thăng Tòng Đốc Hải-An (Hải-dương, Quảng-Yên).

Năm sau ở Thượng-du có giặc Nùng-văn-Vân dưa vào rừng núi và giáp giới Trung-Hoa nồi lén đánh phá rất kịch liệt, Cụ lại phục chỉ làm Tham-tán quân-vụ đi đánh dẹp. Mãi đến năm 1835, Cụ mới phá được sào huyệt của giặc và được thực thụ Bình bộ thượng-thư lĩnh Tòng Đốc Hải an.

Năm Minh-Mệnh XVII (1837) vì việc tù trốn, cụ bị giáng 4 cấp, sau khai phục được có 3. Đến năm Minh Mệnh XX (1840) cụ lại bị giáng xuống làm Bình-bộ hưu-tri.

Năm Minh-Mệnh XXI cụ được thăng Đô sát viện Tảđô ngự sử và được cử làm chủ khảo trường thi Hà-Nội. Lúc về, nhân Trần-tây (Cao-miên) có giặc, Cụ dâng sớ tòng-chinh, Vua chuẩn-y cho làm Tán-lý cơ-vụ.

Năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841) cụ được thăng Tham-tán đại-thần. Sau khi quân ta phải rút về Nam-bộ (An-giang) cụ bị giáng làm Bình-bộ lang trung. Ít lâu sau vì giết được tướng giặc Phiên-tăng, Cụ lại được khai phục Bình-bộ thị lang,

và vẫn giữ chức tuần phủ An-giang. Năm Thiệu-Trị III (1843) cụ được thăng Tham tri. Đến tháng 10 cụ bị vu cáo là có thuyền buôn lậu tê-giác phải cách tuột xuống làm lính thú ở Quảng-Ngãi.

Cụ Nguyễn-công-Trúe đường đường một bậc danh thần. nay mình mặc áo cộc màu chàm, đầu đội nón sổ, rõ ra một tên lính thú. Qua Quảng-Ngãi cụ gặp một quan sở tại vốn là học trò cũ của cụ. Thày trò nhận được ra nhau mừng mừng tủi tủi, mời cụ cởi bỏ đồ lính. Cụ không chịu, trả lời :

“ Cứ xin đê vây lúc làm đại tướng tôi không lấy làm vinh thì nay làm tên lính tôi cũng không lấy làm nhục. Người ta ở địa vị nào đối với nghĩa vụ ở địa vị ấy, làm lính mà không mang đồ ấy sao gọi là lính được. Thực ra mấy lời của nhà nho đại đạt hiếu thấu câu «anh hùng yên sở ngộ», thâu tóm cả một triết lý hành động sâu xa : Hết thày trong vũ trụ, vật nào phải ở địa vị ấy và đều có giá trị riêng của nó.

Trong năm Thiệu-Trị V cụ lại trở về làm Chủ sự Bộ Hình. Năm sau cụ làm Án sát Quảng-Ngãi rồi hai tháng sau đổi về Thừa-Thiên phủ Phủ Thừa 府丞 Cho đến tháng hai năm Thiệu-Trị VII cụ được thăng thụ Thừa-thiên Phủ-doãn đệ tam phẩm.

Thế là hết một giai đoạn ròng rã 30 năm trường tung hoành bến bờ Nam Bắc Đông Tây thực đúng như sở nguyện khi còn bạch diện thư-sinh. Từ đó cụ sống đời nhàn hạ ưu du. Cho đến 1857 được tin tàu chiến liên quân Pháp-Tây Ban-Nha bắn vào Đà-Nẵng cụ còn muốn xin đi đánh. Năm sau 1858, Cụ mất tại Uy-viễn, thọ 81 tuổi.

TÌM HIỂU

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

NGUYỄN-CÔNG-TRÚ VÀ CAO-BÁ-QUÁT

Hiểu được Nguyễn-công-Trú là một điều rất khó khăn. Cao-bá-quát là một thiên tài nên nhiều điểm ta có thể dùng trực giác để soi thấu. Và công nghiệp của họ Cao chưa có gì nên trọng tâm suy cứu chỉ là tâm hồn tiên sinh. Nguyễn-công-Trú không thể, tướng công là một nhân tài cao tuyệt đã thành công nhờ thực học dày dủ và vững chãi, lại nhiều sự nghiệp vĩ đại nên hiểu được tướng công là cả một vấn đề phức tạp. Phải suy cứu tới sách vở kinh luân mà tiên sinh đã học mới biết cái tài giỏi áp dụng và tri cơ của tiên sinh. Phải tự đặt mình vào thời đại ấy mới tìm được những khó khăn tiên sinh gặp và những mưu lược tiên sinh thi hành để vượt qua. Phải phác họa được nền giáo dục về đời ấy mới hiểu được trí sáng suốt của tiên sinh đã vượt thời đại đến bực nào.

Như trên đây chúng ta đã biết tiên sinh sinh năm 1778, năm Thái-Đức lên ngôi ở Qui-Nhơn. Cùng thời ấy, cách mệnh ở Pháp, chiến tranh giải phóng ở Hoa-Kỳ. Ngôi sao của tiên sinh bị lay động bởi những cuộc đảo lộn vĩ đại của thế giới. Nếu ta ghi thêm rằng năm 1778 là năm Nguyễn-Ánh lấy Sài-

Gòn và được tôn lên làm Đại-Nguyễn súy Nhiếp quốc-Chinh và năm 1858 là năm Rigault de Genouilly đánh phá Đà-nắng hạ thành An-Hàì và Tôn-Hàì đê năm sau 1859 lấy dứt ba tỉnh miền Đông Nam Việt thì ta thấy rằng đời Nguyễn-Công-Trú ăn khít vào niêm hiệu dãy nghiệp của Nguyễn-Ánh và năm nhà Nguyễn bắt đầu suy vong.

Nguyễn-Công-Trú đã chịu ảnh hưởng của thời thế. Ta phải kể đến làn sóng đáy mà Pirenne gọi là «les lames de fond» của chí nguyễn Việt. Làn sóng đáy ấy (nghĩa là những ước nguyện thăm kín chứa chất trong tiềm thức của một dân tộc, đời này qua đời khác không bao giờ bị hủy diệt cả) đã đột khởi rất mạnh với Quang-Trung trên dù mọi phương diện văn hoá, chính trị và quân sự còn lại những dư ba là tất cả nhém sĩ phu đầu triều Nguyễn, nhất là Uy-viến-tướng-công, Cao-bá-Quát, Hết-xuân-Hương, Nguyễn-Du v.v.. Những cuộc hành binh thần tốc hết ra lại vào vừa của Quang-Trung vừa của Nguyễn-Ánh những bậc thần vũ như Trần-Quang-Diệu, Nguyễn-Hữu-Chinh là những gương oai hùng đã ảnh hưởng lớn lao vào trí tưởng tượng của một cậu nhỏ Nguyễn-công-Trú thông minh và dũng cảm. Lớn lên, Nguyễn-công-Trú gấp được thời đại cực thịnh của lịch sử Việt. Biên cương Việt lần đầu tiên đi từ Nam Quan đến Cà Mau làm cho chàng trai Việt tụng niệm câu :

*Làm trai cho đáng nên trai,
Xuống đồng đồng tĩnh, lên doi doi tan.*

càng phẫn khởi mà mơ màng những sự nghiệp hiền hách.

Sang đời Minh-Mệnh, nước Việt lại bảo hộ Cao-miên và Lào, nên một người Việt xứng đáng chỉ còn biết phụng sự, dù vua Minh-Mệnh có những tệ xấu. Đó là điểm cốt nghĩa tại sao một người tài ba, chí cả như Nguyễn-công-Trú lại nặng chữ «quân thân» lại chỉ trông vào một đường xuất thân : đường khoa cử. Vua tượng trưng cho quốc gia. Quốc gia dưới triều đại một ông vua được hưng thịnh và mở mang bờ cõi thì không có lý gì ta chênh chắp hay khởi loạn. Hoàn cảnh Cao-bá-Quát khác. Cao-bá-Quát xuất thân năm 1831, triều Minh-Mệnh bắt đầu suy vong, tiếp tục sang đến triều Thiệu-Trị, Tự-Đức, tình thế nước Việt cũng không sáng sủa gì, nào nội loạn, nào thiên tai nêu Cao-bá-Quát «kiến cơ nhi tác» xét ra cũng chính đáng, mà Nguyễn-công-Trú «hết hai chữ quân thân mà gánh vác» cũng không thè cho là trí tuệ hẹp hòi. Vào thời ấy, thái độ ấy rất thích hợp. «Tùy thời chỉ nghĩa đai hý tai» — đúng như lời đức Khòng-Tử nói.

QUÊ HƯƠNG VÀ ĐÒNG ĐỔI

Sinh ở xã Định-Linh (Quỳnh-Cô — Thái-Bình) cậu nhỏ Trú đã phải sớm trở về Nghệ-An vì thời cuộc. Đất Hồng Lam, núi trùng điệp, biển mênh mông, nhưng xơ xác nghèo nàn lại đứng trắn biên giới Chàm là nơi phát xuất những người sức khỏe, trí vững, tâm hùng, hết lớp này đến lớp khác hiên ngang ra Bắc dẹp loạn, vào Nam gây dựng cơ đồ. Quân Nguyễn-Kim là người Nghệ, quân Quang-Trung, Nguyễn-hữu-Chinh cũng mộ ở Nghệ. Nguyễn-công-Trú 80

tuổi còn sáng suốt xin đi đánh giặc, một phần nhờ ở non Hồng, sông Lam. Tả-Ao có Vũ-đúc-Huyên, Tiên-Điền có dòng họ Nguyễn-Du, Uy-Viễn có Nguyễn-công-Trú đã chứng thật một phần nào câu kết luận về địa lý ; “*Hồng lĩnh sơn cao. Song ngư hải khoát, (1) nhược trị minh thời, nhân tài tú phát*”. (Non Hồng cao, biển Ngư rộng, gấp thời sáng sủa, nầy nở nhân tài.) Đất Nghệ lại là đất cố cựu của nòi Việt nên dư ba của làn sóng đáy Việt rung động mạnh mẽ những tâm hồn cao đẳng như Nguyễn-Du, Nguyễn-công-Trú. Nguyễn-Du đã gạn lọc mọi ảnh hưởng Tàu ở văn chương ; Nguyễn-công-Trú muốn phác họa diễn hình kẻ sĩ đề thay thế cho diễn hình quân tử của nhà Nho. Chí của hai tiên sinh thật xứng với trí Quang-Trung và giải linh địa Nghệ-Tĩnh.

Quê hương ấy, dòng họ ấy phải kết tinh một người đặc biệt. Ta thử phân tích con người Uy-Viễn tướng công.

CON NGƯỜI NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

Đây không phải là một thiên tài. Đất Hồng-Lam xác đã sản xuất ra những người bền gan vững chí. Nguyễn-công-Trú đã thành công chính nhờ bền gan vững chí vậy. Đứng ở cửa sông Lam (tức là sông Cà), lấy viễn kinh mà nhìn thời thay ở ngoài biển (thắng phía lũng nước sông) có hai đảo nhỏ gọi là Song ngư. Gọi vậy vì hai đảo này giống hình hai con cá.

(1) Đứng ở cửa sông Lam (tức là sông Cà), lấy viễn kinh mà nhìn thời thay ở ngoài biển (thắng phía lũng nước sông) có hai đảo nhỏ gọi là Song ngư. Gọi vậy vì hai đảo này giống hình hai con cá.

động cực đoan. Tiên-sinh hưởng lạc ngay từ thuở trẻ :

*Mặt tài tình đang độ thiếu niên,
Cuộc hành lạc vây vùng cho phi chí.*

Tiên sinh thích hơn người ngay cả trong việc chơi bời :

*Chơi cho lịch mồi là chơi.
Chơi cho đài các cho người biết tay,
Tài tình dễ mày xưa nay.*

Tiên sinh tự tin và thích làm những việc khác thường «làm cho rõ tu mi nam tử».

*Thông minh nhất nam tử
Yếu vi thiển hạ kỳ*

Vì thế mà tiên sinh muốn làm những việc không ai làm nổi : lúc ở Thanh-Hà, tiên sinh xin đi đánh giặc Phan-bá-Vành. Đương làm tướng, tiên sinh xin đi khai khẩn đất hoang.

Tiên sinh tự tin tự hào ngay từ thuở hàn vi :

*Mang danh tài sắc cho nên nợ,
Quen thói phong lưu há phải vay.*

Cương quyết thực hiện chí khí của mình, tiên sinh không sợ sóng gió trời ngai, mà trái lại còn đi tìm sóng gió trời ngai để đương đầu :

*Đỗ kỹ xá chi con tạo.
...
Cũng có lúc mưa đồn súng vỡ,
Quyết ra tay buồm lái với cõng phong.*

Học tất cả, làm tất cả :

Kinh Luân khởi tâm thương, binh giáp tang hung trung.

Tiên sinh lại còn là người hưởng mọi thích thú ở đời :

*Cầm tíu tiêu nhiên, kỳ tíu sàng,
Thi hoài lạc hý, tìu hoài nồng.*

kết cả thái độ hiểu sắc :

*Khi đặc ý mắt đi mà lai,
Đủ thiên thiên thập thập thêm nồng (1).*

Học đủ, làm đủ, nên tiên sinh tự hào lắm, tự hào đến mang
đời mình ra làm diễn hình cho hậu thế, đến đùa cả với Phật :

*Kè núi nọ phau phau mây trắng,
 Tay kiếm cung mà nén dạng từ bi.
 Gót tiên theo đúng định một đôi đùi,
 But cũng nực cười ông ngất ngưởng.*

Vì Đức Ngạn Hầu bỏ quan về ở ẩn, Nguyễn-công-Trú
chịu hàn vi đến năm 42 tuổi, nhưng tiên sinh ương ngạnh

(1) Về tính hiểu sắc, ta cũng nên kể truyện cô đào Thư. Khi Nguyễn-công-Trú còn là học trò mê cô đào Thư nhan sắc bất hay, nhưng không có dịp nào gần gũi vì nghèo. Ông bèn xin vào làm kếp cho cô đào. Một hôm đi qua cánh đồng, ông lập mưu kêu lên là quên mất dây đàn. Cô à sai thằng nhỏ về lấy. Chỉ còn hai người Nguyễn-công-Trú đã tự do hành lạc với cô đào cho thỏa tình mong ước. Khi làm Tông đốc Hải Dương, một hôm ông cho gọi đào nương về ca hát để mừng thắng trận. Trong số ấy có cô đào Thư, cô này hát :

*Giang sơn một gánh giữa đồng,
Thuყen quyền ứ hụt anh hùng nhợ chặng*

Cụ cười, nhận ra và lấy làm nàng hầu.

nhất định chịu nghèo đê theo đuôi chí hướng : (1)

*Tất do thiên, áu phận ấy là thường ; hữu kỳ đức
át trời kia chẳng phụ.*

*Tiếc tài cả phải phan ngưu bắn trúc, dẫu xưa ông
Phó, ông Hề ; cần nghịệp nho khát tạc bích tụ huỳnh,
thuở trước chàng Khuông, chàng Vũ.*

Có lúc nghèo quá « đến bùa chưa sẵn bùa, con trẻ
khóc nhường ong », tiên sinh cũng nghĩ đến « sênh sang
hội gió mây », đến :

Ngày trần hoàn quyết trả lúc này xong.

*Dời dào thiên-tứ vạn chung,
Khanh hồn xa mā tưng công lâu dài.*

Trần ai ai đê biết ai,

(1) Có một giai thoại nói rằng khi Tà Quân Lê-văn-Duyệt ra Bắc, ai nghe tiếng cúng sợ hãi. Riêng ông Trú muốn tự mắt được thấy Lê-văn-Duyệt bèn lấy rơm và chiếu nằm khèn giữa đường. Lê-văn-Duyệt tức lâm, cho bắt và hỏi tại sao vô lễ. Nguyễn-công-Trú trả lời : « Tôi là học trò nghèo, nhà cửa chật chội nên ra đây nằm hóng mát không biết có quan quân đi qua. Lê-văn-Duyệt bắt cậu học trò hồn sực đó làm câu đối về nằm rơm đáp chiếu, nếu nghe được thì tha tội. Nguyễn-công-Trú bèn ứng khẩu đọc :

*Bà vạn anh hùng đê xuồng dưới
Chín lần Thiên tử đợt lên trên.*

Giọng điệu tuy ngông nghênh, ngạo mạn nhưng không có nghĩa vua tôi nên Lê văn Duyệt tha và thường tiễn.

Nếu quả chuyện này có thật càng chứng tỏ thêm bầm tính ngang ngạnh của Nguyễn công Trú luôn luôn muốn làm những việc mà thiên hạ không dám làm. Mà dù là chuyện bịa đặt nữa thì cũng gián tiếp chứng tỏ rằng thiên hạ đã công nhận bầm tính ngang ngạnh của cụ.

Riêng ý chúng tôi cho là chuyện bịa vì Lê văn Duyệt là võ quan ít văn học không bắt người làm câu đối mà mình thường thức.

Và tiên sinh vẫn giữ được ngay thẳng vì hiểu rõ giá trị đồng tiền :

Hồi tanh chẳng thú vị gì.

Suốt trong thời hàn vi, ngoài sự luyện chí, học-hỏi, ăn chơi tiên sinh chỉ có một hành động : dâng Thái-Bình thập sách cho vua Gia-Long, Cử chỉ ấy bộc lộ chí khát khao không có gì là hèn kém. Ta có thể nói Nguyễn-công-Trú lập chí, nuôi một ý lực mạnh (tựa như idée-force của Foulon) Đã là người cũng có những lúc tiên sinh mơ ước danh lợi, nhưng tiên sinh đã chẽ ngự được những tính đón hèn đó, giá trị của tiên sinh vì thế càng tăng. Cả đến ương ngạnh cố thực hiện nam-nhi cũng bộc lộ sự tu-duরong đạt đến mực tâm thành. Và cũng nhờ có thời gian hàn vi lâu dài ấy mà họ Nguyễn dù thì giờ học tắt, thấu đạt tắt, đè đến khi ra hành đạo thì gánh vác mọi việc phức tạp mà việc nào cũng đến nơi đến chốn. Nguyễn-công-Trú thành công nhờ thời gian và cố công túc là thực học vậy. Cho hay « *sinh nhì tri, học nhì tri, khốn nhì tri, tri giả nhất dã* ».

Từ năm 1819, Nguyễn-công-Trú bước chân vào hoạn lộ đầu óc cứng cáp và đầy đủ Tiên sinh đã bị ba lần giáng chức : Từ Hữu-tham-tri giáng xuống tri huyện ở kinh về việc Phí-quý-Trại ; từ Bình-bộ thượng-thư xuống Hữu tham-tri vì đè tù trốn ; và từ Tham-tri xuống làm lính về việc bị ngờ buôn lậu ở An Giang. Giáo sư Lê-Thước đã biện bạch rõ rệt trường hợp oan khóc của cụ và thủ tục diên đảo thời chuyên chế. Lý luận của giáo sư dựa vào sự thật rất xác đáng nên ta

cũng nhận rằng đưa một thồ hào ra cai trị đất mới là hợp lý và lời tâu của Hoàng-Quýnh đưa vào lề thê diện của khoa mục chỉ có giá trị một lời ghen ghét. Đến việc buôn đậu khẩu ở An-Giang, Trần-ngọc-Giai và Đặng-Kham nhận rằng Nguyễn-công-Trú bị vu cáo. Hơn nữa lại đã có tiền án ở làng Tân Hữu đe làm bằng chứng mà còn kết tội Nguyễn-công-Trú thì công lý đã diễn dảo mà triều đình nhà Nguyễn cũng tối tăm nên đi dần đến suy vong vậy. (1)

(1) Tiền án ở làng Tân Hữu như sau : (*Theo Lê-Thư-đốc*)

Có tên dân ở thôn Tân Hữu là Đào văn Quận về kinh tâu rằng : « Làng này đất rộng người đông, trước đã có đơn xin chia thôn bộ cho tiện việc quan nhưng vì viên Bố chính là Lê quốc Trinh cùng với Phùng-hữu-Nghĩa, Nguyễn-công-Trú, Nguyễn công Nhân sách nhiều tiền bạc, kê thi đài 50 lượng, kê thi đài 70 lượng hay 100 lượng. Dân tôi hiện đã giao bạc cho các người tinh lại là Nguyễn xuân Uy, Nguyễn văn Giao và đội trưởng là Nguyễn văn Pháp dân nộp rõ ràng, thế mà đến nay không xử đoán cho chúng tội ». Đơn ấy dâng lên, vua Thiệu Trị dụ rằng : « Cái việc phân lập thôn bộ cũng không cần cấp cho lắm, có sao dem của mà lo, thật là vô lý ; nhưng nó đã chỉ rõ người rõ việc thì cũng chưa hẳn là nói không. Vụy chuộc cho các viên bị khống đều phải minh bạch tâu lên, không được tim phượng chửi lỗi ». Mọi người đều biện bạch chỉ đó Nguyễn văn Pháp thư rằng : « Có nhận 70 lượng bạc nhưng đó là bạc của Nguyễn công Nhân giao cho và dặn như vậy ». Vua giáng Công Nhân 4 cấp và phạt bổng một năm.

Nguyễn Nguyễn công Nhân thuở còn làm lính binh thì Nguyễn công Trú làm Tham tán đại thần nhưng sau Nguyễn công Trú làm Tuần phủ An Giang thì Nguyễn công Nhân làm Tòng đốc An Hà (An Giang Hà Tiên) Nguyễn công Trú tỏ vẻ bất bình nên Nguyễn công Nhân tìm cách ám hại. Việc ở Tân Hữu không xong, Công Nhân lại mang tội lối nên cẳng cảm ức. Nhân khi Nguyễn công Trú di coi việc đào sông, có viên đế đốc là Đàm quang Mật bắt được tên đội trưởng coi bến Châu Giang là Mai văn Thạch tự tiện cho bốn chiếc thuyền buôn đồ gian chèo đi. Nguyễn công Nhân và Phùng nghĩa Phượng hỏi lại tra xét việc này, cố ý vu rằng thuyền ấy là của Nguyễn công Trú phái sang Trần Tây do thám, nhân mua riêng sừng tê và đậu khấu, rồi đem chuyện tâu lên vua. Vua sai Lê bộ Tham tri là Trần ngọc Giai làm chức Khâm sai đại thần cùng với Lại khoa chưởng án là Đặng Kham tới nơi tra xét. Ngọc Giai xét xong biết rõ sự ấy là Nguyễn công Nhân bị đặt ra để ám hại Nguyễn công Trú bèn kết án tâu lên vua.

Chính ở những thử thách này ta hiểu được Uy-Viễn
tướng công một cách sâu sắc hơn. Ta chớ nên lầm tiên sinh
nhục nhẫn theo đuổi công danh. Nếu Nguyễn-công-Trú bị
giáng chức uất ức về hưu thì tỏ ra yểm thế không hợp với
bản tính lạc quan ưa hoạt động của tiên sinh. Nếu từ quan
phản động lại thì tiên sinh sẽ là người tầm thường nhục nhã
theo đuổi công danh. Tiên sinh cố đeo đẳng làm quan mặc
cho thăng giáng mới thật thái độ quân tử : chỉ nghĩ thực
hiện lý tưởng, lưu thủ đan tâm, bình thản trước công
danh chức tước. Không oán người vu cáo, không hậm hực
với người giáng chức mình, không phân biệt chức trọng
quyền nhỏ chỉ biết thực hiện sự nghiệp : Nguyễn-công-Trú
đã tỏ ra thoát vòng danh lợi, cảm niệm được lẽ huyền vi của
tạo vật cùng với tạo vật vô vi hóa sinh vạy. Cé như thế tiên
sinh mới dám :

*Sảnh Hoàng Thạch, Xích Tùng ở cũng đáng.
có như thế tiên sinh mới có thể ước :*

*Kiếp sau xin chờ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.
Giữa trời vách đá cheo leo,
Ai mà chịu rét thì trèo với thông.*

Cái thái độ bình thản trước danh lợi, trong danh lợi
thật là khó khăn. Chỉ một họ Nguyễn đạt được !

Đừng ví với Cao-bá-Quát, vì họ Cao gặp thời loạn nên
muốn « xoay bạch ốc lại lâu dài », còn họ Nguyễn gặp
thời thịnh phải :

*Nghênh mìn nhĩng vì dân vì nước,
Túi kính luân từ trước để về sau.
Nghìn thu một tiếng công hồn.*

Đến khi về già tấm lòng trung trinh vì dân vì nước càng rõ rệt. Bị triệu về kinh vì viên thị vệ tố cáo, tiên sinh gửi cho sứ quan bức thư đại ý nói :

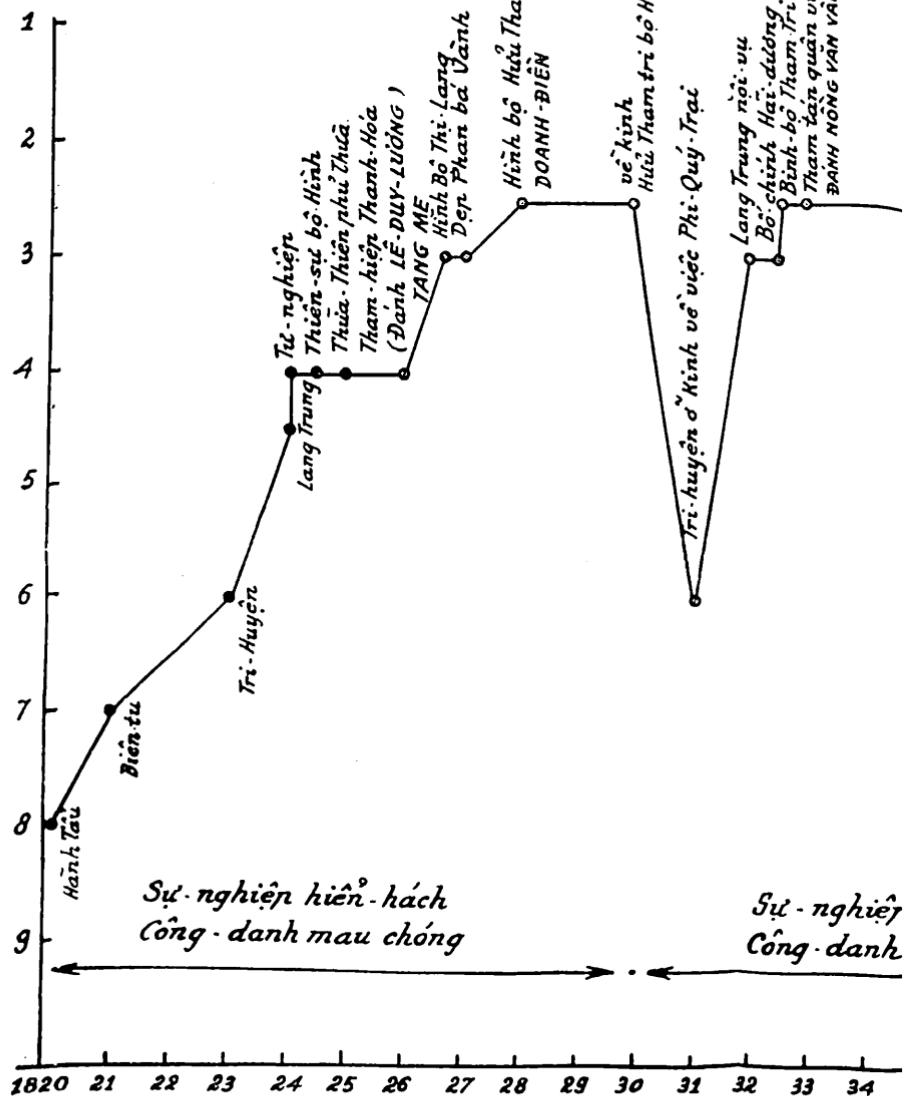
Đã bệnh ly lai sốt rét, chúng chết đã hiện ra thì chết cũng có tiếc gì. Nhưng chết mà không được phân minh thì còn phải khua trống kíen cho ra chết mới nhảm mắt. Còn lúc đã chết thì việc mình thế nào đã có sứ quan ghi chép» (1)

Đây là lòng trung và đây là chí phục vụ : năm 1858 nghe tiếng súng của Pháp, tiên sinh cùng các quan ở Nghệ An là Vũ-trọng-Bình, Lê-bá-Thân xem xét đề thiết lập đồn ải ở Vinh. Khi vua Tự-Đức có chiếu triệu, tiên sinh tâu: «Thân già này còn thở ngày nào, thì xin hiến cho nước ngày ấy». Tiên sinh không vào kinh vì quan tỉnh Vinh giữ lại.

Công đức của tướng công vẹn toàn, một dạ sắt son nêu gương vắng vặc vì dân vì nước. Chúng ta mà hiểu nhầm tướng công há chẳng sa vào câu: «Quân tử chi sở vi chúng nhán cố bất thức dã» của cổ nhân hay sao ?

(1) Xem chương «Một vài giai thoại về Nguyễn-Công-Trứ».

Hoan-lộ của Nguyễn



công Thu
 Bình bộ
 Thượng thư
 Tông đốc Hải-an
 giang 4 cát u' tu'u

Hùu-Tham-tri
 đai vò bộ
 Tả đồng quan sứ
 Chu Khoa Hanoï
 Tân Lý quan u' u
 Định Trấn Tây
 Tham tán đại thán
 Bình bộ Lang Trung
 Bình bộ Thị lang

Tham-tri

An-sát Quang-Ngai
 Thua-thien Phu-thu
 Thua-thien Phu-doan
 Võ Hữu

Nhạc ngựa bò vàng deer ngọt ngọt

đều đều
 trắc trắc

Sứ
Công

nghiệp lu mờ
danh suy bại

35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 59

Link of Quang-Ngai

CHĒT

SỰ NGHIỆP

QUÂN SỰ KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ

Sự nghiệp của Nguyễn-công-Trú không được cao thâm như sự nghiệp của Quang-Trung, Lê-Lợi, nhưng nói rằng sự nghiệp ấy dồi dào phúc tạp, ích quốc và lợi dân thì quả có dồi dào, phúc tạp, ích-quốc, lợi dân. Ta có thể tạm chia sự nghiệp ấy làm bốn : sự nghiệp quân sự, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp chính trị và sự nghiệp văn chương. Trong chương này chúng ta riêng xét về ba sự nghiệp đầu.

SỰ NGHIỆP QUÂN-SỰ

Thi cử ở cựu triều không đề cập tới vấn đề quân sự. Ngày nay quân sự là môn khoa học riêng đòi hỏi người theo đuổi phải có sức học chuyên môn vững chắc. Đời xưa cũng có thi võ, nhưng những ông cử võ chỉ biết có võ bị, không cần phải biết sách vở về chính trị, cho nên những ông thuần võ phải phụ thuộc vào những ông văn quan thông suốt binh thư. Binh thư không bó buộc ở kỳ thi nhưng bắt cứ một ông quan nào tự hào đại khoa cũng phải đọc đủ bách gia thư tử, binh pháp và các môn độn toán. Nguyễn-công-Trú nhờ thời hàn vi lâu dài nên đã học rất nhiều. Trong Hàn nho phong vị phú tiên-sinh kê đã học qua địa-lý, phù-thủy, bối Đa-hạc v.v.. chỉ cần xét nghệ thuật phủ dụ nhân dân—thời nay gọi là nghệ thuật tuyên truyền, chiến tranh tâm lý — chúng

ta cũng nhận thấy họ Nguyễn quả có tài đặc biệt. Bài “Gánh gạo đưa chồng” có tác dụng như tiếng sáo, bài ca của Trương-Lương. Tuy mục tiêu trái ngược, nhưng cả hai đều đạt được kết quả mong muốn, một đẳng thì khích-lệ quân sĩ phải xông pha nơi núi rừng hiềng trở, một đẳng thì gieo hoang mang ngờ vực chán nản vào lòng tám nghìn tử đệ Giang Nam để họ bỏ Hạng vô. Ta thử phân tích để hiểu nghệ thuật khích động lòng người của Uy-viễn tướng công :

Gánh gạo đưa chồng

Mười
*Con cò lặn lội bờ sông,
 Gánh gạo đưa chồng tiếng hát nì non.
 Lộ diệc vũ trùng trùng chí nhắt,
 Thương cái cò lặn lội bờ sông.
 Tiếng nì non gánh gạo đưa chồng,
 Ngoài nhìn đậm một trời một nước.
 Trong bóng nhạn băng khuâng tiếng birbc,
 Nghe tiếng quayen khắc khoải nâm canh,
 Nghĩa thép tôm ai nõ đất tinh,
 Ông thủy thổ phải đèn cho yến súng.
 Đuòng tên đạn xin chàng bào trọng,
 Thiếp lui về nuôi cái cùng con.
 Cao Bằng cách trời nước non,
 Mình trong trắng có quỳ thắn a hố.
 Sắc bay nhảy một phen nắng nở
 Đá Yên-Nhiên còn đó chẳng mòn.*

*Đồng hồn rạng chép thê son,
 Chàng nên danh giá thiếp còn trẻ trung.
 Yêu nhau khăng khít giải đồng.*

Dùng một điệu hát thuần túy Việt-Nam làm bài văn tuyên truyền để quần chúng ngâm nga thăm nhập vào tâm khảm là ưu diêm thứ nhất. Lấy ngay ca dao và ý nghĩa ở ca dao để khuyễn khích tỏ rằng Nguyễn-công-Trú đã hiếu đến vô thức, tiềm thức, của người dân. Hình ảnh con cò bé nhỏ yếu hèn làm tròn bồn phận cũng là một sức mạnh lay động chí khí của thanh niên muôn ra tay hiệp sĩ, cứu vợ con, và làm tròn nhiệm vụ. Tóm lại tác giả đã khéo nêu toàn thể nếp sống tinh thần dân tộc về cả tình cảm lẫn lý trí để khích lệ tướng sĩ. Tình cảm tha thiết, hy sinh bâng khuâng khắc khoải, ao ước thái bình sẽ được xum họp, lý trí thì đầy đủ, vừa nhận nhiệm vụ « về nuôi cái cùng con » vừa biết phận sự của chồng ra đi để « ơn thủy thổ phải đến cho vẹn sóng », vừa biết giữ lòng trong trắng để yên tâm chồng. Phác họa ngay nếp sống của dân để rung động lòng dân. Nguyễn-công-Trú là bậc thày về tâm lý quần chúng vậy. Chữ dùng nôm na rất khéo, lấy ngay chữ trong ca dao, nhạc điệu lại êm ái nên sức truyền cảm dẫn dụ thật sâu rộng.

Tài tiên liệu và kích thích dân quân đã mầu nhiệm, đến như tài bầy binh bố trận của tướng công còn vượt bực. Tài liệu không còn đầy đủ để ta phán xét nhưng chỉ đọc qua các trận giặc ta cũng thấy Nguyễn-công-Trú đã bày và thắng đủ mọi thứ trận đồi.

— Giặc Lê-duy-Lương năm 1826 là giặc ở Thanh-hóa có cả núi rừng hiềm trờ, đồng ruộng mênh mông. Ở đây giặc có thể vừa dùng du kích chiến, vừa dùng dã chiến vừa núp ở rìa núi, vừa nương náu ở nhà dân. Muốn tiêu diệt giặc phải dùng cảm xung phong, lại phải dùng mưu dụ giặc, lấy lòng dân để tiêu diệt du kích và chặn đường lương thực. Muốn hiều được cái khó khăn của Uy-Viễn tướng công, ta nhớ lại rằng quân Minh mạnh gấp bội mà không đánh nổi dum quân của Lê-Lợi. Xuất quân kỳ thứ nhất, Uy-Viễn tướng quân dã thắng trận vẻ vang, con người ấy quả xứng đáng dè vỗ ngực tự hào rằng :

*Kinh luân khởi tâm thương
Binh giáp tang hung trung.*

Giặc Phan-bá-Vành (1) cùng bọn giặc Khách ở Quảng-Yên đều là giặc ở biển ngoài, tụ tập tại những bãi hoang có lau sậy, đi thuyền rất giỏi, ngón võ là lao tre cật, móng dây không định cứ, khi ẩn khi hiện, phá làng cướp chợ. Đánh giặc ấy phải giỏi tiên đoán — nay thì là giỏi trinh sát — phải biết thủy chiến; phải thạo du kích và ngụy binh. Muốn ý thức được khó khăn ta nhớ lại thò ngơi Dạ-Trạch đã giúp Triệu-quang-Phục đánh nhà Lương và Nguyễn-thiện-Thuật chống Pháp có hiệu quả ở Bãi sậy, Uy-Viễn tướng quân đã thắng.

(1) Có câu thơ truyền khẩu sau này chứng tỏ tham vọng của Phan-bá-Vành thời đó :

*Trên trời có sao tua dua,
Ở dưới kỵ giới có vua Bá-Vành.*

Phần thưởng long não, bạch ngọc và kim khánh với bốn chữ « Lao nǎng khả tướng » của Minh-Mệnh tỏ rõ công lao cao cả đú.

Giặc Nùng-văn-Vân là điền hinh sơn lâm chiến trận, có thề nhất binh cự vạn binh. Ở vào một thời đại thiếu dụng cụ khoa học việc trắc định vị trí, tiến thoái đúng đường tiên liệu hổ bầy, tiếp tế lương thực, khám phá mạch nước, cầm nắm đường mòn, triệt đường vận lương, suy trắc thời tiết, tùy địa thế mà biến đổi thế trận, lâm cơ ứng biến, lúc bao vây lúc tiêu diệt, lúc mở vòng... Một chủ tướng phải đủ mọi tài ba, thông thiên đạt địa, thấu nhân sự. Uy Viễn cũng đã thắng giặc này với tài quân sự thần xuất quỷ nhập của cụ.

Có lẽ cũng vì tài ấy mà cả triều đình nhà Nguyễn run sợ lo sự phản nghịch phải luôn luôn ra uy giáng chúa.

Tài quân sự ấy lại được thử thách bằng một thế trận mới : Lục quân đã chiến đại quy mô ở Trấn tây. Ở đây chiến lược phải là đại bao vây, tiêu bao vây, công phá thành trì. Lúc này cụ đã bị giáng chức hai lần, sự ghen ghét ở triều đình đã rõ rệt, nên quân cụ tướng lính không được như ý nguyện. Thế mà cụ còn chém được tướng giặc Phiên-Tăng. Nhận được như thế ta mới thấy Nguyễn-công-Trú quả là một đại tướng đánh dư trăm trận. Chỉ một tài quân sự đã đủ cho ta kính phục, chỉ một sự nghiệp vĩ bị đã đủ ta phải đưa vào Lân-các Yên-dài. Phải đã làm được như thế mới dám vỗ ngực :

*Đỗ kỵ xá chi con tạo
Nợ tang bồng quyết trả cho xong.*

SỰ NGHIỆP KINH TẾ

Cái con người “ thông minh nhất nam tử ” sau khi dẹp giặc an dân lại còn dutherford dân. Nước Việt là một nước nông nghiệp nên việc dẫn thủy nhập điền là tối yếu. Đi đến đâu Uy-Viễn tướng công cũng đào sông đắp đê : An Giang, Quảng-Yên, Ninh-Bình, Thái-Bình, Nam-Định. Sông và đê giúp cho dân cày cấy lại còn là đường giao thông thuận tiện vì ta không nên quên đời ấy dụng cụ khoa học ta chưa biết đến. Doanh điền là cái lo lắng nhất và cái thành công lớn lao bền bỉ nhất của tướng công.

Ở miền Quảng-Yên, Hải-Dương giặc ra vào cướp phá dân trong vùng. Nguyễn-công-Trú đã phải tiêu trừ nhiều lần Năm 1833 cụ giết thống lĩnh là Trương-Nghiêm và ngụy tiền quân là Trịnh-bá-Dao ở Tứ-Kỳ Hải-Dương ; năm 1838 cụ đánh giặc khách tụ tập ở đảo Chàng sơn 槟山 rồi lại lập đồn để canh phòng. Cụ phủ dụ ban cấp cho hai bang người (kẻ chài) người Tàu Khai-Vĩ 開尾 và Hà-Cò 蝦罟 vì có công đánh giặc và nộp tướng giặc. Giẹp yên giặc rồi, cụ chỉ đất cho người ở Bang Khai-Vĩ an cư ở chân núi Đông Sơn. Chính sách của cụ vẫn là tiêu diệt những thủ lãnh rồi an cư đồ đảng. Năm Minh-Mệnh thứ XX (1939) cụ giẹp giặc giết bốn tên thủ phạm còn dư đảng 180 người lập lại một làng Hướng-Hóa 向化 chia làm bốn giáp, đặt lý trưởng Công việc của cụ đã tóm tắt ở bài sớ tâu lên vua Minh-Mệnh Đại ý lời sớ tâu rằng : “ Đời xưa các đấng vua chúa chia ruộng nương cho dân để dân có nghề làm ăn, ở yên chốn thôn ề

cây bừa không dám sinh làm bậy. Nay ở huyện An-Định và huyện Giao-Thủy thuộc tỉnh Nam-Định đất hoang còn nhiều đến hàng ngàn mẫu, nếu nhà nước lấy tiền công cấp cho dân khẩn thời tốn chẳng bao nhiêu mà hoa lợi thu được mãi mãi. Vả lại bãi Tiền châu thuộc phủ Kiến-Xương đất rộng mênh mông cây cối sầm uất giặc thường nhóm họp ở đấy. Nay khai phá đi thì chẳng những mở đường sinh nghiệp cho bần dân mà lại tuyệt cả chỗ làm sào huyệt cho thò phỉ, xin xuống chỉ cho các quan lại trấn chiêu mộ dân phu khai khẩn cứ 50 người lập thành một làng, 30 người lập thành một ấp, tính đất cho ở lại cấp cho trâu bò và đồ làm ruộng, ba năm thành điền, chiết lệ trước bộ thu thuế, làm như vậy đất không sót lợi mà dân cũng chăm việc cày bừa tự nhiên dân phong có xấu cũng ra tốt. (Lê-Thước lược dịch)

Được nhà vua bồ làm Doanh điền sứ cho tùy tiện hưng lợi trừ hại cho dân, cụ bắt tay làm việc. Sự tồ chức thật chu đáo cẩn kẽ. Cụ bắt đầu bằng cuộc kính lý với một người thò dân, (ở Kim-Sơn là ông Nhương quê làng Thủ-Mật). Khi đã di hết hạt cụ phác hoạ một lược đồi, gần giống như phép hoạch đồ đô thị nhưng còn khó khăn hơn vì phải chú trọng đến vấn đề dẫn thủy nhập điền và thủy triều. Tướng công đã giải quyết thỏa đáng cả hai vấn đề bằng những làng nằm song song hình chữ nhật, đi từ cựu thò ra đến tận biển. Suốt dọc mỗi làng có một con sông đi sát một cái đường. Cách vài cây số lại có đường ngang và sông lớn. Đường ngang này tiếp tục làm thêm mỗi khi đất lấn ra biển. Nhờ nhiều sông nên tránh được lụt và đủ nước cho dân cấy. Nhờ

những đường ngang nên giữ được nước thủy triều, mà các làng ngang bằng sô thẳng coi như các phố trong một thành thị. Làng chạy dài làm cho sự đi lại khó khăn nhưng nhờ có cả đường thủy bộ nên giao thông rất thuận tiện và tránh được mọi sự tranh chấp mỗi khi phải phân chia những đất bồi thêm. Thời này mới, dù phương tiện máy-móc, không nói làm gì, thời ấy Nguyễn-công-Trú chỉ có ý-chí và một bộ óc biết dù thiên văn, địa lý, thủy lợi học và hải dương học.

Vấn đề thứ hai là vấn đề người. Làm thế nào có người để sinh-cơ lập nghiệp ở những chốn đèo heo hút gió sơn cùng thủy tận này? Người Việt là dân định cư nông-nghiệp lại giàu tình quê hương, dù nơi chôn rau cốt rốn nghèo đến đâu cũng không muốn rời phần mộ tổ tiên. Cho nên phủ dụ được dân đi khai khẩn hoang địa tại một nơi bấp bênh với bao nguy hiểm là cả một vấn đề, cả một chính sách. Đề treo gương cụ phải dẫn một số người nhà từ Nghệ ra. Những đầu trộm đuôi cướp du thủ du thực được chiêu mộ lại. Hễ ai mộ được 10 người thì lập thành một giác nhận ruộng hơn 100 mẫu, mộ được 15 người lập thành một trại, 30 người lập thành một ấp, 50 người lập thành một lỵ. Cho phong trào được lan rộng cụ cố tìm các con nhà danh-gia thế phiệt đề để lôi cuốn dân chúng. Những gia đình khoa-bảng ở Quỳnh-Lôi, Hoàng-Mai, Bạch-Mai ứng mộ cũng nhiều, dân đồn xô đến nên công cuộc của cụ thành công rất chóng.

Cụ tâu xin lấy tiền công làm nhà cho ở, cấp cho trâu cầy, một cái thuồng, một cái xuồng, một cái cuốc, một cái

liêm, súc các ông chiêu mộ lính về cắp phát. Nếu ai đê bẩn phần hoang phế hoặc trốn tránh thời phải mờ người khác và phải đền tiền công. Ba năm thành điền mới chiêu lệ trước bộ thu thuế. Nhờ tài ba và chính sách khôn khéo thích hợp chẳng bao lâu một giải Tiền-Châu, ruộng khần được hơn 18.970 mẫu, đình mờ được hơn 2.350 chia ra làm 14 lý, 72 ấp, 20 trại, 10 giáp lấy tên là huyện Tiền-Hải. Lại ở địa phận xã Ninh-Cường, xã Cát-Hải cũ có khần được 4 lý, 7 trại lập thành một tổng thuộc huyện Nam-Trực. Tổng Hoành-Nha cũng khần được 5 ấp, 2 trại, 24 giáp thuộc huyện Giao Thủy, Nam Định; ở Ninh-Bình đặt ra huyện Kim Sơn cả thảy được 3 lý, 2 ấp 12 trại, 24 giáp, ruộng chia được hơn 14.600 mẫu, đình được hơn 1.260 người.

SỰ NGHIỆP VỀ CHÍNH TRỊ

An dân và dưỡng dân Nguyễn-công-Trứ đã thực hiện quan niệm chính trị cấp tiến nhất của thế kỷ XX « chính trị là thiết kế và chấp hành dân sinh ». Ở Hải An, tướng công đã tiêu trừ thò phỉ cho an dân, phủ dụ những đồ đảng và chia đất cho họ an cư lạc nghiệp. Tướng công đã áp dụng chính sách triều-dình với cách khôn khéo riêng. Ba điều an dân sau, này tỏ ra tướng công thấu đạt về chính trị :

- 1) Nghiêm pháp đê cấm tuyệt phi đảng.
- 2) Minh thường phạt đê khuyến khích quan lại.
- 3) Khai khần hoang điền đê dân nghèo có thể làm ăn.

Cụ đã dùng cả uy (diều 1) và ân (diều 2 và 3) để đạt đến mục đích an cư lạc nghiệp cho dân. Nếu nhận định cả việc đào sông ở An-Giang người ta thấy tướng công chú trọng đến ân (dưỡng dân) nhiều hơn là uy, tức là luôn luôn dùng vương đạo. Khai khẩn ruộng hoang mà không hề đề một tấc đất cho mình: cụ là người chí minh chí công không bao giờ «đi công vi tư». Nhờ có đạo đức ấy tướng-công mới thu phục được lòng dân và cai trị được những huyện mới thiết lập.

Cai quản những đất đai ấy là cả một vấn đề. Đất đã hoang phế, giao thông khó khăn lại còn nhiều những bãi rộng gò ráng, là những sào-huyệt tự nhiên của cướp trộm. Những người dân mới, một số đồng hoặc là du thủ du thực hoặc là dư đảng của giặc cướp coi mạng người không bằng sợi tóc. Cả những con nhà dòng dõi theo tướng công cũng phần đông là con cái bất trị. Việc cai trị lại chưa điều-hòa nên có nhiều truyện lạ đời xảy ra: Huyện Kim-Sơn không có tri huyện, một thô dân mạo xưng và tại chức đến hơn một tháng tác oai tác họa rồi triều đình mới biết. Có những ông chiêu mộ như ông chiêu mộ làng Như Độ, Kim Sơn «tất người chết tươi, đánh trâu chết đứng». (Bản tính dũng cảm và hung tợn của người dân vùng này còn được chứng thực ngay trong thời Pháp thuộc. Năm 1930 dân Đống Cao, Tiền-Hải nỗi dậy dũng mạnh không kém Nghệ An. Năm 1946 dân chúng Phát Diệm nỗi dậy trong một buổi quét sạch tất cả Việt-Minh ở trong vùng).

Vì thế mà chính trị của tướng công đã nhằm cả an, giáo, dưỡng. Bản sớ của tướng công về triều đã tỏ rõ chính sách

vương tri đế. Đại ý bài sớ đó như sau :

Dân hai huyện ấy đều là dân phiêu lưu tự các hạt khác đến, chưa có gì làm cho chúng nó liên lạc đoàn-tụ với nhau. Nay xin định ra 5 điều quy-ước :

1) **Đặt nhà học.**— *Trẻ con sinh ra 8 tuổi là phải vào nhà học, thoát dạy trẻ những điều ưng dõi, tiến thoái, hiểu hữu, trung tín, kính nhường, sau mới cho học chữ. Đứa nào học không tần tòi cho về tìm nghề khác.*

2) **Đặt xã thương.**— *Thu thuế những ruộng đã khai khẩn sau 3 năm mỗi mẫu lấy 20 bát thóc đồ vào kho. Gặp thời giá thóc cao thì bán, thóc rẻ thời mua, phòng gấp có thủy nạn bất thường thời dem thóc chiết cấp, năm nào được mùa sẽ theo số đã cấp trước tha lại để chia trù.*

3) **Chăm việc dạy bảo.**— *Hễ tên nào bắt hiểu bắt đẽ, bắt kinh, giao du với côn đồ thì cả cha anh cũng liên dời bị tội.*

4) **Cần việc phòng thủ.**— *Khi xây giặc cướp phải hoặc tích cực chống cự hoặc lén theo dõi để quan quản tận diệt chúng tàn sào huyệt.*

5) **Nghiêm việc khuyến trừng.**— *Dân nào phong tục thuần hậu, ruộng đất mở mang thì được tinh thưởng. Dân nào nhác nhởn, ruộng đất bỏ hoang, tập lực gian dâm đua nhau kiện cáo thời lý trừng, ấp trừng đều bị trừng trị, rồi chọn người cần lin, mân cán khác thay vào.*

Phân tích 5 điều trong quy-ước ta nhận thấy Nguyễn-Công-Trú đã lo cho dân đủ điều : Giáo dân, tồ chức dân,

huấn dân, an dân, thanh dàn. Tiếc rằng đình thần thiền cận không dám đề tướng công đặt Phi-quí-Trại làm huyện thừa lại không dám cho tướng công thi hành bản quy ước để ý hẳn sợ người thành công thì sẽ tỏ rõ cả chính sách ngu muội của triều đình.

Với Uy-viễn ta phải nhận rằng bắt cứ về bộ môn nào tướng-công cũng xuất chúng đúng với câu «sĩ vi bách nghệ» và câu :

*Trong lang miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biển thùy rạch mũi Can Tương.*

Và chỉ mới xét về quân sự, kinh tế chính trị cũng đã đủ để cụ :

«Lưu thủ đan tâm chiểu hân thanh».

CUỘC SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG

QUA SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

Đời sống Nguyễn-công-Trứ đã đạt được một thế quan bình tuyệt đẹp. Triết lý hành động đi song song với tư tưởng khinh thế ngạo vật và hưởng lạc : một nhà nhập thế nhẫn nại tích cực điều hòa với một nhà xuất thế có tâm hồn khoáng đạt, lý trí thực tiễn sắc bén điều hòa với tình cảm nghệ sĩ man mác, lãng mạn.

Nhìn chung, văn chương của Hy-Văn dù không được du dương, diêu luyện, hoa mỹ như văn chương Cao-bá-Quát nhưng cách diễn đạt sáng sủa nhẹ nhàng, giản dị tựa như xuất khâu thành chương mà vẫn dồi dào, trau lịch, hùng tráng. Tuy gấp bao éo le ngang trái của cuộc đời, tuy đôi khi cụ có cười đời, than đời nhưng không vì thế mà có giọng chua cay ghét đời, chán đời. Cụ thật có hy vọng muốn làm cho đời xấu nê tốt, dở héo hay, quyết đem cái chí khí hoài bão mà thêu dệt cho non sông thành gấm vóc. Chính vì vậy mà lời thơ cụ luôn luôn khích động được lòng cảm khái, khiến ta nhận thấy chân giá trị của con người biết đem thân ra hăng hái gánh vác các việc khó khăn ích lợi cho đời.

Người ta đã ca tụng hết lời những câu thơ của Corneille. Sainte Beuve khi phê bình Corneille có viết : « Ses tragédies échauffent l'âme, élèvent le cœur, peuvent et doivent créer des héros » (*Những bi kịch của ông nung nấu tâm hồn, nâng cao tinh thần có thể và phải đào tạo những vị anh hùng*).

Lời thơ của Uy viên tướng công cũng có hiệu quả tương tự. Người ta đã nhắc nhiều tới những câu :

A vaincre sans périil on triomphe sans gloire

*A qui venge son père il n'est rien d'impossible
Ton bras est invaincu mais non invincible.*

*Je suis jeune, il est vrai, mais aux âmes bien nées
La valeur n'attend point le nombre des années. (1)*

Nếu đọc những câu trên đây ta thấy sang sảng như tiếng gươm đao thì đọc những câu sau đây ta cũng thấy như lở sông phá núi :

(1) Chiến không nguy nan, thắng không vinh quang

Ké rủa hòn cho cha thì không có gì là bắt khôn,
 Tay người chưa bị thua, không phải không bao giờ thua.

Ta trẻ thật nhưng với những tâm hồn phú báu
 Thì giá trị tài năng không cần phải đợi số tuổi trót.

- *Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc,
Nợ tang lòng vai trả, trả vay.*
- *Đã xông pha bút tranh thì gắng gỏi kiềm cung,
Làm cho rõ tu mi nam tử.*
- *Cũng có lúc mưa dồn sóng vỗ
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong.
Chỉ nhèng toan xé núi lấp sông
Làm nên đắng anh hùng đâm đầy tö.*
- *Trong lang miếu ra tai lương đồng
Ngoài biển thùy rạch mui Can Tương.
Làm sao cho bách thể lưu phương
Trước là sĩ sau là khanh trêng.*

So sánh với điệu văn của Cao-bá-Quát thì ta thấy khú thế của họ Cao bóng bầy có sức lôi cuốn như thác ngàn nước lũ :

*Duyệt thế nhất thân thiên lý mā
Quan thư song nhơn vạn niên đặng. (1)*

Còn văn thơ của Uy-Viễn tướng công, cụ thè sắc gọi cũng dư sức thúc đẩy thiên binh vạn mã. Một đằng diễm lệ chơi vơi, một đằng hùng hồn cao cả, thật là :

Mỗi người một vẻ mèo phân vẹn mèo

(1) Nghĩa là :

Từng trải việc đổi như con ngựa đi ngàn dặm,
(Khi) xem sách, đổi mắt (sáng) như những ngọn đèn
(chiếu vào khoảng thời gian) ngàn vạn năm.

Vì ý thức được rõ rệt trách nhiệm kẻ sĩ, Nguyễn-Công-Trứ đã nêu một cách tòng quát quan niệm nhân sinh của cụ trong bài ca luận về kẻ sĩ.

LƯẨN VỀ KẺ SĨ

Địa-vị và giá-trị của kẻ sĩ.

*Tuởc hưu ngū sī cù kỷ liệt,
Dân hưu tú sī vi chí tiên.
Có giang sơn thì sī đā có tên,
Tù Chu Hán vốn sī này là quý.*

BA GIAI ĐOẠN CỦA KẺ SĨ

a) Giai đoạn tồn tại, dưỡng tính, tu thân, nuôi chí khi anh hào của kẻ sĩ :

*Miền hương dâng đā khen rằng hiếu nghị,
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường.
Khi hao nhiên chí đại chí cương,
So chính khí đā đầy trong trời đất.*

*Lúc vi ngã hói tang nơi bồng tắt,
Hiếu hiên nhiên điểu Vị canh Sần.
Xe bồ luân dẫu chưa gặp Thang Văn,
Phù thế giáo mệt vài câu thanh nghị.*

*Cầm chinh đạo để tịch tà cự bí,
Hồi cuồng lan nhí chướng bách xuyễn.*

b) Giai đoạn thực hiện chí khi mình đã ấp ú từ lâu.

Rồng mây khi gặp hội wa duyên

*Đem quách cả sở tồn làm sở dụng,
 Trong lang miếu ra tài lương đồng,
 Ngoài biển thùy rạch mũi Can Tương
 Làm sao cho bách thể lưu phuơng,
 Truớc là sī, sau là khanh tưng.
 Kinh luân khởi tâm thương, binh giáp tàng hung
 trung
 Vũ-trụ chi gian gai phan sự Nam nhì đáo thır thi
 hào hùng.*

c) **Giai đoạn thanh nhàn, sự nghiệp đã trọn, tâm hồn thanh thơi không thắc mắc không cầu mong.**

*Nhà nước yên mà sī được thung dung,
 Bấy giờ sī mbi tìm ông Hoàng-Thạch.*

*Năm ba chú tiêu đồng lêch-thếch,
 Tiêu dao nơi hàn cốc thành sơn.
 Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đòn,
 Đồ thích chí chất đầy trong một túi.*

*Mặc ai hỏi mặc ai không hỏi tôi,
 Gâm việc đời mà ngầm kè trọc thành,
 Nay này sī mbi hoàn danh.*

Nguyễn-công-Trú đã tự hào mang đời mình ra nêu gương cho hậu thế.

Chúng ta thử tìm nội dung và nguồn gốc ý chí hành động và tư tưởng khinh thẽ ngạo vật cùng quan niệm hướng lạc của Cụ.

Ý CHÍ HÀNH ĐỘNG

NGUỒN GỐC

Nguồn gốc sâu xa của ý chí này là học thuyết Khòng-Tứ luôn luôn đề cao mọi cố gắng phục vụ nhân sinh. Chứ ảnh hưởng của Khòng học đậm đà nhất, Nguyễn-công-Trú ước mong :

*May ra mờ mặt rặng nho
Quân dân một gánh giang hồ cung xong.
Nam nhi đáo thử thi hùng.*

Cụ đã vay mượn của Nho tất cả chủ trương quân tử, tự cường bất túc, độc thiện kỳ thán, kiêm thiện thiện hạ, chí tang bồng hồ thi, chí lập công, chí lưu danh, chí phụng sự.

Trên đây là nguồn gốc sâu xa của ý chí hành bộng.

Nguồn gốc gần chính là bối cảnh lịch sử thời đó với những gương lập nghiệp của các bậc anh hùng như Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh...

Nguồn gốc gần nữa là kinh nghiệm bản thân của chính cụ. Nguyễn-công-Trú, ngay từ buỗi đầu của cuộc đời cho tới năm 42 tuổi, đã phải tranh đấu vật lộn, với biết bao nhọc nhằn trong một cảnh nghèo cơ cực.

NỘI DUNG Ý CHÍ HÀNH ĐỘNG

Quan niệm nhân sinh của Nguyễn-công-Trú cũng là quan niệm chung cho tất cả nhà nho lấy Khòng Giáo làm hệ thống tư tưởng tiêu chuẩn. Trong 4 hạng người ở xã hội

nông nghiệp Á đông là sĩ, nông, công, thương, thì sĩ được xếp vào bậc lanh đạo vì là phần tử hiểu biết nhiệm vụ chung phải gánh vác. Sự xếp đặt đó trong tư tưởng Nguyễn-công-Trú hoàn toàn có tính cách phân công tự nhiên chứ không có ngụ ý trên dưới trọng khinh :

*So lao tâm lao lực cung một đoàn,
Người nhân thế muốn nhân sao được?*

Ý chí hành động của cụ Nguyễn-công-Trú đề có thể tóm tắt bằng mấy điểm chính sau này :

a) Quan niệm về sự nghiệp công danh và chí nam nhâ

Nguyễn-công-Trú rất khinh miệt hạng người trọng danh lợi tiền đếm gạo lường :

*Tiền tài hai chữ son khuyên ngược,
Nhân nghĩa đổi đường nước chảy xuôi.*

Hay lũ bất tài ô trọc vì luôn lợt mà có danh vị :

*Chuồn đói mū mượn mầu đạo đắc,
Thịt hay ăn mệt cục thâm xì.*

Hay lũ quần thần chầu rìa vô dụng :

*Con voi đánh giặc Đông Tây
Con mèo ngồi bếp iá đầy nồi rang*

Theo cụ thì kẻ sĩ phải lập chí, không phải đề làm giàu chẳng phải để cầu danh tiếng hão. Đây là cái « chính khí đ

đầy trong trời đất, đây là cái «khí hao nihil chí đại chí cương». Kẻ sĩ trông theo đầy mà nuôi chí khí lớn cùng với trời đất, luôn luôn nhăm mục đích «cầm chính đạo đè tịch tà cự bì».

Cụ đã sinh vào thời loạn ly nghiêng ngửa, đời niêm thiếu bẩn bách lại là người thông minh sớm cảm thấy nhiệm vụ của mình.

Chí ấy không thu hẹp trong phạm vi nhân quần xã hội mà bao quát cả hoàn vũ :

*Vũ trụ chúc phận nội,
Đường trường phu một túi kinh luân.*

Vì thế con người phải đủ tài ba đề thực hiện chí rộng lớn:

- *Đã xông pha bút trận thì gắng gòi kiểm cung.*
•
- *Trong lang miếu ra tài lương đồng,
Ngoài biển thùy rạch mũi Can Tương.*
•
- *Kinh luân khởi tâm thương,
Binh giáp tang hung trung.*

Nói tóm lại cụ đã quan niệm chữ danh dự trên tài đức, dựa trên sự nghiệp hiền hách có cả chiều rộng lẫn chiều sâu đề:

Làm sao cho bách thể lưu phuơng.

Với cụ nhất phầm triều đình đâu đã là «danh» nếu chúc tuởc đó do luồn cui mà có.

b) Thái độ làm việc

Cụ làm việc bất chấp hoàn cảnh, làm việc với một thái độ tự tin, nhẫn耐, quả cảm hiếu cõ.

Cụ tin ở tài sức mình :

- *Mà chữ danh liền với chữ thân,
Thân đã có át danh âu phải có.*
- *Trong lúc trần ai, ai dễ biết,
Rồi ra mới rõ mặt anh hùng.*

Tin ở lẽ tuần hoàn của trời đất :

*Số khả bì rời thời lại thái,
Cơ thường đồng hết hàn sang xuân.*

Biết khinh đồng tiền :

Hồi tanh chẳng thú vị gì.

luôn luôn giữ phàm hạnh cao quý :

- *Miền hương đảng đã khen rằng hiểu nghĩ,
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường.*
- *Cầm chính đạo để tịch tà cự bì,
Hồi cuồng lan nhi chueong bách xuyễn.*

c) Mục đích phụng sự

Quan niệm về công danh và thái độ làm việc của cụ Nguyễn-công-Trứ thì rõ ràng là những cái gì vững và đẹp muôn thuở. Còn mục đích phụng sự có đôi chút nhuộm sắc thái của nền luân lý thời đại :

*Nặng nề thay hai chữ quân thân,
Đạo vi tử vi thần đâu có nhẹ.*

Nhưng xét cho kỹ thì cũng chỉ nhuộm sắc thái luân lý thời đại ở phần hình thức với những danh từ: “nặng nề thay hai chữ quân thân” mà thôi vì cụ đã xác định ngay nội dung của đạo “vi tử vi thần” chính là đem tài năng ra giúp dân giúp nước:

*Nghiêng mình nhường vì dân vì nước,
Túi kinh luân từ trước để về sau,
Nghìn thu một tiếng công hầu.*

hay :

*Thượng vị đức hạ vị dân,
Sắp hai chữ quân thân mà gánh vác.*

TƯ TƯỞNG PHẬT — TƯ TƯỞNG KHINH THẾ NGẠO VẬT — TƯ TƯỞNG NHÂN VÀ HƯỞNG LẠC — NHÀ THƠ TÌNH CẢM

Là nho gia nhưng cụ không “cuồng tín” như Hàn-Dũ đòi đà phá đạo Phật. Là người Việt khoan dung cụ đã đúc cả tam giáo vào một lò nén trong dòng cảm xúc của cụ không thiếu tiếng nói từ bi của nhà Phật, không thiếu tư tưởng khinh thế ngạo vật của Lão-Trang.

TƯ TƯỞNG PHẬT

Ngồi trên thuyền từ bi cụ thương cho nhân thế trầm luân.

*Thuyền từ một lá chơi voi,
Bé tràn chờ hết mấy người tràm luân. (1)*

Cảm thấu lẽ huyền vi của đạo Phật cụ đã thốt lên :

*Thiên thương thiên hạ vô như phật,
Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài. (2)*

Khi về hữu cụ ở chùa rồi sau khi được mời ra Bắc về
cụ lại tùng tu hai ngôi chùa làng.

Nhưng—điểm này mới là điểm đặc biệt—đúng như tính
thần người Việt nêu ý niệm cần thiết «có trời» để đời sống
xã hội khỏi rối loạn, khuyến thiện trường gian — «không trời
ai ở với ai» — nhưng người Việt vẫn làm chủ lấy mình và
chỉ đem ý niệm trời. Ở đây cụ Nguyễn-công-Trú rõ ràng
quán thấu đạo Phật mà khi tới ở chùa vẫn :

*Gót tiên theo đúng định một đời dì,
But cũng nực cười ông ngất ngưởng.*

TƯ TƯỞNG KHINH THẾ NGẠO VẬT

Tư tưởng này bắt nguồn từ học thuyết Lão-Trang. Lão
Tử chủ trương một cuộc sống hồn nhiên phóng khoáng;
Trang Tử tiễn thêm một bước, kiện toàn và hệ thống hóa tư
tưởng Lão-Tử nhấn mạnh sự tương đối và tính cách hư ảo
của thế giới hiện hữu. Đã có một ngày kia mệt mỏi trong
cái buồn man mác của cảnh già, ôn lại cuộc đời quá khứ,
Nguyễn-công-Trú xem nhân sinh như ảo mộng :

(1) (2) Xem bài «Vịnh Phật» phần phụ lục.

*Ơi ! nhân sinh là thế ấy, như bóng đèn,
Như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao.
Ba mươi năm hưởng thụ biết ngần nào,
Vừa tinh dậy nồi kê chưa chín.*

và :

*Cái hình hài đã chắc thiệt chưa,
Mà lẽo đẽo khóc sầu chí ríu mài.*

(Vịnh nhân sinh)

TƯ TUỞNG NHÀN VÀ HƯỞNG LẠC

Thực ra tư tưởng thường là hệ luận của tư tưởng khinh thê ngạo vật trên. Với Uy Viễn tưởng công nhàn và hưởng lạc hầu như được đề cao thành một thái độ vĩnh viễn. Ngay từ thuở thiếu thời cụ cũng đã :

*Mặt tài tình đang độ thiếu niên,
Cuộc hành lạc vầy vùng cho phi chí.*

hoặc cũng rưng với "be sànch chắp cồ" cờ với "bàn cờ xăng bầy kiep nhà ma, chữ nhật chữ đền xiêu xó".

Cách hưởng nhàn của cụ thanh tao cũng có :

*Thi túu cầm kỳ khách,
Phong vân tuyết nguyệt thiên.*

bài bạc cũng có :

*Nhân sinh quý thích chí,
Cuộc ăn chơi chí hơn thú tụ tam.*

hiếu sắc cũng có :

*Khi đặc ý mắt đi mà lại,
Đủ thiên thiện thập thập thêm nồng.*

Và luôn luôn cụ tỏ ra chuốt lọc. Phải chăng các nhà nho thường vẫn có thái độ tin tưởng rằng năng lực của mình hơn đời ở mọi lãnh vực:

*Sách cõi chūn nhânh sinh thích chí,
Đem ngàn vàng chuốc láy trân cưỡi.
Chơi cho lịch mõi là chơi,
Chơi cho đài các cho người biết tay.
Tài tình dẽ mấy xưa nay.*

Tưởng chúng ta cũng nên nhắc tới một yếu tố khác nữa của tư tưởng hưởng lạc, ấy là hoàn cảnh xã hội thời đó, một thời nhiều nhương loạn lạc vì triều đại đổi thay, vì lòng người hoang mang chưa quy hẳn một bờ. Suốt trong 30 năm tại chúa cụ Nguyễn-công-Trứ từng phải vất và đánh Đông dẹp Bắc như thế nào chúng ta đã rõ.

Trong và sau buổi loạn ly người ta dễ có khuynh hướng hưởng lạc theo câu: “Cõi nhân bình chúc.” (1) Cụ Nguyễn

(1) Ông Tây phương nhà thi sĩ La Mã Horace (65 — 8 trước Thiên chúa) có viết trong một bài đoàn thi của ông tư tưởng này: *Carpe diem (Cuellle le jour).*

— Bên Trung Hoa, đời Đường (thế kỷ thứ 8 sau Thiên chúa) Lý Bạch viết trong «Tương tiên túu» «Quân bất kíen Hoàng Hà chí thủy, thien thượng lai bôn lưu đáo hải bất phục hồi. Đầu thế kỷ này Tân Đà của chúng ta có những câu:

*Ngày xuân còn mãi không thoát,
Tuổi xanh ai dễ xanh rồi lại xanh.
bay :
Trời xanh trời cũng khi già
Xuân xanh, xanh mãi đâu mà hối ai,*

công-Trú dã từng đề cao hưởng lạc như một cứu cánh
tưởng cũng không lấy gì làm lạ :

*Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đáy,
Nếu không chơi thiệt lấy ai bù,
Nghề chơi cũng làm công phu !*

NHÀ THƠ TÌNH CẨM

Cuộc tình duyên diễm lệ của Lạc-long-Quân với Âu-Cơ
trong khung cảnh hồ Động Đình như bức họa duyên dáng
— tuyệt vời còn thồn thức trong lòng mỗi người Việt cho nên
như trên đã nói — bên một Uy-Viễn tưởng công dung cảm
còn một Hy-Văn tiên sinh xao xuyến với tình yêu.

Đây là nét sâu tình của tiên sinh :

*Hồi trăng gió, gió trăng hờ hững,
Ngắm cỏ hoa, hoa cỏ ngậm ngùi.*

hoặc chỉ cần hai câu thơ chữ mà gọi lên cả một nếp sống,
một nếp cảm nghĩ điền hình của kẻ đương chìm đắm trong
sâu tưởng tư :

*Dục phá sâu thành tu dụng tiêu,
Túy tự túy đảo sâu tự sâu.*

(Muốn phá thành sâu nên dùng rượu, nhưng khi
uống vào rồi say thì cứ say mà sâu thì vẫn sâu)

Rồi những câu cảm xúc chứa chan :

*Đã gọi người nằm thiêu cỏ đáy,
Lại đưa hồn lúc ngủ canh đì.*

Chúng ta thấy tâm hồn trữ tình của cụ uyên chuyên thiết tha như của bất cứ nhà thơ trữ tình nào.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ ĐÃ HÒA-HỢP HAI LUỒNG TƯ-TƯỞNG NHẬP-THẾ VÀ XUẤT-THẾ NHƯ THẾ NÀO ?

Như trên đã nói, đời sống của cụ Nguyễn-công-Trứ đã đạt được một thế quan bình đặc biệt. Hai luồng tư tưởng : ý chí hành động và khinh thế ngạo vật đi song song bên nhau, cùng hòa hợp một cách linh động theo từng thời kỳ trong cuộc đời. Chúng ta đã biết cuộc đời của cụ Nguyễn-công-Trứ có thể chia làm ba thời kỳ rõ rệt :

THỜI HÀN VI

(Kéo dài cho đến 1819, năm cụ 42 tuổi khi đỗ giải nguyên).

Thời kỳ này có những bài tự thuật về tuổi trẻ :

*Hai mươi năm lênh đênh mơ màng,
Bản tính đã quen giữ nết ương.*

Hoặc nhận xét về nhân tình thế thái :

*Thế thái nhau tình gồm chết thay,
Nhạt nồng trông chiếc túi voi đầy.*

Và dùi mà kinh sử :

*Đi không há lê trờ về không,
Cái nợ cầm thư phải trả xong.*

Thời kỳ này cự hường nhàn dè đợi thời, dè quên thế thái nhân tình đen bạc, dè giữ vững nhẫn nại và tin tưởng :

*Mặt tài tình đang đê thiến niên,
Cuộc hành lạc vẩy vùng cho phi chí.*

THỜI KỲ XUẤT CHÍNH (1819 - 1849)

Tới đây ý chí hành động chuyển sang thời kỳ thực hiện "kinh bang tế thế" :

*Trong lang miển ra tài lương đồng,
Ngoài biển thùy rạch mũi Can Tương.*

Trong thời này thì hường lạc là một lợi khí dè di-
dưỡng tính-tình dè phong phú hóa và tể-nhị-hoa cuộc sống
dè trở về thực-tại với nụ cười, với đầu óc mới. Đó là khoảng
thời gian mà hai luồng tư tưởng trên đang ở mức quân
binh nhất :

*Đem thân thể nương miền toàn thạch,
Trốn đường danh múa lấy cuộc nhàn.*

THỜI KỲ VỀ GIÀ (1848 - 1858)

Tới đây triết lý hành động mờ nhạt nhường cho tư-
tưởng phóng dật của Lão Trang. Cụ ngắm lại bước đường
đã qua dè suy ngẫm về lẽ đời :

*Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,
Cúc tùng phong nguyệt mới vui sao.*

*Đám phòn hoa trót bức chán vào,
Sực nghĩ lại giật mình bao xiết kẽ.*

Tư tưởng nhàn và hưởng lạc được đề cao đến tột bức :

*Hẹn vui lợi danh ba chén rượu,
Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ.
Chuyên cỗ kim so sánh tựa bàn cờ,
Riéng vui thú giang-sơn phong nguyệt.*

Cách hưởng nhàn của cụ vô cùng hồn nhiên:

*Đô môn giải tố chí niên,
Đạc ngựa bò vàng đeo ngắt ngưởng.*

Vô cùng sảng khoái :

*Cầm tíu tiêu nhiên kỳ tíu sảng,
Thi hoài lạc hỉ túu hoài nồng.*

Không còn vướng chút bụi trần :

*Khi ca, khi túu, khi các, khi tùng,
Không phật, không tiễn, không viêng tục.*

VÀI NHẬN XÉT VỀ THI CA NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

NHỮNG BÀI CA-TỤNG Ý-CHÍ HÀNH-ĐỘNG

Trong những bài này có lẽ cụ chú trọng nhiều về phần tư-tưởng nên lời văn tuy xét riêng từng bài, bài nào bài nấy đánh thép già dặn, nhưng xét chung toàn thể phải nhận rằng rất nhiều bài trùng ý, trùng lời :

*Đó kỵ xá chí con tạo,
Nợ tang bồng quyết trả cho xong.*

(Chí nam nhi)

*Tang bồng hồ thì nam nhi trái,
Cái công danh là cái nợ nần.*

(Nợ nam nhi)

*Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang bồng vay trả trả vay.*

(Chí làm trai)

*Vú trụ nội mạc phi phận sự,
Ông Hy Ván tài bệ đỡ vào lòng.*

(Bài ca ngất ngưởng)

*Vú trụ chi gian gai phận sự,
Nam nhi đáo thứ thị hào hùng.*

(Kè ist)

*Vú trụ chức phận nội,
Đứng trưng phu một tái kinh luân.*

(Phận sự làm trai)

*Vú trụ giai ngô phận sự
Chẳng công danh chi đứng giữa trần hoàn.
Chí tang bồng hẹn với giang san,
Đứng trung hiếu chữ quân thân là gánh vác.
Thi rằng đá mang tiếng trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.*

(Nợ tang bồng)

*Nặng nề thay hai chữ quân thân,
Đạo vi tử vi thần đâu có nhẹ?*
(Nguyễn Nhị)

*Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông,
Trong lúc trần ai, ai dễ biết,
Rồi ra mồi rõ mặt anh hùng.*

(Đỗ Thị Tự Vịnh)

Ta thấy những ý và lời nói về nợ tang bồng, phận sự
trong vũ trụ, đã sinh ra phải có danh với núi sông,
đạo vi tử vi thần nhắc đi nhắc lại trong nhiều bài.

*NHỮNG BÀI THƠ TÌNH-CẨM, CA-NGỌI
CHỮ NHÂN, HƯƠNG LẠC*

Trong những bài này lời thơ trau chuốt dai lọc, nhịp
thơ uyên chuyền mỗi bài một vẻ không trùng lời không
điệp ý :

*Sầu ai lấp cả vòm trời
Biết chẳng chẳng biết hối người tình chung.
(Vịnh sầu tình)*

*Gió trăng chia một thuyền đầy,
Của khe vô tận biết ngày nào vời.
(Vịnh tiền Xích Bích)*

*An ngọc gương tình soi vạn cõi,
Đinh trầm lửa kiếp nấu ba sinh.
(Nhạc tri âm)*

*Kìa nhìeng người mai tuyết đã phau phau
Run rẩy kê đào tơ còn mảnh mảnh.
(Tuổi già cười hồn) (!)*

ĐỊA VỊ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ TRONG THI CA

Với cốt cách riêng biệt, với một bản ngã vững chãi, cụ đã mang vào thi văn nước nhà một luồng sinh khí mới. Lời thơ bao giờ cũng nồng nàn, thành thật rõ ra là đã được sáng tác trong những lúc cảm hứng tràn ngập tâm hồn.

Lời thơ thì thế, còn về tư tưởng như trên ta đã thấy có sự quân bình giữa tư tưởng hành động và tư tưởng khinh thế ngạo vật hưởng nhàn. Ngoài ra chúng ta còn có thể ghi thêm một nhận xét : Trước đây nền văn chương bác học thế kỷ XVIII vẫn còn nép mình trong khuôn khổ chật hẹp của Nho giáo (Cung oán, Chinh phụ ngâm, Hoa tiên truyện) sang đầu thế kỷ thứ XIX Nguyễn-Du và Hồ-xuân-Hương đã làm nứt rạn khá nhiều khuôn khổ, tới Nguyễn-công-Trú thì nền văn chương của ta hoàn toàn bước sang một giai đoạn mới không quá nệ giáo nữa.

Ngay từ thuở “anh hùng còn vị ngộ” mà ý nghĩ lập công đã đi song song với hưởng lạc :

*Chí nhìeng toan xé núi lấp sông,
Làm nên dáng anh hùng đâu đầy tö.
Đường mây rộng thênh thênh cứ bồ.*

(!) Ông Đào duy Anh về tận làng Uy Viễn xét già phả nhà họ Nguyễn mới biết cụ Nguyễn có tới mười bốn vợ.

*Ngơ tang bồng trang tráng vỗ tay reo,
Thảnh thơi thơ túi rượu bầu.*

Khi sự nghiệp đã thành tựu thì 73 tuổi mà còn lầy nàng hầu :

*Tân nhân dục vẫn lang niên kỷ,
Ngũ thập niên tiền nhị thập tam.*

Lên chùa cũng mang theo cả nàng hầu :

*Kìa nái nọ phau phau mây tráng,
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đằng đĩnh một đôi dĩ,
Bụt cũng mực cưỡi ông ngất ngưởng.*

Với thái độ yêu đời không điều kiện, với văn tài điêu luyện, nét bút tươi tắn, những lúc đắc ý hay những lúc sầu khổ trong đời, bao giờ Nguyễn công Trứ cũng thể hiện được mọi trạng huống khác nhau đó trong những bài thơ vô cùng linh hoạt.

Sang đầu thế kỷ XX này thi hào Tagore Ấn Độ có viết :

“Hãy sống, hãy có cái vui thích thực tình: đó là niềm vui của nhà thi sĩ thả tâm hồn trong bài thơ của mình định sáng tác. Hãy biểu lộ khả năng vô cùng của ta trong tất cả sự vật quanh ta, trong công việc ta làm, trong những vật ta dùng trong thế giới ta vui sống...”

Thái độ mà Tagore ca tụng, chính là thái độ mà cụ Nguyễn công Trứ đã từng thể hiện trong cuộc sống từ ngót một thế kỷ trước đây vậy.

QUAN-NIỆM NHÂN-SINH CỦA NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

Ta có thể nói tư tưởng và hành động Nguyễn-công-Trú đã thể hiện trọn vẹn nhân sinh quan của dân tộc Việt khi cụ tông hợp được cả tam giáo trong một nếp sống thật là hồn nhiên, (xem lại chương V). Thường thường thì hai tư tưởng xuất thế và nhập thế của Lão Khổng mâu thuẫn nhau. Nho giáo theo lẽ doanh hư của âm dương, phân biệt thời thuận và thời nghịch. Thời thuận thì xuất thế để gánh vác việc đời «kiêm thiện thiện hạ», mang đạo ra giáo hóa quần chúng. Thời nghịch thì ẩn tàng «độc thiện kỳ thân» tự tu tự cải chính tâm thành ý để sửa soạn ra gánh vác việc đời.

Lão Trang trái lại chủ trương sống theo thiên nhiên, không giúp đời cũng không ảnh hưởng đến đời, cốt hướng hạnh phúc thanh cao, cởi bỏ hết mọi ràng buộc cho tâm hồn luôn luôn thành thời.

Sở dĩ Nguyễn-công-Trú đã điều hòa được hai luồng tư tưởng trái nghịch đó chính vì cụ đã biết chia cuộc đời ra thành từng giai đoạn. Con người phúc tính tùy theo tuổi tác mà

cách sống thay đổi nên cách thức phân chia giai đoạn của cụ rất hợp lý và có thể thỏa mãn mọi người ở mọi thế-hệ.

Tổng hợp tam giáo không máy móc, Nguyễn-công-Trú còn ý thức được bản vị của con người với cá tính và sự nghiệp riêng biệt.

Từ nghìn trước để nghìn sau,

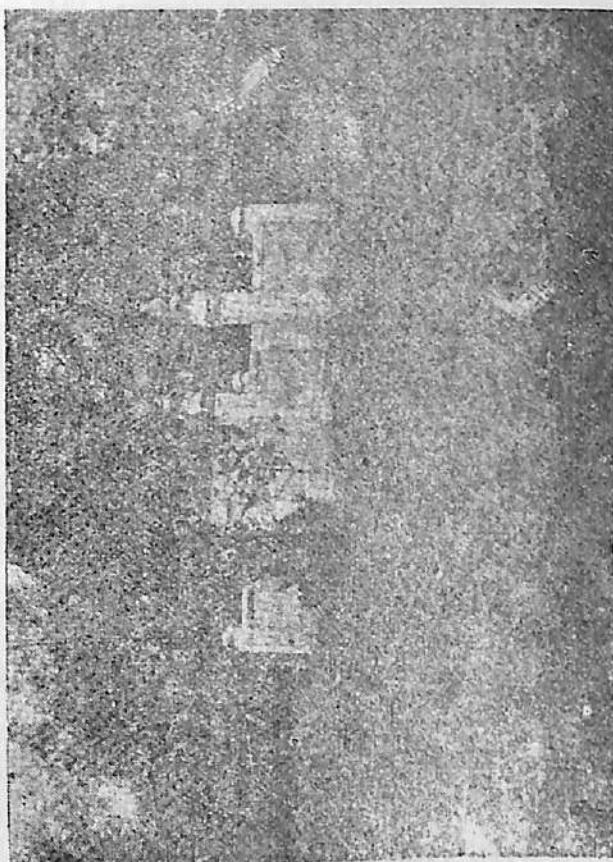
Kết cục lại một người riêng một kiếp.

(*Nghĩa người đời*)

Đời nay trọng ngôivị con người thì ý kiến trên đây của Nguyễn-công-Trú được coi là lẽ dĩ nhiên ; nhưng ở thời đại tướng công, con người chỉ được coi như hồi quang của vũ trụ, như một tế bào vô danh của gia đình và xã hội, tư tưởng về cá tính ấy thật mới mẻ.

Ta có thể kết luận : Lão Trang chủ trương thiên lệch ưu du, Không Mạnh chủ trương thiên lệch « tự cường bất túc », đều không hợp với con người. Con người với cá tính đặc thù là toàn bộ viên mãn, có tranh đấu hành động mà cũng biết giải trí thường thức thiên nhiên. Điều hòa hai quan niệm Lão Trang và Không Mạnh, Nguyễn-công-Trú đã tạo nên một nhân sinh quan đầy đủ — (*tổng hợp tất cả tư tưởng A đêng*), kiến toàn và nhân loại (*vừa hành động vừa giải trí thường nhàn*), lại thanh cao vì luôn luôn hướng thượng điều hòa mầu nhiệm tình, lý và chí. Đó là điển hình của con người viên mãn của thế kỷ XX (*Conception de l'homme total*).

Đến đây ta còn cần phân biệt con người điển hình của



Một phần của Cụ Nguyễn-Công-Trứ
tại làng Uy-Viễn, phía trước có cây thông
(Tài liệu của giáo-sư Lê-Thước)

Nguyễn-công-Trú với con người siêu nhân của Nietzsche (Surhomme de Nietzsche). Hai quan niệm khác nhau một trời một vực. (1) Con người siêu nhân của Nietzsche là con bệnh chỉ biết có uy quyền, sống cho uy quyền cõi thâu đoạt uy quyền để thỏa mãn “thú tính, dù dày xéo lên quyền lợi, sinh mạng kẻ khác. Chủ nghĩa vị chủng của Hitler là một hối quang của tư tưởng siêu nhân. Chủ trương độc tài, tôn sùng cá nhân hiện còn thịnh hành bên kia bức màn sắt lại là một hình thức khác của ý thức siêu nhân.

Con người của Nguyễn-công-Trú thích làm việc kỳ lạ nhưng phải giữ đạo đức, phải tu thân. Những việc kỳ lạ ấy phải nhằm mục đích mưu đồ thực hiện hạnh phúc cho dân cho nước và không bao giờ vì súy đồ của mình mà làm hại đến sinh linh.

(1) Ông Nguyễn-bách-Khoa trong cuốn khảo luận về Nguyễn-công-Trú cho rằng: «*Nguyễn-công-Trú nuôi ý thức siêu nhân mà ý thức siêu nhân chính là một điều khả dĩ*».

Người lập thuyết ý thức siêu nhân Nguyễn công Trú lập luận như sau:

«*Nguyễn-công-Trú một nho sĩ, đạt biều trung thành của giao cấp thống trị.*

Đè giùi vũng ngồi thống trị của, mình người nho sĩ phải luôn luôn tìm cách đàn áp những giao cấp bị trị, đàn áp mọi mặt; vật chất cũng như tinh thần. Cho tới lanh vực ăn chơi nữa, Nguyễn công Trú cũng chủ trương phải khác đời, phải hơn đời;

Chơi cho lịch mbi là chơi,

Chơi cho đài các cho người biết tay.

(xem tiếp trang 62)

Nguyễn-công-Trú cao cả hơn tất cả những lời tâng bốc của bất cứ ai. Giáo-sư Lê-Thước khi tán tụng «Nước ta có một bậc vĩ-nhân, nói về công thì công rất lớn, nói về đức thì đức rất đầy, mà nói về ngôn-luận thì ngôn luận văn chương rất có giá-trị, đã không làm nhưng chưa đủ, đì ngoài sự nghiệp cao cả, Nguyễn-dông-Trú còn để lại một ý-thức sâu sắc hơn nhiều.

Không triền khai được hết giá, trị nhâu-sinh quan của Nguyễn-công-Trú là cái tội của nhà Nguyễn, không hiều được cái vận động của làn sóng đáy Việt là cái mù quáng không thể tha thứ được của triều thần nhà Nguyễn. Vì quyền lợi một gia tộc, một triều-đại, mà làm gãy đà tiến của lịch-sử Việt cũng là tại nhà Nguyễn,

Tại sao có sự cạnh tranh giữa các giai cấp trên thị trường du hí? Hồi đầu thế kỷ XIX trong buổi giao thời Lê Nguyễn manh nha một sự xáo trộn giai cấp. Lợi dụng thời nhiễu nhương bọn phú thương phú nông, cướp ngao ngày một làm giàn trong khi giai cấp nho sĩ ngày một xuống dốc. Vì vậy ở nơi cao lầu tùng quán giai cấp nho sĩ phải đem thái độ chuốt lọc ra để đàn áp tinh thần đối phương. Cho nên quan niệm hành lạc của Nguyễn-công-Trú chính là một phương tiện thống trị.

Không phủ nhận lỗi giải thích văn học bằng kinh tế và xã hội mặc dù biết rằng lỗi giải thích đó cũng chỉ đưa ra một trong muôn ngàn khía cạnh của chân lý, ở đây chỉ nhấn mạnh tính cách «lạc thời» của người lập thuyết. Việc xáo trộn trên chí có thè có sau việc người Pháp chiếm nước ta (từ 1861 trở đi). Còn khoảng đầu thế kỷ XIX tuy có sự thay đổi triều đại từ Lê sang Nguyễn, song nước nhà vẫn giữ chủ quyền độc lập và hãy còn ở trong hệ thống văn hoá cõi truyền. Đông phương trong người nghệ sĩ. Phải đến cuối thế kỷ XIX mới đặt ra vấn đề tồn vong đất nước và tranh chấp văn hóa Đông Tây, do đó mới có sự tan rã của giai cấp cho sĩ như trên đã nói.

Từ cuối thế-kỷ XVIII, đầu thế-kỷ XIX, cùng với trào lưu đảo lộn ở thế-giới (Đại Cách-mệnh ở Pháp, chiến-tranh độc-lập ở Hoa-kỳ), người Việt quật khởi. Trận Đống-Đa đánh dấu cuộc quật khởi ấy. Quang-Trung có sáng kiến đặt kế hoạch 10 năm để kiến thiết chính trị, kinh tế, có thiên tài quân sự vượt bậc, lại biết mời La-sơn phu-tử lập Sùng-chính viện để gây dựng nền Quốc học Việt. Nguyễn-Du thì bình dân hóa, điều hòa triết lý Nho, Phật với tư tưởng Việt, Hồ-xuân Hương Việt hóa thơ Đường luật, bình-dân hóa để tài ngâm vịnh.... Trên đường tiến từ Hàn-Thuyên, qua Hồ-quý-Lý, Nguyễn-bình-Khiêm đến Quang-Trung và La-sơn phu-tử, người Việt chỉ có một ý-nguyễn : thoát ly ảnh hưởng Hán học bằng cách thu hút mọi tinh hoa, hun đúc thành một cái gì riêng biệt của mình. Họ chưa làm được nhưng họ đã đặt mốc, ngắm hướng, sửa đường. Nguyễn-công-Trú hoặc ngẫu nhiên, hoặc hữu ý đã muốn hoàn-thành công việc đó : phác họa diền-hình kẻ Sĩ, nêu gương cho hậu thế, hun đúc một con người đặc biệt tiêu-bièu cho nòi giống Lạc Hồng.

Đừng bao tiên sinh vay mượn. Không-Tử cũng chỉ là tập đại thành những tư tưởng mạnh nha từ Phục-Hy qua Nghiêu Thuấn, Văn-Vương. Không-Tử đi chu du thiên hạ mà không tìm được thò ngơi để thực hiện chí của mình. Nguyễn-công-Trú đã thực-hiện chí của mình, trên cả phương diện quân sự chính trị, kinh tế và lập thuyết.

Thuyết của cụ, cụ đã thực hiện bằng chính đời cụ. Cụ là hiện thân của lý thuyết đạt đến mục tối cao của Chí Thành ' tri hành hợp nhất » không kém gì Vương-thủ-Nhân,

Thuyết ấy không diễn đạt bằng những lời văn sâu sắc bí hiểm mà bằng lời Việt, thề văn Việt vừa sáng sủa dẽ hiểu vừa nhịp nhàng theo điệu ca hát dẽ dẽ ihe nhập vào tâm hồn bình-dân. Giả sử thuyết đó gặp thời cơ thuận tiện mà được triều khai, thực hiện viên mãn thì Nguyễn-công-Trú đã mở một kỷ nguyên văn minh Việt, vì văn minh là gì, nếu không phải là cái cỗ gắng của con người tìm thực hiện một diền hình người. Người Anh thực hiện diền hình “ quý phái ” (gentleman), người Pháp thực hiện con người chính nhân (honnête homme). Không Tứ nêu ra quan niệm quân tử, đạo Lão hun đúc đạo sĩ, tiên nhân, đạo Phật đào tạo các bậc Bồ tát, đạo Thiên - Chúa được duy trì bằng những Tông - đồ (apôtre) Nguyễn-công-Trú phác họa “ Kẻ-Sĩ ” công lao sáng tạo không phải nhỏ vây, nhất là như trên đã nói, kẻ sĩ của cụ là con người viên mãn điều-hòa cả tình cảm, lý trí, sống rất nhân loại mà lại có ý tưởng vượt nhân loại, hướng thượng vào con đường siêu-thoát vĩnh cửu.

Lúc này, những giá trị Đông-Tây đều suy sụp, nhân loại đương tìm một diền hình người viên mãn toàn diện. Những diền hình cán bộ (cadre), người tồ chức (organisateur de Burnham) (!) không gây được ham muốn ở lòng người, không

(!) Trong cuốn *L'ÈRE DES ORGANISATEURS*, *Burnham* chủ trương : kinh tế máy móc của thế giới ngày một tính xảo càng đòi hỏi những người tồ chức nhiều khả năng. Thế giới sẽ không rơi vào tay tư bản, cũng không rơi vào tay Cộng sản mà rơi vào tay những người có óc tồ chức. Trong những năm 1946 — 1947 cuốn *L'ÈRE DES ORGANISATEURS* này rất được hoan nghênh nhưng đến nay ít ai nhắc tới nữa.

thỏa mãn thời đại. Những con người hiện sinh (existentialiste) chỉ là những ma chơi vất vưởng với đời. Nước Việt đứng trước ngã ba đường phải trở về truyền thống của mình để cố phác họa và thực hiện một diên hình Người.

Nguyễn-công-Trú với tư tưởng, sự nghiệp và đời sống đó đã sáng tỏ trong thâm tâm mọi người. Tiên sinh như một pho tượng đồng nặng nề nhưng vĩ đại “ai lay chằng chuyền ai rung chẳng rời” đè cho cả đoàn thanh niên Việt suy ngẫm.

Vì Nguyễn-công-Trú là kết tinh của trào lưu chống đối Trung-quốc và gầy dựng văn minh Việt, công nghiệp ấy chưa đến ngày thành thụ nên không thành công nhưng cũng là bước đầu mở đường cho những công cuộc phục hưng vĩ đại ở tương lai.

Một Nguyễn-công-Trú với Công, Đức, Ngôn vẹn toàn làm cho ta tin ở khả năng tài đức của ta, của nòi giống Lạc Hồng.



MỘT VÀI GIAI THOẠI

VỀ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

Tài liệu của giáo sư Lê-Thước trong cuốn NGUYỄN-CÔNG-TRÚ.

Trời phú tính hay thơ nên trong khi giao tiếp với dời, xúc cảm thế nào xuất khẩu thành chương thế ấy lời thơ dễ dàng hồn nhiên.

Tương truyền một hôm cụ đi học đường xa, bà thân mẫu cấp cho một quan tiền để làm lộ phí. Lúc đi qua một cánh đồng thấy lũ trẻ đang đánh dồi cụ thấy vui cũng ghé vào đánh chǎng mấy chốc thua hết sạch cả tiền, bèn đứng dậy ra đi, nhân vịnh bài thơ có câu rằng :

*Tưởng làm đói chữ cho vui vậy,
Bỗng chốc ném quan đã sướng chưa (1).*

o o o

Lúc đã lớn tuổi học càng giỏi nhưng vì gia thế đã nghèo, thành đạt lại muộn nên cảnh ngộ cụ càng quẫn bách gian

(1) Tiếng Nghệ « chữ » nghĩa là chữ viết lại có nghĩa là đồng tiền. Câu này nghĩa thực là : tưởng đánh chơi vài đồng cho vui, ai ngờ thua mất cả quan đã cực chưa ! Nhưng lại có ý nói là ; Tưởng đi học biết ít chữ cho vui ai ngờ học chơi mà cũng làm nên quan đã sướng chưa.

truân. Dù thế mặc lòng cụ không hề oán trách số phận, lúc nào cũng ung dung cho rằng cảnh ngộ càng khó khăn chí khí càng được rèn đúc. Dưới đây là đôi câu đối cụ dán nơi phòng học thủa bần hàn đó :

Mạc vị khốn hành phi ngọc nhứ

莫 話 困 衡 非 玉 汝

Cảm tương bần tiện cố kiêu nhân

敢 將 貧 懈 故 驕 人

Nghĩa là :

*Vận khó trời càng trau vè ngọc,
Thân nghèo ta dám cố khinh ai.*

Năm Gia-Long thứ hai (1), đức Cao-Hoàng ngự giá Bắc tuần, trú tất tại tỉnh Nghệ-An, Nguyễn-công-Trú tuy còn là một kẽ thư sinh mà cũng tới hành cung dâng một bài điêu trấn gọi là “thái bình thập sách». Vua xem rồi giao bộ Lại duyệt tâu. Nội dung bản điêu trấn ấy trong sử không chép rõ chỉ biết có được đức Cao-Hoàng ban khen và các quan đình thầm chú ý.

Vì thế nên đến lúc mở khoa thi, cử quan trường đi chấm, quan Tả quân Lê-văn-Duyệt có dặn riêng phải lấy cụ đậu, đề thu dụng cụ cho khỏi di ngại về sau.

Dưới đây là một đôi câu đối tương truyền là cụ làm trước khi đi thi :

(1) Trong gia phả chép Minh Mạng nhị niên, có lẽ sai. Nay theo liệt truyện và theo lời truyền văn mà cải lại.

*Anh em ôi ! băm sáu tuổi rồi, khắp Đông Tây Nam
Bắc bốn phương trời, đâu cũng lừng danh công-tử-xác.*

*Trời đất nhỉ ? một phen này nữa, xếp cung kiếm cầm
thư vào một gánh, làm cho nỗi tiếng trượng phu kền.*

Năm ấy thi, cụ đậu tú tài (1813) đến khoa sau (1819) mới đậu giải nguyên.

Sau khi đã được vua Tự-Đức chuẩn cho cụ về hưu (1848) từ đấy cụ thật có thái độ phiêu nhiên vật ngoại, nào là mùi hoan huống, nếp phong lưu đều gác sạch; hằng ngày mặc áo lụa xanh, vận quần vải đỏ, đi đâu chẳng ngựa chằng xe chỉ đúng đinh trên lưng con bò vàng mà đeo đặc ngựa, một bậc trọng thần danh tướng nghiêm dã thành một người dã tav thôn ông.

Năm Tự-Đức thứ hai, cụ vào ở một cái chùa trên núi Cảm Sơn 感山, thuộc xã Đại-Nại 大奈, gần tỉnh Hà-Tĩnh bây giờ. Nguyên chùa ấy lập ra từ đời Lê nhưng trải bao phen gió dập mưa vùi, nên đã tối tàn cũ rích. Lúc cụ còn làm quan, mỗi khi ra Bắc đi qua đó thường lên núi du lăm, nhân có tư hẹn rằng: « Nếu ta được thỏa chí nguyện của ta thì quyết không phụ cái núi này ». Cho nên khi vừa về hưu, đi qua chỗ ấy, dân xã Đại-Nại nhớ lời ra đón rước xin cụ lưu ở lại. Cụ ưng thuận. Các quan chức trong kinh ngoài quận, đi qua về lại, ai cũng lên núi vào chùa, hỏi han thăm viếng, dẫu xe chôn ngựa lúc nào cũng tấp nập ở trước cửa ngoài.

Năm Minh Mạng thứ tư (1851) cụ ra chơi Bắc, lúc trở về tô sửa chùa Viên-Quang 圓光 và chùa Trung Phù

中孚 tại chính quán rồi nhân làm nhà bên cạnh chùa mà ở.

Năm Minh Mạng thứ năm (1852) dân huyện Tiền Hải nhân chỗ nền nhà cụ ở trong buồi làm Dinh diền sứ dựng lên một cái sinh từ để kỷ niệm công đức của cụ. Lúc hoàn công, có người vào rước cụ ra chơi. Cụ bèn ra Bắc một lần nữa. Nghe tin cụ ra, dân hai huyện Tiền Hải và Kim Sơn đều đặt lễ chúc mừng tại sinh từ rồi lưu cụ ở lại, mỗi năm gặp ngày sinh nhật và xuân thu nhị kỳ các sở sinh từ đều trân thiết đồ nghi trượng rất là long trọng rồi rước bách linh xem cụ như một vị thần sống. Bấy giờ có một viên thị vệ thấy thế bèn bịa đặt tâu vua rằng cụ có dị chí. Vua hạ mật chiếu sai quan Tòng đốc Hoàng-văn-Thu 黄文忻, (ông này là môn đệ của cụ (đò xét và đòi cụ về kinh (1). Cụ từ giã Bắc kỵ ra về, vào đền kinh, các quan tại triều và tại các tỉnh Bắc kỵ đều dâng sớ kêu oan cho cụ. Người thị vệ bấy giờ khiếp sợ bèn tự tử, vua biết là nói vu, liền xuống chỉ yết ủi cụ và cấp cho một trăm quan tiền để làm lộ phí mà trở về. Từ đấy cụ không ra Bắc nữa.

Hiện giờ trong di thảo còn bức thủ thư do chính cụ viết cho một người bạn làm quan ở sứ quán để biện bạch tấm lòng trung thành và u uất của cụ. Đại ý mấy dòng chữ đó như sau:

(1) Đem lòng kỹ một lão thần đã phục vụ triều đình tận tâm, tận lực, điều này càng chứng tỏ nhận xét của giáo sư Lê Thú Quốc là xác đáng : «Cụ Nguyễn Công Trứ làm quan hay bị truất giáng như thế là bởi có tài cụ cũng có, người có tài thường hay cậy tài và hay mang oán, nhưng phần nhiều là bởi tại nhà vua có lòng hẹp hòi, không muôn trọng dung cụ, đê cụ được đặc thời hành đạo, đem hết tài kinh luân ra mà tể thế trách dân.»

“Đá bệnh lỵ lại sốt rét, chứng chết đều hiện ra thì chết cũng chẳng tiếc gì. Nhưng chết mà không được phân minh thì còn phải đợi khua trống kiện cho ra chết mới nhảm mắt, còn lúc đã xuống đất rồi thì việc mình thế nào đã có sử quan ghi chép: Xem rồi đốt đi.”

Cùng bản di thảo đó có mấy dòng phê của sứ quan. Dòng thứ nhất phê vào chỗ cụ nói sắp chết mấy chữ này : « *Vì đáo Tiền đường giang* » nghĩa là chưa chết được đâu. Còn mấy dòng sau ý nói rằng “*Nếu cụ mà khua trống kiện cho ra được thì người bút của nhà chép sứ dám đau bõ qua mà không chép*” (xem hình trang bên)

Tương truyền lúc cụ ở kinh, Vua Tự-Đức có vời vào bệ kiển dề cụ giải bày tâm sự cho rõ thực hư. Nhân có hỏi cụ rằng : Ở hạt Tiền Hải và Kim Sơn dân tình làm ăn ra sao ? Cụ tâu : Dân hai huyện ấy làm ăn rất là vui vẻ, ngày thì lo cày cấy tối về đập lúa hò khoan trông ra thật có vẻ “*muôn dân trăm họ, thái bình áu ca.*» Chúng có những câu hát dỗ rất là tài tình thú vị.

Vua hỏi : Như câu gì ?

Cụ tâu : Như câu này :

*Đem thân cho thể gian ngredi,
Không thương thì chờ lại cười bắt trung.*

Vua hỏi như vậy là cái gì. Cụ đáp : Tâu Bệ hạ chúng nó nói ấy là cái phản.

Vua lại hỏi :

Còn câu gì khác nữa hay không ?

— Tâu Bệ hạ còn câu này cũng hay lắm :

*Ngay lòng ở với nước nhà,
Người dù không biết giờ đã biết cho.*

Vua hỏi :

— Như vậy là cái gì ?

— Tâu Bệ hạ chúng nó nói ấy là cái máng !

Vua biết ý cụ ám chỉ việc cụ bị oan nên động lòng thương mà an ủi cụ rồi cho cụ trở về nguyên quán.

Từ đấy về nhà, cụ không đi đâu nữa, khi Giang Đinh 江 鄧 (1) câu cá, khi Quy Linh 龜 邳 (2) ngâm thơ, hầu gái một vài cô, hầu trai ba bốn cậu, đủng đỉnh bò vàng đặc ngựa, thành thời ngày tháng tiêu dao.

(1) Giang Đinh là cái nhà mát cụ làm ở bến Lam Giang
(2) Quy Linh là một quả núi gần làng cụ ở.

丙丁

院廟又庵孔在但現此為何情誰不分明
諸橋數十方能知其下落如何有史存
記之

補記
橋數百架頃第重鑄

Bút tự của Cụ Nguyễn-Công-Trú
(Tài liệu của giáo-sư Lê-Thuróc)

PHỤ LỤC

KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN-CÔNG-TRÚ

PHỤ LỤC

Kè sỹ

Tuân hưu ngũ, sĩ cự kỵ liệt,
Dân hưu tú, sĩ vi chí tiên (1).
Có giang sơn thì sĩ đã có tên,
Từ Chu, Hán, vốn sĩ này là quí.

Miền hương đang đâk khen rằng hiếu nghị (2)
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường (3)
Khi hạo nhiên chí đại chí cương (4).
So chính khí đã dày trong trời đất (5).

Lúc vĩ ngã, hối tàng nơi bồng tắt (6).
Hiếu hiên nhiên điểm Vi, canh Sần (7).
Xe bồ Luân (8) dẫu chưa gặp Thang Văn (9).
Phù thế giáo một vài câu thanh nghị (10).

Cầm chính đạo để tịch tà cự bí (11).
Hồi cuồng lan nhí chueoing bách xuyên (12).
Rồng mây khi gặp hội ưa duyên,
Đem quách cá sờ tồn làm sờ dung.

*Trong lang miển ra tài lương đồng (13).
Ngoài biển thùy rạch mui Can Tương (14).
Làm sao cho bách thể lưu phương (15).
Trước là sĩ, sau là khanh tưng.*

*Kinh luân khởi tâm thương, binh giáp tang hung trung :
Vũ trụ chi gian gai phận sự, nam nhi đáo thử thi hào
hung (16).*

*Nhà nước yên mà sĩ được thung dung,
Bấy giờ sĩ mồi tìm ông Hoàng Thạch (17).*

*Nam ba chư tiêu đồng lêch théch,
Tiêu dao nơi hàn cốc, thanh sơn (18),
Nào thơ, nào rugen, nào địch, nào đồn,
Đồ thích chí chất đầy trong một túi.*

*Mặc sai hỏi mặc ai không hỏi trời,
Gặm việc đời, mà ngầm kè trọc thanh.
Này nay sĩ mồi hoàn danh.*

Đại ý.— Bài ca trù trên tóm tắt tất cả chương trình hành động của một kẻ sĩ. Ta có thể nhận thấy ba thời kỳ : lúc còn hàn vi là thời kỳ kẻ sĩ phải tồn tâm dưỡng tính; khi “rồng mây gặp hội”, kẻ sĩ phải đem hết tài kinh luân ra giúp nước, giúp dân và đến khi nước nhà yên, kẻ sĩ sẽ sống một đời nhàn安然.

Chú thích.— (1) Tước có năm bậc (Thượng đại phu
hạ đại phu, thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ) sĩ được kè vào trong
bậc ấy ; xã hội có bốn giai cấp (sĩ, nông, công, thương)
sĩ đứng hàng đầu.— (2) Thảo với cha mẹ, thuận với anh
em— (3) Cương thường : tam cương, ngũ thường; (cương :
mối giường) tam cương là cha con, vua tôi, vợ chồng :
ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín — (4) Cái khí lớn
lao, rất to rất mạnh — (5) Chính khí : khí tiết ngay thẳng
của các bậc anh hùng liệt sĩ — (6) Lúc chưa gặp thời
còn ăn náu ở chỗ thôn dã (bồng, tất cả là hai thứ cỏ)
(7) Đึều Vị : câu ở bờ sông Vị : Khương tử Nha, ngồi
câu cá trên bờ sông Vị, sau gặp Văn Vương nhà Chu đón
về làm tướng giúp Võ Vương (con Văn Vương) đánh vua
Trụ, lập nên cơ nghiệp nhà Chu ; canh Sắn : cày ở đất Sắn.
Y Doãn là người cày ở đất Sắn, vua Thành Thang nhà
Thương mời ba lần mới chịu ra làm tướng giúp vua Thang trừ
được vua Kiệt mà lập nên nhà Thương — (8) Xe bồ luân :
bánh xe ngày xưa quấn cỏ bồ cho êm — (9) Thang, Văn vua
Thang dựng nên nhà Thương, vua Văn Vương dựng nên
nhà Chu — (10) Giúp cho nền đạo giáo của người đời bằng
những lời bàn, khen điều hay, chê điều dở — (11) Đem cái
học chân chính mà bài bác những điều gian tà — (12) Ngăn
sóng dữ dè giữ giàng sông — (13) Lăng miếu : đèn dài nhà
vua. Lương đống : giường cột nghĩa bóng là bầy tôi giỏi cảng
đáng được việc nước — (14) Tên thanh gươm của Ngộ hạp
Lư, ở đây có nghĩa là dùng binh khí mà giữ yên bờ cõi —
(15) Đề tiếng thơm ghi lại muôn đời — (16) tài sáp đặt việc

nước tự trong lòng mà ra, đồ dùng để đánh giặc chưa sẵn trong bụng : trong khoảng trời đều là phận sự của mình, là người con trai đến thế mới gọi là hào hùng. Ý nói làm tài trai phải giỏi cả văn lẫn võ, bắt cứ việc gì cũng làm được thế mới gọi là người giỏi — (17) tên một àn sĩ cuối đời Tân dã cho Trương Lương sách binh thư để giúp vua Hán cao Tô — (18) Hang lạnh núi xanh.

Than nghèo

- 1 *Chưa cháu ru mà quấy mãi đây,
Nợ nần dan din mấy năm nay.
Mang danh tài sắc cho nên nợ,
Quen thói phong lưu hóa phải vay,
Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh hùng khi gấp cũng khoanh tay.
Còn trời, còn đất, còn non nước,
Có lẽ ta đâu mãi thế này ?*

- 2 *Có lẽ ta đâu mãi thế này,
Nhà sông lẩn thẩn mấy thu chiều.
Đã từng tắm gọi ơn mưa móc,
Cũng phải xênh xang hối giò mây,
Hãy quyết phen này xem thử đâ,
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay.
Xưa nay xuất xứ (1) thường hai lối.
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.*

- 4 Mai thế rồi ta sẽ tính đây,
 Điền viên thú nọ vẫn xưa nay,
 Giang hồ bạn lừa câu tan hợp,
 Tùng cúc anh em cuộc tình say.
 Tòa đài Khuông Công (2) đổi khóm trước.
 Áo xuân Nghiêm Tử (3) một vai cày.
 Thái bình vui trù càng thong thả.
 Chẳng lợi danh gì lại hóa hay.
- 5 Chẳng lợi danh gì lại hóa hay,
 Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy,
 Ngoài vòng cương tỏa (4) chân cao thấp,
 Trong thú yên hà (5) mặt tình say.
 Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
 Vénh râu bàn những chuyện xưa nay.
 Cửa trời trăng gió kho vô tận.
 Cầm, hạc, (6) tiêu dao (7) đắt nước này.

(1) Xuất : ra gánh vác việc đời.

Xử : ở ân

(2) Khuông Công : hiệu của ông Lã Vọng thường ngồi câu ở bên bờ sông Vị sau ra giúp Vũ Vương.

(3) Nghiêm-Tử : hiệu của ông Nghiêm-tử-Lăng đời Đông Hán đi cày ở núi Phú-Xuân.

(4) Cương tỏa : (dây cương và khóa) chỉ sự ràng buộc của công danh.

- (5) *Yên hà* : (khối và ráng) chỉ nơi ăn dật.
(6) *Cầm hạc* : (dàn và hạc) Triệu thanh Hiển đời Tống đã làm quan ở đất Thục chỉ đem theo cái dàn và con chim hạc.
(7) *Tiêu dao* : dong chơi.

Thể thái nhân tình

*Thể thái nhân tình gồm chết thay,
Nhạt nồng trong chiếc túi voi đầy.
Hết không điều lợi khôn thành bại,
Đã có đồng tiền đờ cũng hay.
Khôn khéo chẳng qua ba tấc lưỡi,
Hắn hoi không hết một bàn tay,
Suy ra cho kỹ chí hơn nữa,
Bạc quá vôi mà mỏng quá mây.*

Cách ở đời

*Ăn ở sao cho trại sự đời.
Vừa lòng cũng khó há rằng chơi.
Nghe như chọc ruột tai làm điếc,
Giận dẫu cầm gan miệng mềm cười.
Bởi số chạy sao cho khỏi số,
Luy người nên nỗi phải chiều người
Mặc ai chó đẻ điều ăn oán,
Chung cục thì chỉ cũng tại trời.*

Đi thi tự vịnh

Đi không há lê trời về không,
Cái nợ cầm thư (1) phải trả xong,
Ráp mượn điền viên vui tuế nguyệt (1).
Đờ đem thân thể hẹn tang bồng (3)
Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
Trong cuộc trần ai. (4) ai dễ biết,
Rồi ra mới rõ mặt anh hùng.

Chú thích :

- (1) Cầm thư : (đàn và sách : hai thứ đồ dùng của người nho sĩ) : công học tập, ý nghĩa như chữ nợ sách đèn.
- (2) Tuế nguyệt : năm, tháng.
- (3) Tang bồng : (do chữ tang bồng hồ thi) chí làm trai vùng vẫy bốn phương.
- (4) Trần ai : (bụi bậm) lúc hàn vi chưa hiền đạt.

Quân tử có cùng

Tang bồng là cái nợ
Làm trai chí sợ áng công danh.
Phú quý tương đố hậu ngộ sinh (1)
富 貴 將 以 厚 吾 生
Bần tiện tương đố ngọc ngô thành, (2)
貧 賤 將 以 玉 吾 成

Cái vinh nhục, nhục vinh là đắp đỗi,
 Tùy nồng thế thương vong danh lợi, (3)
 誰能世上忘名利
 Tiện thi nhân gian nhất hóa công, (4)
 便是一人間一化工
 Thôi thời thôi quân tử cổ cùng,
 Cùng khi ấy hẳn là thông khi khác,
 Số tảo vẫn tùy cơ phó thác (5)
 Chờ như ai chí chất cũng tay không,
 Chơi cho phi chí tang bồng.

Chú thích.— 1) Giời toan cho mình được hưởng cái cảnh phú quý. 2) Trước bắt mình phải chịu cái cảnh nghèo khổ, để trau chuốt cái tài của mình. 3) Người đời ai quên cái lòng danh lợi, chű vong có bản chép tranh. 4) Là một ông hóa công trong cõi nhân gian. 5) Sự làm nên sớm hay muộn đều tự giời phó thác cho cả.

Cầm kỳ thi túu

Thi túu cầm kỳ khách 詩酒琴棋客，
 Phong vân tuyết nguyệt thiên 風雲雪月天
 Ng tang bồng hẹn khách thiếu niên，
 Cục hành lạc vây vùng cho phi chí.
 Thor một túi, gieo vần Đỗ, Lý (1)
 Rượu lung bầu rót chén Lưu Linh. (2)

Đàn Bá Nha (3) gảy khúc tình tang tình,
Cờ Đế-Thích (4) đi về xe pháo mā.
Lúc vị ngã Vị tân, Sắn dā (5),
Lấy hút nghiên mà hẹn với non sông.
Xe Thang, Văn nhất đáng tao phùng (6)
Bao nhiêu nợ tang băng đem già hết,
Tri mệnh thức thời duy tuấn kiệt,
 知命識時惟俊傑 (7)
Hữu duyên hà xíu bất phong lưu.
 有緣何處不風流 (8)
Ngò nhân hà cụ hà ru
 吾人何惧何憂 (9)

Chú thích.— 1) Lý : Đỗ Phủ, Lý Bạch là hai người có tiếng hay thơ đời Đường bên Tàu. 2) Lưu Linh : người ăn dật đời Tấn, rất hay uống rượu. 3) Bá Nha : người gảy đàn rất hay đời xưa. 4) Đế Thích : hiệu một ông tiên cao cờ. 5) Vị tân tên sông, ông Khương tử Nha (Thái công Vọng) lúc còn ăn, thường câu cá ở sông ấy. Sắn dā : tên đất, ông Y Doãn lúc còn ăn, thường cày ở đồng ấy. 6) Thang : hiệu vua nhà Thương vua Thang rước ông Y Doãn ở Sắn dā. Văn : hiệu vua nhà Chu : vua Văn Vương rước ông Khương tử Nha ở Vị thủy. 7) Chỉ người tuấn kiệt mới biết mệnh mình và thời thế. 8) Người đầu gập cảnh bão cũng có cái thú vui vẻ cả. 9) Người ta không nên lo sợ gì lầm.

Chơi xuân kéo hết xuân đi

Gâm cho kỹ đến bắt nhàn là tao vật,
 Đã sinh người, lại hạn lấy năm,
 Kê chí thằng lên bày đứa lên năm,
 Dẫu ba vạn sáu ngàn ngày là mấy chốc,
 Lại mang lấy lợi, danh, vinh, nhục,
 Cuộc đời kia lầm lúc bi hoan (1)
 Đến khi hoa rữa trăng tàn,
 Xuân một khắc dễ nghìn vàng đổi chác.
 « Tế suy vật lý tu hành lạc (2) »
 細推物理須行樂
 « An dụng phù danh bạn thử thân (3) »
 安用浮名辯此身
 Song bắt nhàn mà lại chí nhàn.
 Hạn lấy tuổi (4) để mà chơi lấy.
 Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đáy,
 Nếu không chơi thiệt ấy ai bù,
 Nghề chơi cũng lầm công phu.

Chú thích.— 1) Bi : sự đau xót. Hoan : sự vui vẻ,
 2) Suy xét vật lý như hoa cũng có lúc rữa, trăng cũng có
 lúc tàn thì người cũng nên chơi vui kéo muộn. 3) Cần gì đê
 cái hư danh nó giàng buộc lấy mình. 4) Cố kê nói hạn
 lấy trẻ.

Vịnh tiền

*Hồi tanh chàng thú vị già,
 Thể mà ai cũng kẽ vì người yêu.
 Tạo vật bắt thị vô đê sự,
 Bàn chải ra một thứ quay chơi.
 Đầu vuông tròn tượng đất tượng trời,
 Khâm họa, phúc, nguy, yên, tir, hoạt (2)
 Chốn kim môn, nơi tử thát (3)
 Mặc phao tuồng (4) không kẽ phỏng nhàn.
 Dương om xóm chớp giật sấm ran
 Nghe xác xích lại gió hòa mưa ngọt.
 Kẽ tài hụ đã vào phuông vận đạt,
 Không người cùng ái với cõ cây.
 Người yêm yêm (5) đành một phần trầm mai (6)
 Cố gã lại trả rìng gạc (7).
 Dốc đáy túi, mặt Nguyễn-Lang ngơ ngác (8)
 Trong đầu giường gan trắng sít bùn nhùn (9).
 Đè đoàn ấm á càu rau, khiếu lũ tài danh vờ vẫn,
 Khà quái tăm thường a đồ vật
 可 怪 尸 常 阿 塔 物 (10)
 Khiết giáo đao đê đại thần linh.
 却 教 到 底 大 神 靈 (10)
 Dương đồ ai chàng chuộng gia huynh (12)
 Thủ thể kẽ lấy làm đê nhất.
 Tiếng xõng xanh đầy trong trời đất.
 Thần cung thông (13) hướng nứa là ai.
 Long đồ (14) nghĩ cũng nực cười,*

Chú thích.— 1) Trời đất không phải là vô sự. 2) Tử: chết ; hoạt : sống. 3) Kim môn, tử thát : những nơi công sở sang trọng. 4) Phao tuồng, cũng như luồng tuồng, phóng túng, để cho ra vào tự ý. 5) Yêm yêm : không cất đầu được. 6) Trầm mai : chìm lấp. 7) Sừng gạc : ý nói hách dịch, oanh liệt. 8) Nguyễn-Lang : tức là Nguyễn-Phu đời Tấn, trầy Cối kê mà trong đấy chỉ có một đồng tiền, nên có câu : nang nội tiền không, Nguyễn-Lang tu sáp 9) Dịch câu sau này ra : sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô nhan nghĩa là hết tiền thì đầu là tráng sĩ cũng khó nỗi tưối cười được. 10) A đồ vật : vật ấy ; tích ông Vương-di-Phủ đời Tấn, cả đời không nói đến tiếng « tiền » một hôm ngủ, lấy tiền xây quanh giường nằm, đến khi ông dậy, thì ông hỏi : hà bắt cửa đồ vật sao không cất vật ấy đi. Câu ấy ý nói tiền cũng là một vật tầm thường. 11) Sao lại thiêng liêng đến thế. 12) Gia huynh tiền, chữ gia huynh và chữ « kim muôn tử thát » trên kia, đều trích trong bài « tiền thần luận » ở sách Tàu. 13) Thần cũng thông: tích ông Trương diên Thường đời Đường, ông xử ngục rất công minh và liêm khiết, có một người bị tội nặng ông nhất định tra xét cho ra, bỗng thấy trên cái tráp ông có một bức thiếp xin chịu 3 vạn quan tiền, ông liền ném thiếp đi, bắt nha thuộc phải tra cho đáo án, lại thấy trên tráp có cái thiếp xin chịu 10 vạn quan tiền, ông bèn bảo thôi đừng tra tǎn, người ta hỏi, ông đáp rằng : Tiền chí thập vạn khả dĩ thông thần. 14) Long đồ là ông Bảo-Chứng làm chức Long đồ — các học sĩ, ông ấy xử ngục rất là thanh liêm mà tính ít cười

Hàn nho phong vị phú

Chém cha cái khó ! Chém cha cài khó !

Khôn khéo mấy ai ? Xấu xa một nó.

*Lục cúc (1) bày hàng sáu : rành rành kinh huân (2)
chẳng sai.*

Vạn tội (3) lầy làm dầu, ấy ấy ngạn ngôn hẳn có.

Kia ai : bốn vách tường mo (4) ba gian nhà cỏ.

*Đầu kèo một lạc vẻ sao (5) ; trước cửa nhện giăng
màn gió (6).*

Phên-trúc ngăn, nứa bếp nứa buồng ;

Ống nứa dưng, dầu kê dầu dỗ (dù).

Đầu giường tre, mồi giường quanh eo ;

Góc tường đất trùn (giun) lên lổ nhổ.

*Bóng nắng giội (7) trứng gà bên vách, thằng bé tri-
trô; Hạt mra xoi hang chuột trong nhà, con mèo ngấp-ngoé(8)*

Trong cùi, lợn nằm gật máng, dời chảng muốn kêu

Đầu giàn chuột lóc (9) khua niêu, buồn thổi lại bỏ.

*Ngày ba bứa vô bụng rau bịch-bịch ; người quản tử
ăn chẳng cầu no :*

*Đêm năm canh an giấc ngày kho kho ; đời thái-
binh cửa thường bỏ ngỏ (10).*

*Âm trà góp lá bằng là gối (või), pha mùi chát-chát
chua-chua :*

*Miếng trầu (giàu) tôm vỏ mặn vỏ dà, buồn miệng
nhai-nhai nhồ nhố.*

*Áo vải thô nặng trịch ; lạnh làm mèn, nực làm gối
bốn mùa thay đổi bấy nhiêu.*

*Khăn lau giặt đồ lòm, giải làm chiếu, vận làm quần :
một bộ ăn chơi quá thú.*

Đỡ mồ hôi, vỗng lác (11) quạt mo :

Chỗng hơi đất, dép da guốc gỗ,

*Miếng ăn săn cà non mướp luộc, ngon khéo là ngon;
Đồ chơi nhiều quạt sậy điếu tre, của dâu những*

của. *Đồ chayén trà, ấm đất sét với ;*

Cuộc uống rượu bê sành chắp cỏ.

*Đồ cỗ khí (12) bắc tranh treo trên vách ; khói bay
lèm-luốc, màu thủy-mạc mờ-mờ.*

*Của tiêu dòng pho sách gác dâu giàn, giàn nhấp
tăm-nhăm, dâu thô chau (12) do dở.*

*Cỗ bài lá ba đời (13) cửa trờng, hàng vần hàng
sách lờ-mờ :*

*Bàn cờ xiang (gỗ) bảy kiếp (14) nhà ma, chử nhật
chữ điền xiêu-xó.*

Lộc nhĩ điền (15) lúa chất đầy giường :

Phương lịch cốc (16) khoai vía một giỗ.

*Tiêu dụng lấy chi mà phao phóng, thường giữ ba
cọc ba đồng ;*

*Mùa màng dành để có bao nhiêu, chừng độ một
triêng (17) một bó.*

Mồng lỵng (18) xem cũng không giàu ;

Nhiều miệng lấy chi cho đủ.

Đến bùa chưa săn bùa, con trẻ khóc như đàn ong.

Qua kỵ lại hẹn kỵ, nhà nợ kêu như ó.

*Thuốc men rắp bón chai gõ-bùa ; song nghĩ câu ý
dã (19) thế nào cho đáng giá lương-y :*

*Thày bà mong đổi trả kiểm ăn, lại nghĩ chử dũng
như (20), phép chi được nỗi danh pháp chủ (21).*

*Quê dã hạc (22) toan nhờ lộc thánh, trút muối đồ
biển, ta chẳng bõ bèn :*

*Huyệt chân long (23) toan bán đất trời, ngồi mả
tang cha tìm còn chửa chọi.*

*Buôn bán rắp theo nghề đỗ ; song lợ mặt, chúng
hóng rước gánh, mập mờ cho hàng chặng có lời.*

Bạc cờ toan gõ cơn den ; chưa sẵn lưng, làng lại
dành nơi, hỏi gan mãi đậm không ra thở.

Gặp khúc lươn, nên it kẽ yên vì :

Giương mắt ểch, biết vào đâu mượn-mõ.

Đến lúc niên chung quyết quỹ, lây chi tiêu dòng
nợ dòng công ;

Gặp khi đường sùy chân cung, nên phải tới cửa
này cửa nọ.

Than thở to to nhỏ nhỏ ta đã mỏi cẳng ngồi chờ ;
Dần-dà nọ nọ kia kia, nó nhữnг vuốt râu làm bộ.

Thầy tờ sợ men tim đèn cửa ngoảnh mặt cúi dần
Chị em e vất lâm vào lưng chìa môi nhọn mỏ.

Lặng-giêng ít kẽ tới nhà ;

Thân thích chẳng ai nhìn họ.

Mất việc toan trả nghề «co-tá» (24), tủi con nhà
mà hổ mất anh em ;

Túng đường mong quyết chí «cùng tư», (25) e phép
nước chưa nên gan sừng sò.

Cùng con cháu thuở noi nangi chuyện cũ; đường
ngầm câu lạc đạo vong bần (26)

Gặp anh em, khi bàn bạc sự đời, lại đọc chữ vi
nhán bất phú (27).

Tất do thiên (28) áu phận ấy là thường ;

Hữu kỳ đức (29) át giờ kia chẳng phụ.

Tiếc tài cả phải phan ngưu (30) bẩn trúc (31); dẫu
xưa ông Phó (32) ông Hè; (33)

Cần nghiệp nho khi tạc bích (34) tụ hình (35); thuở
trước chàng Khuông, chàng Vũ. (36)

Nơi thành hạ gieo cần câu cá, kia kia người quốc
sĩ Hoài Âm (36) bis

Chốn lý trung (37) xách thớt chia phàn, nọ nọ
dứng mưu thần Dương-Võ (38),

*Khó ai bằng Mãi-Thần (39) Mong-Chinh (40) cũng
có khi ngựa cưỡi dù che; giàu ai bằng Vương-Khai (41)
Thạnh-Sùng (42) cũng có hồi tường xiêu ngói dồ.*

Mới biết: khó bời tại giờ; giàu là cái số.

*Dẫu ai ruộng sâu trâu nái, dùn lúa kho tiền, cũng
bất quá thủ tài chi lô (43).*

Chú thích.— (1) Lục cực: sáu điều cực khổ: một là chết non, hai là ốm đau, ba là lo, bốn là nghèo, năm là tật, sáu là hèn yếu.—(2) Lời dậy của thánh kinh (đây chỉ kinh thư của Nho-giáo) —(3) Do câu ngạn ngữ: vẫn tội bất như bần (muôn tội không tội gì bằng tội nghèo). —(4) Tường làm bằng mo cau.—(5) Con mọt đục cái kèo nhà thành lỗ hình như ngôi sao. (6) Nhện giăng tơ tựa màn che gió. (7) Cả câu nghĩa là: mái nhà thủng lỗ chỗ, ánh nắng soi qua các lỗ thủng, chiếu lên vách thành những hình tròn, trông tựa trứng gà, trẻ con lấy làm lạ, bập bẹ hỏi tại sao.—(8) Mái nhà thủng, nước mưa rơi qua và trúng vào hang chuột, mèo thấy tiếng động tưởng là có chuột đứng rình bên ngoài.—(9) Nhảy lên.—(10) Theo một câu chữ Hán: «Thái bình chi thế, ngoại hộ bất tể», ý nói đời thái bình, không cần đóng cửa vì không có trộm.—(11) Cói dùng đè dệt chiếu.—(12) Cồ khí: đồ cồ.—(13) Đất đồ tức là son dùng chấm bài.—(14) Ba đời bầy kiếp: cũ rich.—(15) Chữ trong kinh Thi ý nói là ruộng riêng của mình.—(16) Ăn khoai thay vào cơm (trừ cơm)—(17) Một gánh.—(18) Ít vốn (lượng vốn) (19) Ở câu «y giả ý dâ» sự làm thuốc cốt ở ý mình suy ra. (20) Dũng như: mạnh mẽ vầy.—(21) Thay cảng

cao tay. (22) Tên một bộ sách bói. — (23) Chân long : đất có long mạch (theo địa lý xưa) (24) Đói thời làm bậy. — (25) Sách Luận ngữ : ‘tiều nhân cùng tư lạm hỉ » nghĩa là kẻ tiều nhân cùng quắn thì làm bậy. — (26) Vui đạo đức nên quên sự nghèo khổ. — (27) Làm giàu không thè nhẫn đức được, làm điều nhân đức không thè giàu. — (28) Ý nói giàu sang ắt ở trời định. — (29) Có đức riêng của mình. — (30) Chăn trâu — (31) Xây đắp — (32) Ông Phó Duyệt, người đời Thương, khi còn hàn vi gánh đất thuê, sau làm tể tướng. — (33) Ông Bách lý Hề người Chiến quốc lúc còn nghèo đói đi chăn trâu thuê, sau làm tướng đời nhà Tần. — (34) Đục vách ; Khuông Hành, người đời Hán, không có đèn học phải đục bức vách để nhờ ánh sáng người láng giềng, sau làm tới Thái tử thiêubảo. — (35) Chứa đom đóm : Xa Dận người đời Tần nhà nghèo phải bắt đom đóm bỏ vào chai đè lấy ánh sáng học. — (36) Khuông Hành và Vũ Tử (tên hiệu của Xa Dận). — (36) bis Hán Tín, quê ở quận Hoài Âm, nhà nghèo thường đi câu cá dưới thành, có tiếng là kẻ sĩ rất giỏi trong nước và sau làm tướng giúp Hán cao Tô. — (37) Trong làng — (38) Trần Bình, người dắt Dương Võ lúc còn nghèo thường làm việc chia phần cho người làng, sao làm mưu thăn cho Hán cao Tô. — (39) Chu mãi Thần người đời Hán, vừa kiếm cùi, vừa học, sau đỗ làm quan. — (40) Lã mông Chính : người đời Tống nhà nghèo, chịu học rồi làm nén. — (41 và 42) Hai người giàu về đời Hậu Tấn nhưng về sau sa cơ nghèo đói. — (43) Một người tù giữ của, không làm nên sự nghiệp gì.

Nghĩa người đời

Ba vạn sáu ngàn ngày thảm thoát,
Tự mọc rặng cho đến lúc bạc đầu.
Cõi nhục vinh góp lại có bao lâu (1)
Ngời thử gảm thợ trời thêm khéo quá.
Núi tự tại, cõi sao, sông bắt xá 不舍 (2)
Chim thì lồng, hoa thì cánh, công đầu tạo hóa khéo
thừa trù.

Từ nghìn trước đế nghìn sau,
Kết cục lại một người riêng một kiếp.
Nhập thế cục bắt khả vô công nghiệp,
入世局不可無功業 (3)
Xuất mẫu hoài tiễn thị hưu quán, thân.
出母懷便是有君覲 (4).
Mà chữ «Danh» liền với chữ «Thân»;
Thân đã có, át danh âu phải cõi.
Này phút chốc kim rồi lại cõi,
Có hẹn gì nay chẳng bằng nay.
Râu mày kia hối râu mày.

Chú thích : (1) «Có» hoặc «chứa». (2) Núi
ở yên một chỗ, sông thì nước chảy luôn luôn không dừng.
(3) Người ở đồi phải làm nên công nghiệp. (4) Người ta từ
lúc ở lòng mẹ mới sinh ra đã có cái gánh quân (vua) thân
(cha mẹ) rồi.

Hành tàng

*Danh ba chén rượu khoanh tay giấc.
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười. »
Cái công danh là cái lụ đài.
Đường thân lý cát-nhàn chí đã với.
Giết lồng giang san vào nứa túi.
Rót nghiêng phong nguyệt cạn lồng bầu.
Cành cung, thông, ai có bận chí đâu,
Mùi tiêu sai (1) với trần-gian dẽ mây.
Thơ rằng : Hỡn danh nhàn phú quý.*

有名聞富貴
Vô sự tiếu thần tiên.
無事小神仙

Đảng anh hùng yên phật lạc thiên (2).
安 分 樂 天,
So trời đất cũng nhất ban xuân lý (3).
一 般 春 章

Khi lang miếu đã đánh công danh ấy,
Lúc yên hà khoe thí xuất nhân gian (4).
Hành tàng bất nhị kỳ quan.
行藏不二其观 (5).
Cõi đời mờ măt giang san thái hòa,
Còn xuân mai lai còn hoa.

Chú thích : 1) Vui vẻ. 2) Yên phận mình, vui đao trời. 3) Lòng vui cũng như cảnh xuân của trời đất 4) Ở ăn

ấy là hơn người đời. 5) Hành : ra việc đời : tàng : còn ở
àn, câu ấy ý nói rằng lúc làm quan, lúc còn ẩn cúng không
khác nhau.

Người với tạo vật

*Việc đời đã chắc chắn đâu,
Lời mày con tạo một trêu người.
Hoa nho đã hí lặng.
Đức chuốt ra rồi bắt bẽ lầm sao.
Khéo gán phần những việc đâu đâu,
Biết là mấy phân hiếu bàn thác. (2)
Sơ sinh bắt hạnh thành đầu giác (3)
初 生 不 幸 成 頭 角
Vạn lý ưng nan tích vō mao (4),
萬 里 應 雜 惜 羽 毛
Trót đà-mang một tiếng anh hào,
Lại muốn chuốc cuộc nhàn sao phải.
Mặc xui khiến dám nghĩ đâu thành bại.
Đem thông-minh mà đèn lại hóa-quân,
Thì xem cir tạo xoay vẫn.*

Chú thích : (1) Tạo-hoa hay trêu người. (2) Phân
hiếu : rắc rối; bàn : chính chữ bàn cẩn, nghĩa là cái rẽ
lớn; thác : chính chữ thác tiết, nghĩa là cái mắt cây. Mấy
chữ này dùng mà chỉ sự khó khăn. (3) Ý nói chính mình sinh
ra đã thành một người có danh tiếng. (4) Không lẽ cáo bay
xa chạy mà lánh mình.

Phận sự làm trai

Vũ-trụ chức phận nội (1)
Đèng trưng-phu (2) một túi kinh-luân (3)
Thượng vị đức, hạ vị dân (4),
Sắp hai chữ « quân, thân » mà gánh vác.
Có trung-hiếu nên đứng trong trời đất,
Không công danh thà nát với cõi cây.
Chỉ tang-bồng hờ-thi dạ nào khuya,
Phải hâm hở ra tài kinh tế (5).
Người thế trà nợ đời là thế.
Của đồng lẩn (6) thiên hạ tiêu chung ?
Hơn nhau hai chữ anh-hùng.

Chú thích :

- (1) *Vũ-trụ chức phận nội* : tất cả mọi việc trong vũ-trụ là ở trong chức phận kẻ làm trai hãi gánh-vác.
- (2) *Trưng phu* : đúng làm trai tài giỏi.
- (3) *Kinh-luân* : nghĩa đen : chỉ việc xe tơ nghĩa bóng ; chỉ việc xếp-đặt chính-trị
- (4) *Thượng vị đức, hạ vị dân* . vì kè bề trên giúp sức cho bề trên, vì kè dưới làm cho dân được sung-sướng.
- (5) *Kinh tế* : (do chữ kinh bang tế thế) trị nước giúp đời.
- (6) *Đồng lẩn* : (đồng : cùng; lẩn : lượt) cửa-cài trên đời lưu thông không riêng của một ai.

Chí nam nhi

*Thông-minh nhất nam tử,
 Yếu vi thiên-hạ kỵ (1)
 Chót sinh ra thì phải có chí chi,
 Chẳng lẽ tiên lung ba vạn sáu.
 Đỗ-kỵ sá chi con Tạo,
 Ngơ tang-bồng quyết trả cho xong.
 Đã xong pha bút trán, thì gắng gòi kiềm cung
 Làm cho rõ tu-mi nam-tử.
 Trong vũ-trụ đã đành phận sứ,
 Phải có danh mà đổi với nùi sông.
 Đì không, chẳng lẽ về không.*

Chú-thích.— (1) Hai câu 1-2: một người con trai thông-minh phải làm nên kẻ khác thường trong thiên-hạ

Chí làm trai

*Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc,
 Ngơ tang bồng vay trả, trả vay.
 Chí làm trai nam bắc đông tây,
 Cho phi sicc vầy vùng trong bốn bể.
 Nhân sinh tự cổ thùy vô tử,
 Lưu thủ đan tâm chiếu hân thanh (1).
 Đã hân rẳng ai nhục ai vinh,*

Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngỗ,
 Cũng có lúc mỉa dồn sóng vỗ.
 Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong,
 Chỉ những toan xè nái lấp sóng.
 Làm nên dáng anh hùng đán đầy tö,
 Đường mây (2) rộng thênh thênh cù bờ.
 Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo,
 Thành thời thơ túi rượu bầu.

Chú-thích :

(1) Nhân-sinh tự cõi thùy vô tử, lưu thủ đan tâm
 chiểu hân thanh : từ trước đến nay đã làm người ai lại không
 chẽt, chỉ cốt giữ cho được tấm lòng son lưu lại với sô xanh.

(2) Đường mây : đường công-danh hiền-dat.

Quen thú vãy vùng

Hồi thi đã quen tay vũ trụ,
 Cầm thư chi lạ mắt quan hù !
 Túi giang sơn bốn bề cũng là nhà,
 Nền vương thổ cả trong trời đất Việt.
 Vì chẳng điền viên vui tuế nguyệt,
 Âu đem thân thể hẹn tang bồng.
 Kém gì Nam Bắc Tây Đông,
 Đường thư kiếm vãy vùng cho hết đất.

Đi khuất trượng phu ưng bất bất, (1)
 移 屈 文 夫 應 不 不
Bảo an quân tử tín vô vô. (2)
 保 安 君 子 信 無 無
Cuộc trăm năm chử a Tố hành hồ », (3)
 百 年 一 行 虽 然 也
Bè khu xử, quy mô hoàn tự biệt.
 百 儿 到 此 是 雄
Cung tường áy cho thiêng hạ biết,
Biết rằng ai nhò nhò to ?
 容 墓 有 为 神 人 知
May ra mờ mặt rùng nho,
Quân dân một gánh, giang hồ cung xong,
Nam nhi đáo thử thị hùng.
 男 兒 到 此 是 雄

Chú thích : (1) Kẻ trượng phu chẳng chịu đồi chí khuất thân — (2) Người quân tử không cầu no, không cầu yên — (3) Được sao nêu vây.

Có chí thì nên

Cùng đạt có riêng chí mệnh số,
Hành tàng nào hẹn với văn chương ?
Đường công danh sau trước cũng là thường,
Con Tạo hóa phải rằng ghen ghét mãi !
Duyên nguy thủy còn dành cơ hội lại,
Quyết tang bồng cho phỉ chí trượng phu.
Trong tràn ái, ai kém ai run ?
Tài bệ thế khoa danh ở lại có.

Độc thư thiên bất phụ,
讀書天不負
Hữu chí sự cánh thành.
有志事竟成
Giang sơn đành có cay nơi mình,
Mà vội mỉa anh hùng chi bấy nhé!
Đã sinh ra ở trong phù thế,
Nợ trần ai đành cũng tinh xong.
Nhắn lời nói với non sông,
Giang sơn hầu dẽ anh hùng mấy ai?
Thanh văn trông đó mà coi.

Có chí thì nên (II)

Thành sự do thiên lý,
成事由天理
Gánh kiền khôn ai chẳng anh hùng !
Sách có câu : cùng, đạt, biến, thông,
Lại có kẽ dập dù danh với lợi.
Hữu chí công danh tài bất lụy, (1)
有志功名才不累
Sor lai bồng thi hụt hà phuơng. (2)
初來蓬矢又何妨
Dẽ mấy ai thôi đốc đồng lương,
Mà người thế đã đem nhau vật sắc.
Làng khanh tướng xưa nay mấy mặt,

*Cũng lâm phen nhục nhục vinh vinh,
Mới hay thiên địa đà tình.*

Chú thích :

(1) Có chí công danh tài chẳng lụy.— (2) Những mong tài hồ-thì từ hồi còn nhỏ thì có ngại gì.

Trên vì nước dưới vì nhà

*Tang bồng hồ nam nhi trái, (1)
Cái công danh là cái nợ nần.
Nặng nề thay ! đổi chữ «quân thân», (2)
Đạo vi tiếc vi thần đâu có nhẹ.
Cũng ráp điền viên vui tuế nguyệt,
Trót đem thân thế hẹn tang bồng.
Xếp bút nghiên theo việc kiêm cung (3)
Hết hai chữ «trung trinh» báo quốc,
Một mình đẻ vì dân vì nước,
Túi kính luân từ truớc đẻ nghìn sau.
Hơn nhau một tiếng công hồn.*

Chú thích : (1) Sự tang bồng hồ-thì là cái nợ của kẻ nam nhi. (2) Quân thân : vua với cha mẹ. (3) Kiêm cung: gươm với nỏ (nộ), ý nói việc đánh dẹp giặc-giã.

Thú tồ tôm

Nhân sinh quý thích chí

人 生 賢 適 志

Cuộc ăn chơi chi hơn thú tự tam (1)

Tài kinh luân xoay dọc xoay ngang,

Cơ điều đặc quân ăn quân đánh,

Gọi một (2) tiếng người đều khởi kính,

Dậy (3) ba quân ai dám chẳng nhường.

Cát nắp lên bốn mặt khôn đương.

Hạ bài xuồng tam khôi (4) chiếm cả.

Nay gặp hội quốc gia nhàn hạ,

Nghĩ ăn chơi thú nọ cưng hay.

Godom hai ván vỡ trong tay.

Chú thích : 1) Tụ tam : nhóm ba quân, vì đánh tồ tôm cứ ba quân bà là một phu, nên gọi là tụ tam, mà tiếng nôm gọi là tồ tôm. 2) Đánh tồ tôm hẽ bài mình có hai quân thời có quyền gọi (phỗng). 3) Hẽ trong bài có ba quân mợ; hàng thời thường úp xuồng, khi gặp quân đồng hàng ấy ra thời vật lên gọi dậy khàn. 4) Tam khôi : được ba ván luôn.

Cây thông

Ngồi buồn mà trách ông xanh,

Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười.

Kiếp sau xin chờ làm người,
 Làm cây thông đứng giữa trời mà leo.
 Giữa trời, vách đá cheo leo,
 Ai mà chịu rét thì trèo với thông.

Bài ca ngát ngưởòng

Vũ trụ nội mạc phi phật sự,
 Ông Hi văn (1) tài bộ đã vào lòng.
 Khi thủ khoa, khi Tham tán, khi Tông đốc Đồng (2),
 Gồm thao lược đã nên tay ngát ngưởòng.
 Lúc Bình Tây (3) cờ đại tướng,
 Có khi về Phủ doãn Thừa thiên.
 Đô môn giải tỏ chi niên. (4)
 都 市 解 組 之 年
 Đặc ngựa bò vàng đeo ngát ngưởòng.
 Kìa núi nọ (5) phau phau mây trắng,
 Tay kiêm cung mà nên dạng từ bi.
 Gót tiên theo đường định một đôi dì,
 But cũng nực cười ông ngát ngưởòng.
 Được mắt dương dương người thái thượng (6),
 Khen chê phơi phới ngọn đồng phong (7)
 Khi ca, khi tấu, khi các, khi tùng. (8)
 Không phật, không tiên, không vương tục.
 Chẳng Trái Nhạc cũng vào phuường Hàn, Phú (9),
 Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung (10).
 Trong triều ai ngát ngưởòng như ông !

Chú thích :

- 1) Hi Văn là biệt hiệu của cụ Nguyễn công Trứ.
- 2) Tòng đốc tỉnh Hải-dương, và tỉnh Quảng yên. 3) Bình Tây : đi đánh Trần-tây tức là Cao-man. 4) Cái nǎm ở chốn Đô-môn, cởi áo mū mà về hưu-trí. 5) Đây là chỉ núi Đại nại, chỗ có chùa Cảm-sơn, lúc cụ về hưu, vào tu ở đây. 6) Ý nói cũng như người đời thái cổ, không lấy được mắt làm quan tâm. Có bản chép là Tái thượng : tích ông lão ở gần cửa ải mắt ngựa không lấy làm buồn, được ngựa không lấy làm vui. 7) Có bản chép : trận thu phong. 8) Cố bản chép : khi thơ khi rượn lúc trà thung, 9) Trái có lẽ là Trái-Tuân người đời Hán ; Nhạc là Nhạc-Phi người đời Tống ; Hàn là Hàn Ký người đời Tống ; Phú là Phú Bật mấy người này đều làm danh tướng, có công nghiệp hiền hách với đời. Trái-Nhạc có bản chép Thái Nhạc. Hàn Phú có bản chép Mai-phú. 10) Trước sau.

Lúc cụ về hưu rồi, vào ở chùa Đại nại, sau trở về lại thường lên chơi chùa Thiên-Tượng trên núi Hồng sơn, mỗi khi lên chùa, đem cô đào đi theo, cho nên trong bài có câu «*bụt cũng ngực cười ông ngắt ngưởòng*», ông Phan sào Nam lúc còn học trò lên chơi chùa ấy có vịnh bài thơ trong có câu rằng :

Hà như Uy viễn tướng quân thư,
如何威遠將軍趣

Túy ưng hồng nhi thương pháp môn
醉 據 紅 兒 上 法 門

Kiếp phù thé

Sinh trong phù thé,
Chữ «vô cùu» là chữ thiên nhiên.
Đem bám Trời, Trời cũng phải khuyên,
Khuyên khuyên chữ anh hùng yên sở ngỗ.
Tạo H'á có ghen chi mệnh số ?
Giang sơn nào oán vbi vân chưƠng ?
Phận tài hoa đành có lúc vè vang,
Đường hoa mực xa nhau là mấy bước ?
Sóng vỗ lờp san như lờp truờc,
Chí vây vùng ai có kém ai đâu.
Thảnh thơi thơ tái rơu bầu,
Trần ai ai biết công hồn là ai ?
Làm rõ mặt anh tài.

Nợ phong lưu

Cõi trần thế nhân sinh là khách cá,
Nợ phong lưu kè giả có người vay.
Trong trần gian ai biết ai hay.
Làm ra đắng phi thường cho rõ chí,

Quân tử dụng tâm vô đồ kỵ (1).

君 子 用 心 無 姒 息

Trương phu nhập thế hưu kinh quyền (2)

丈 夫 入 世 有 經 權

Bất oán nhẫn, diệc bất vưu thiên (3)

不 怨 人 亦 不 尤 天

Trong ba vạn sáu nghìn ngày đều thích chí.

Năm ba chén non nhân nết trí,

Một vài câu thơ thánh phú thần ;

Nhờn nhơ trong áng hồng tràn,

Sánh người chung đinh đai cản cũng viễn.

Thánh thời bầu rượu thi thơ.

Chú thích.— (1) Người quân tử dụng tâm không ghen ghét. (2) Kẻ trương phu ra dời có lúc kinh, lúc quyền. (3) Không oán người, cũng không trách trời.

Văn cảnh chiêu

Trái non nết xa trông ban tịch chiêu,

Bết phong vân ai kéo vẽ vời ?

Dưới kim ô bóng bạch nhạn loi thoí,

Dòng bích lăng tiếng ngư ca gắng gói.

Đầu lâm điếu sẵn tà dương ngoại, (1)

投 林 烏 趋 斜 阳 外

Thìa tịch ngư quy có đê đầu ; (2)

乘 夕 魚 歸 古 渡 头

Gió trắng say chênh choanh rượu lung bầu,

*Non nước hưng bè bai đàn mẩy khúc.
Nhàn dung đinh xênh xang gậy trúc,
Dục thảng đồng thát túi kiền khôn.
Thành thơi trong cõi khu toàn.*

Chú thích.— Chim bay về rừng, săn ngang mặt trời
xé. (2) Cá nhân lúc tối, đi về bến đò cũ.

Thành Thăng-Long

*Chẳng thơm cũng thẻ hoa nhài,
Đâu không lịch sịr cũng người Tràng An,
Hồi thủ khả lân ca vñ đia,
Đất Tràng An là cõ đẽ kinh ;
Nước non một giải hồn tình,
Trời Nam Việt trước gây đỡ đẽ kỵ.
Người thôn ố, dấu phong lưu thành thi;
Đất kinh kỳ riêng một áng lâm toàn.
Men suron non tiếng mục véo von,
Im mặt nước buồn ngủ lâ châ ;
Hoa thảo kỳ kinh xuân đại tạ, (1)
花 草 網 經 春 代 謂
Giang sơn do tiểu cõ hưng vong ; (2)
江 山 猶 笑 古 興 亡
Đồ thiên nhiên riêng một béc tang thương,
Khách du lâm coi chừng thăm hỏi.*

*Đã mấy độ sao đổi, vật đổi,
Nào vương cung để miếu ở đâu nào?
Mia mai yểu hót oanh chào.*

Chú thích.— (1) Cỏ hoa biết mẩy lần thay đổi.
(2) Non nước còn cười cuộc thịnh suy.

Thoát vòng danh lợi

*Chen chúc lợi danh đà chán ngắt,
Cúc tùng (1) phong nguyệt (2) mới vui sao.
Đám phòn hoa (3) trót bước chân vào,
Sực nghĩ lại giật mình bao xiết kẽ.
Quá già vang nhỉ bắt thuyết (4)
Cái hình hài làm thiệt cái thân chi (5).
Cuộc đời thử gâm mà suy,
Bạn tùng các xưa kia là cố cựu.
Hẹn với lợi danh ba chén rượu,
Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ.
Chuyên cổ kim so sánh xưa bàn cờ,
Riêng vui thú giang sơn phong nguyệt.
Mặc xa mā thị thành không dám biết,
Thú yên hà trời đất để riêng ta.
Nào ai ai biết chàng là?*

Chú-thích : (1) Cúc tùng : (cây cúc và cây tùng)
hai thứ cây mà người ăn-dặt, ưa-thích cũng dùng để chỉ

hạng người ấy. (2) *Phong-nghệ* : (gió và trăng) thú trong cảnh thiên-nhiên. (3) *Phồn-hoa* : chỗ đông đúc náo-nhiệt. (4) *Quá già vâng nhị băt thuyết* : không nói chi đến chuyện trước. (5) Chớ nên ham danh-lợi bề ngoài mà làm khổ thân mình.

Cầm kỵ thi túu

Cầm kỵ thi túu,
Đường ăn chơi mỗi về mỗi hay,
Đàn năm cung réo rất tình tình dây,
Cờ đổi nước ráp rình xe ngựa đỗ,
Thơ một tái phẩm đè (1) câu nguyệt lộ (2),
Rượn ba chung, tiêu sái (3) cuộc yên hà (5).
Thú xuất trần, tiên vẫn là ta,
Sánh Hoàng Thạch, Xích Tùng, (6) ở cũng đáng.
Cầm túc tiên nhiên, kỵ túc sảng,
Thi hoài lạc hĩ, túu hoài nồng (7)
Một chẽ nhàn giá lại đáng muôn chung,
Người ở thế đầu trăm năm là mấy.
Sách có chữ «Nhân sinh thích chí».
Đem ngàn vàng chác lấy chuyện cười.
Chơi cho lịch (8) mồi là chơi,
Chơi cho đài các, cho người biết tay.
Tài tình dể mấy xưa nay.

Chú-thích : (1) *Phảm-dề* : phê lời khen. (2) *Cát* *nguyệt lợ* : (nguyệt : trăng; lợ : sương mù) ý nói câu thơ hay. (3) *Chung* : chén dùng để uống rượu. (4) *Tiêu-sát* : không vương-vắn. (5) *Yên-nhà* : (khói và ráng) thú ăn-dật. (6) *Hoàng-Thạch Xích Tùng* : tên hai vị tiên. (7) Giọng đàn trong-trẻo, nước cờ minh-mẫn sáng-sủa, túi thơ vui vẻ, chén rượu nồng-nàn. (8) *Lịch* : từng-trái, sành-sỏi.

Chữ nhàn

*Thi tại môn tiền náo,
Nguyệt lai môn hạ nhàn (1)
So lao tâm lao lực xưng một đàu,
Người trần thế muôn nhàn sao được?
Nên phải giữ lấy nhàn làm trung
Đầu trời cho có tiếc cũng xin nài.
Guộc nhàn sinh chàng bùy tâm chín mươi mươi
Mươi lăm trè, năm mươi già không kể?
Thoạt sinh ra thì đã khóc chúa,
Trần cỏ vui sao chẳng cươi khì?
Khi hỉ lạc, (2) khi ái ố, lúc săn bì,
Ghép chi lầm một bầu nhân dục.
Tri túc, tiện túc, đái túc, hà thời túc;
Tri nhàn, tiện nhàn, đái nhàn, hà thời nhàn(3)?
Cầm kỹ thi tiền với giang sơn,
Để mấy kẻ xuất trần xuất thế (4),
Ngã kim nhặt tại tọa chí đia.*

*Cô chi nhân tàng tiên ngā tọa chi(S),
 Ngàn muôn năm âu cũng thế ni
 Ai hay hát mà ai hay nghe hát?
 Sông Xích bích buông thuyền năm Nhâm tuất,
 Đề ông Tô(9) riêng một thú thanh cao.
 Chữ nhàn là chữ làm sao?*

Chú-thích :

- (1) Chợ ở trước cửa thì huyền-náo (ghép chữ : chữ "môn" 閭 với chữ "thị" 市 ở bên trong túc là chữ náo 閣).
- Ánh trăng soi trước cửa túc là nhàn (ghép chữ : chữ môn 閭 với chữ nguyệt 月 ở bên trong túc là chữ nhàn 閑)
- (2) *Hỉ lạc, ái ố, sầu bi* : mừng vui, yêu ghét, buồn thương.
- (3) Biết đủ túc là đủ, đợi đủ bao giờ đủ ?
 Biết nhàn túc là nhàn, đợi nhàn bao giờ nhàn ?
- (4) *Xuất trần, xuất thế* : ra khỏi cuộc đời bụi-bặm.
- (5) Chỗ ta đang ngồi, người xưa đã ngồi trước rồi.
- (6) *Tô* : ông Ta đồng Pha thường chơi thuyền trên sông Xích-bích.

Nhàn-nhân với quý-nhân

*Cơn chênh-choáng xoay vẫn trời đất lại,
 Chốc ngâm-nga xáo lộn cổ kim đài.*

Cái công danh là cái chi chi,
 Quý-nhân-tưởng bất như nhàn-nhán quý.
 Thủ yến-hà gởi nơi thành thị,
 Nhờ Đông-ba, Gia-hội (1) có hai cầu.
 Khi giú mát, lúc trăng thâu, dập-dùu những vần
 nhán tài-tử.

Trong ngọc đá vàng thau ai biết thử,
 Có xanh xanh trên ấy đã cầm quyền.
 Đua hòng sánh lạc bảy nhiêu nhiêu,
 Nào đã thấy hoa khôi (2) là mấy mặt.
 Thời cung muôn Nam-vô Di-đà-Phật,
 Trót đỡ đem thân-thể hẹn tang-bồng,
 Nghìn dặm đường một gánh non-sông,
 Còn tơ-tường năm xưa cầm vbi hạc,
 Thủ nhân bất thức dư tâm lạc,
 Mượn phong-tình mà già nợ phong-lưu.
 Thanh nhàn ngâm một vài câu,
 Biết đâu ám lạnh biết đâu ngọt bùi.
 Đẹ cho đó gấm mà coi.

Chú thích.— (1) Đông-ba, Gia-hội, trên hai dây phố
 ở phía đông-bắc kinh-thành Huế. Gần đó có hai cái cầu,
 chiều lại các khách làng chơi tới thường ngoại thật là tấp-
 nập vui-vẻ. (2) Hoa-khôi: thứ hoa đẹp nhất, chỉ người tài-
 hoa tuyệt thế.

Vịnh nhân sinh

Ôi! nhân sinh là thế ấy,
 Như bóng đèn,
 Như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao.
 Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào,
 Vừa tinh giác nồi kê (1) chưa chín.
 Vật thái mạc cùng vân biến ảo,
 物 態 莫 窮 雲 變 幻
 Thế đờ vô lỵ thủy định hir.
 世 途 無 慮 水 盈 虛
 Cái hình hài đã chắc thiết chưa?
 Mà leo đèo khóc săn ríea māi.
 Trời đất hối có hình cũng hoại,
 Ỷ chí chí mà chắc chắn chí chí.
 Cuộc làm vui liệu phải kịp thời,
 Khi đắc chí lại có khi thất chí.
 Trong đó đê hây suy cho kỵ,
 Dẫu xưa nay nào có trù ai,
 Có tài mà cậy chí tài.

Chú thích : (1) Kê là một giống lúa, chữ Hán gọi là hoàng lương. Thuở trước có kẻ năm trong quán, chiêm bao thấy mình gặp cảnh sung sướng, được ba mươi năm, lúc tinh dậy thì người chủ quán nấu nồi kê còn chưa chín. Tích này thường dùng để chỉ sự sung sướng trên đời chẳng qua là một giấc chiêm bao. (2) Trò đời thay đổi luôn cũng như mây lúc tan, lúc hợp. (3) Cuộc đời khi lên khi xuống cũng như nước khi đầy khi vơi.

Tuổi già cưỡi hầu

Trè tao hóa ngần-ngờ làm việc,
 Già nguyệt ông các cớ (1) trên nhau.
 Kìa những người mái tuyêt đã phau phau,
 Run rẩy kê đàò tơ còn mảnh-mảnh.
 Trong tr匡ng gấm ngon đèn hoa nhấp nhánh,
 Nhất toạ lê hoa áp hải đường, (2)
 一 坐 梨 花 压 海 紗
 Từ đây đà tạc đá ghi vàng.
 Bởi đâu trước lúa tơ chắp chỉ,
 Tân nhân dục vẫn lang niên kỷ. (3)
 新 人 欲 問 郎 年 线
 Ngũ thập niên tiền, nhị thập tam, (4)
 五 十 年 前 二 十 三
 Tình đã chung lúa cũng phải vay (5)
 Suốt kim cổ lấy làm vận sự,
 Trong trán thế duyên duyên nợ nợ,
 Duyên cũng đành mà nợ cũng đành.
 Xưa nay mấy kê đà tình,
 Lão Trần (6) là một, với mình là hai.
 Càng già càng dẻo càng dai.

Chú thích : Lúc cụ bảy mươi ba tuổi, có cưỡi một
 cô hầu, nhân vịnh bài này. 1) Thắc mắc, hay sinh chuyện.
 2) Một chùm hoa lê kề bên dóa hoa hải-đường, ý nói người
 tóc đã bạc ngồi kề bên kẻ má còn hồng. 3) Người vợ mới
 muốn hỏi chồng tuổi bao nhiêu. 4) Trước đây năm mươi

năm, ta đã hai mươi ba tuổi, thế là đã bảy mươi ba tuổi.
 5) Vua : một lứa ngang nhau. 6) Lão Trần tức là ông Trần
 Tu người đời Lê, 73 tuổi thi đậu Tiến-sĩ, vua già cho
 một vị Công chúa 17 tuổi.

Gánh gạo đưa chồng

Con cò lặn lội bờ sông,
 Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nín non,
 Lộ diệc vũ-trùng trung chí nhất,
 Thương cái cò lặn-lội bờ sông.
 Tiếng nín-non gánh gạo đưa chồng,
 Ngoài nghĩa dặm một trời một nútbc.
 Trông bóng nhạn băng khuất tàng burbc,
 Nghe tiếng quyên khắc khoải năm canh.
 Nghĩa tép tôm ai nỡ đứt tình,
 Ông thùy thô phai đèn cho vẹn sóng.
 Tràng tên đạn xin chàng bảo trọng.
 Thiếp lui về nuôi cái cùng con.
 Cao-băng cách trở nútbc non.
 Mình trong trắng, có quỷ thần a-hộ.
 Séc bay nhảy một phen nắng nở,
 Đá Yên nhiên (2) còn đó chẳng mòn.
 Đồng hưu (3) rạng chép thẻ son,
 Chàng nên danh giá, thiếp còn trẻ trung.
 Yêu nhau kháng khít dài đồng.

Chú thích : 1) Lô : con cò; Vũ-trùng : loài có lông, con cò cũng là loài có lông. 2) Yên-nhiên : tên một quả núi bên nước Tàu, đời Hán đánh được Hung-nô có lập bia kỷ công ở núi ấy. 3) Đồng hưu : lúc giặc đã yên, nước vui vẻ mình cũng vui-vẻ. Câu đầu là câu ca dao, nhân đó đặt ra bài hát này để yên-ủi quân sĩ trong lúc đi đánh giặc Nùng văn Vân. Khi quân sĩ nghe bài ấy, ai cũng cung cảm kích phẫn chấn. Câu ca dao ấy như sau này :

*Con cò lặn-lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.
Nàng về nuôi cái cùng con,
Đề anh đi chày nước non Cao-bằng.*

Yêu hoa

*Ngồi thư ngắm trăm hoa ai nhuốm.
Một hoa là riêng một sắc, hương.
Khi chưa xuân khép-nép bên đường,
Còn phong nhuy (nhị) đợi Đỗng-hoàng (1) về cản-
đáng (2)
Liễu tía đào hương mai trắng bạch,
Lan tươi huệ tốt lý xanh-xanh.
Thêm hương khi gió lá mưa cảnh.
Mở mắt thấy giang-san cười chém-chém
Khách thập-thúy (3) say màu hoa diêm,
Đối mặt hoa mà cầm mà kỵ mà tưởn mà thi.*

*Khuyên ai đừng giờ cuộc ly-phì (4)
 Trần trọng lấy hương giờ cho trọn vẹn.
 Hoa với khách như đã có hẹn,
 Üa màu nào màu ấy là xinh.
 Trăm hoa cũng bẽ một cành.*

Chú thích : 1) Đông hoàng : vua phương Đông, tức là chúa xuân. 2) Cán đáng : chủ trương. 3) Thập thủy : chọn sắc tốt, chỉ người chơi xuân. 4) Ly phi : tả tai, vùi dập.

Duyên gấp gỡ

*Minh-quân lương tướng tao-phùng đị,
 Tài tử giải nhân tế-ngộ nan.
 Trai ang hùng gấp gái thuyền-quyên,
 Trong nhất kiến tình duyên như đĩa.
 Tỷ-bà hữu hạnh phùng Tw-Mā,
 Quân tử đĩa tình cảnh khă lân.
 Nő mấy người tài tử giải-nhân,
 Duyên chí thâm bông dần dần đưa lại.
 Dần nghìn dặm băng-sơn quê-hải.
 Đĩa tình duyên xe lại cũng nên giàn.
 Liễu hoa vừa gấp chúa xuân,
 Châu, Trần nào ch Châu, Trần nào hòn.
 Anh-hùng hà xíu bắt giang-sơn.*

Chú thích : 1) Đặng minh quân và bậc lương tướng gặp gỡ nhau dễ. 2) Kẻ tài tử và kẻ giai nhân gặp nhau khó. 3) Tỳ bà : tên đàn. Tư mã : Tên chức quan, nguyên đời Đường, ông Bạch-cử Di bị giáng chức ra làm quan ở Giang-châu, trong khi đưa khách ở bến Tầm-dương bỗng gặp người đàn bà gảy khúc Tỳ bà, tiếng đàn nao-nùng làm cho khuây khỏa trong khi ly biệt. 4) Quân tử là người đa tình nên lầm nỗi xót thương câu này có bản chép : Lưu thủy đa tình chí Tử Vân. 5) Chỉ những nơi xa cách.

Vịnh chữ tình

Cái tình là cái chi chi
 Đầu chi chi cũng chi chi với tình,
 Đa tình là dở,
 Đã mặc vào đở gỡ cho ra,
 Khéo quấy người một cái tình ma,
 Trôi buộc kẽ hào-hoa biết mấy.
 Đã gọi người nằm thiền cõi dậy;
 Lại đưa hồn lúc ngũ canh đi.
 Nợc cười thay lúc phản kỵ (1).
 Trong chẳng nói biết bao nhiêu biết lệ (2)
 Tình huống (3) ấy đâu bút thần khôn vẽ,
 Càng tài tình càng ngốc càng si.
 Cái tình là cái chi chi.

Chú thích : 1) Chia rẽ, mỗi người một ngả. 2) Lúc tượng biệt có ý thương nhớ nhau mà nhỏ nước mắt 3) Tình cảnh.

Vịnh sầu tình

Sầu ai lấp cả vồng giời,
 Biết chẳng chẳng biết hối người tình chung.
 Xuân sầu mang mang tắc thiên địa,
 Gióng ở đâu vô ảnh vô hình.
 Chỉ tò-mò quanh-quẩn bên mình,
 Khiển ngàn ngàn ngờ-ngoè đủ chung.
 Hồi giang gió, gió giang hờ-hững,
 Ngắm cỏ hoa, hoa cỏ ngậm-ngùi
 Gươm đao sầu, (2) thơ trục muộn (3) đủ rồi,
 Còn leo-đeo vô trung sinh hưu.
 Dục phá sầu thành tu dụng tenu (4),
 Túy tự túy đảo, sầu tự sầu (5).
 Rượu vơi sầu như gió mā ngưu (6).
 Trong lai-láng biết tránh đâu cho khôi.
 Càng tài tử càng nhiều tình-ái,
 Cái sầu kia theo hình ấy mà ra.
 Mưa sầu tại kê hào-hoa,

Chú thích : 1) Lòng sầu ròn rợn đầy giờ đất.
 2) Làm cho đứt mối sầu. 3) Làm cho xa sự buồn. 4) Sầu cũng như một bức thành muốn phá phải dùng rượu. 5) Rượu cũng không phá được sầu, say tự say, mà sầu tự sầu. 6) Gió mā ngưu : ý nói xa nhau.

Nhớ tri âm

*Điếc-diếc sơn nhan viễn (1)
 Ông-uông thủy sắc thâm (2)
 Từ nước non mang lấy nợ minh cầm (3).
 Hòn hòn-điệp đậm đanh nãm trông thở (4)
 Thơ rằng : « Án ngọc gương tình soi vạn cõ ;
 Định trăm lừa kiếp nấu ba sinh ».
 Cúc thu-phong phảng-phất giắt bên mành,
 Đàm tắt-suất (5) u or vò khúc nhụt (6).
 Loan-phòng đã thấu tình chàng chửa ?
 Nợ đẽ riêng ai hẹn tuyết sương.
 Đầu sông Tương, cuối sông Tương,
 Đường gang tắc xa nhan chùng mấy lối.
 Thơ buồn rơm luồng qua trời sớm tối,
 Bác cung thương đường phảng-phất bên tai.
 Tương tư kia cũng nực cười.*

Chú thích : 1) Dáng núi trông xa mờ mờ. 2) Sắc nước ròn rợn, sâu thẳm. 3) Minh cầm : gậy đàn cầm, nguyên tích thầy Tử-Tiện làm quan ấp Thiện-phủ, thường gậy đàn cầm, nên người ta thường dùng chữ ‘minh cầm’ để làm điền quan huyện. 4) Tắt suất : con dẽ. 5) Nhụt : Mỗi tờ liễu, ý nói lòng thương nhớ bối rối như sợi tờ liễu vò lại,

Vịnh Thúy Kiều

*Đã biết mà hòng thời phân bạc,
Trách Kiều-nhi chưa vẹn tâm lòng vàng.
Chiếc quạt thoả đành phụ nghĩa Kim-lang,
Nặng vì « hiếu » nhẹ vì « tình » thời cũng phải.
Từ Mā-giām-Sinh cho đến chàng Tù-Hải,
Cánh hoa tàn đem bán lại chôn thanh lâu.
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu,
Mà bướm chán ong chưởng cho đến thế !
Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa,
Đoạn trưởng cho đáng kiếp tà dâm.
Bán mình trong bấy nhiêu năm,
Đó đem chữ « hiếu » mà làm được ai !
Nghĩ đời mà ngán cho đời*

Vịnh Tây Hồ

*Dập dùi trăng mạn gió lèo (1).
Lồng ngâm vân thủy, lời chèo yên ba (2)
Cánh tay hồ khen ai khéo đặt,
Trong thi-thanh riêng một áng lâm tuyền.
Bóng kỵ dài giăng mặt nước như in,
Tàn thảo thụ lum-xum tòa cổ sát (3)
Chiếc cò-lộ mảnh lạc-hà bát ngát (4)
Hồi nǎm nao vũ-quán điệu dài (5).*

*Mà cỏ hoa man mán dấu thương-dài (6),
 Đè khách rượu làng thơ ngọt-ngắn.
 Yên tiêu Nam-quốc mỹ-nhân tận, (7)
 煙消南國美人盡
 Oán nhạt đồng phong phuơng thảo đa. (8)
 忽入東風芳草多
 Đồ thiên nhiên một áng yên ba,
 Đè khiên híng câu thơ chén rượu.
 Buồm nừa lá trắng thanh gió dịu,
 Chiền (9) đâú-đâú một tiếng chuông rơi,
 Tây hồ cảnh biệt mây mướt.*

Chú thích : 1) Mạn : mạn thuyền, lèo : lèo buồm. 2) Vân thủy : mây và nước. Yên ba : khói và sóng. 3) Cô sát : chùa xưa. 4) Cô lộ : con cò bay một mình. Lạc hà : rắng chiếu xuống, câu ấy bởi câu : ‘Lạc hà dữ cô-lộ tè phi’ mà dịch ra. 5) Vũ quán : quán hát múa. Điều dài : lầu câu cá. 6) Thương dài : rêu xanh. 7) Những người mỹ-nhân tiền triều đã mất cả. 8) Trông thấy những chùm cỏ thơm gấp trận gió đông càng giục tấm lòng hoài cảm. 9) Chiền : chùa.

Vịnh tú thời XUÂN

*Xuân sang hoa cỏ đua tươi,
 Khoe màu quốc sắc trẻ (1) mùi thiên hương.*

Đám ấm thuở tin xuân phút bắn,
 Khí phát sinh rải-rác trên cành.
 Thủ tập bay, bướm mệt uốn mình,
 Muốn học nón, oanh còn lùa tiếng.
 Liễu hoàn cực lục oanh do tĩnh, (2)
 柳還舊綠鶯猶靜
 Đào thí tân hồng đệp vị tri (3).
 桃試新紅蝶未知
 Mái đồng phong mày liễu xanh rì,
 Đám tàn tuyết đầm non trắng xá.
 Buổi hòa hú 和煦 (4) khi trời ấm á,
 Hồi đập thanh xa mả đập-dùu.
 Nghìn vàng một khắc xuân tiêu (5)

Chú thích : 1) Trẻ : khoe, phô bày cho người ta biết. 2) 3) Hai câu này nói xuân mới tới, cho nên liễu đã xanh, mà oanh còn lặng lẽ, đào đã đỗ mà bướm còn hững hờ. 4) Hòa hú : ấm áp. 5) Xuân tiêu : đêm xuân, dịch câu sau này ra : *Xuân tiêu nhất khắc tri thiên kim nghĩa là một khắc đêm xuân đáng giá nghìn vàng.*

HẠ

Hạ sang tàn lùa càng cao,
 Khúc ca giải phụ (1) lùa vào năm dây.
 Vận ống lù (2) tiết vừa sang hạ,

Bính đinh (3) về hiệu gọi Chúc dung (4).

Quanh ngọn trường lùa lùa phun hồng,

Trên mặt nước tiễn sen này lục-

Trì đường tinh trwang ông tôn trúc, (5)

池塘並長筍孫竹

Li lạc tờ khai ti muội hoa. (6)

籬落齊開姊妹花

Buổi thời huân (7) mấy khúc cầm ca,

Với trời đất cũng sinh sinh trường trường.

Hè mạnh, ngọn nam phong thoang thoảng,

Người Hy Hoàng (8) dáng (9) cũng đường này,

Thú sao dế mấy ai hay.

Chú thích : 1) Giải : gỡ ra; Phụ : nhóm lại, chữ giải phụ rút ở câu ca Nam-phong của vua Thuấn như sau này : « Nam-phong chi thời hè, khả dĩ phụ ngô dân chi tài ; Nam-phong chi huân hè, khả dĩ giải ngô dân chi uấn hè », nghĩa là gió nam phải thời kia vậy, có thể nhóm thêm của cho dân ta; gió nam hòa ấm kia vậy, có thể giải được sự lo phiền cho dân ta. 2) Ông lữ là ống trọng lữ thuộc về tiết mùa hạ. 3) Bính đinh : hai chữ này ở trong thập can, thường chỉ mùa hạ. 4) Chúc dung : thắn chủ về lửa, coi mùa hạ. 5) Trì đường : bờ ao, câu ấy ý nói về mùa hạ thời những khóm trúc mọc ở bờ ao tươi tốt, có cây già cây non, cũng như ông với cháu. 7) Ly lạc : rào giậu, câu ấy nói mùa hạ thời các thứ hoa đẹp đẽ, có thú lớn thú bé, như chị và em. 7) Thời luân : hai chữ ấy rút trong bài ca

Nam-phong của vua Thuấn, đã nói ở trên này. 9) Hy : vua Phục Hy : Hoàng : vua Hoàng-Đế. Có bản chép : người Hi Hoàng dĩ thương cũng đường này.

THU

*Trời thu phảng phát gió chiều,
Mây về Ngàn-Hồng, (1) buồm treo ráng vàng.
Sang thu tiết hơi may (2) hiu hắt,
Cụm sen già lā-chā phai hương.
Son nhuộm non đào cành lá đở,
Lạnh vū như ti trùng chiếc dạ(3).*

冷雨如絲虫絛夜
Tình thiên tác chỉ nhạn thư không (4),
晴天作紙雁書空
Phút đâu đâu một trận hào phong.
Trên cung Quảng xa đưa hương quê (5),
Giờ biếc biếc nứa xanh xanh mệt ve.
Khen Hba công khéo vẽ nền đờ,
Một năm được mấy mùa thu.

Chú thích : 1) Ngàn Hồng : tên riêng núi Hồng-linh huộc Hà-tĩnh. 2) Hơi may : hơi gió lạnh. 3) Mùa thu mà hạt mưa dày chẳng chặt như sợi tơ con tằm dệt ra. 4) Giờ thu tạnh ráo hình như một tờ giấy, đè cho con nhạn bay qua bay lại viết vào đấy 5) Cung Quảng-hàn chỉ mặt trăng.

ĐÔNG

*Trời đông hơi giá như đông,
Cái cơ lai phục đã trong hổ hàn (1).
Sang đông tiết hơi may lạnh leo,
Hội bể tàng chuyên máy âm dương (2).
Lôi thôi chày nhạn khua sương,
Thấp thoáng bóng ngư câu tuyết.
Lang hàn bích khắc tung thiên xích (3),
凌 寒 碧 刻 松 千 尺
Nại lanh hoàng lưu cúc số khoa (4).
耐 冷 黄 留 菊 科
Ngoài quan-sơn tuyết đông sương pha,
Ké hào-hồng chốn khè kiều đắc thú.
Điểm điểm trông chờ linh thiêu (5),
Phút tin xuân đã hé đầu cành,
Đành hay âm cực dương sinh.*

Chú thích.— 1) Lai phục : nói khí dương đã giờ lại
Hổ-hàn : lạnh leo. 2) Bể tàng : bể đông lại, tàng giấu đi,
mùa đông là buỗi năm gần hết, việc gì trong trời đất hình
như cung thu xếp lại cả. 3) Cây tung ngàn thước gấp giờ
tết mà lá vẫn xanh. 4) Cây cúc mẩy khóm dương buồm lạnh
mà hoa vẫn vàng. 5) Linh thiêu : Chim linh thiêng của nhà
phật. Ô bản của Lê Thước chép là linh sáu 靈 雙 ý nói
mùa đông có vàng rụng các núi đều ra dáng gầy gò ý
như thế không được hợp với ý xuân sắp tới ở hai câu sau.

Vịnh phật

Thuyền Tù một lá voi-voi (1),
 Bè tràn chờ biết mấy người trầm luân.
 Thiên thương thiên hạ vô như phật,
 天上天下無如佛
 Nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài.
 Chiếc thuyền Tù một lá voi voi,
 Vợt chìm đầm đìa lên cõi tịnh.
 Chữ «kiến tính» 見性 cũng là «suất tính» 爲性 (2),
 Trong ống đòn đỗ tiếng hir vô (3).
 Kẻ muốn đem nhân kỳ nhân, hòa kỳ thư, lư kỳ cư(4),
 人其人火其書盛其居
 Song đạo thống hối ranh ranh công cát.
 Bằng y thiên lý hành tương khí, (6)
 傍依天理行將去
 Đô tự nhân-tâm tố xuất lai (7).
 都自人心做出來
 Bát khang trang (8) 鉢廉莊 chảng chút chông gai,
 Cùng nghiêng ngả một dòng Hà-lạc (9).
 Trong nhặt dụng sao rằng đạo khác,
 Cái luân hồi (10) chẳng ở đâu xa.
 Nghịệp duyên (11) vốn tại mình ra,
 Nơi vuông-tắc (12) đủ thiên đường địa ngục.
 Vì chưa thoát lòng trần mắt tục,
 Nên mơ màng một bước một khơi,
 Khiến cho phiền muộn như lai (13).

Chú thích.— 1) Thuyền từ là bởi chữ từ phàm (lá buồm lành) trong kinh phật mà dịch ra. 2) Kiến tính của sách phật cũng như suất tính trong sách nho, nghĩa là theo cái tính tự nhiên. 3) Câu này ý nói người đời thấy hẹp, nên đồ tiếng cho đạo phật là hư vô ; ống dòm, nghĩa là dùng ống mà dòm, ý nói thấy chật. 4) Mấy chữ ấy nghĩa là đuôi thầy chùa về làm dân, đốt sách phật, phá chùa đem làm nhà ở, ấy là lời ông Hàn-Dũ nói trong bài biếu xin vua nhà Đường bỏ đạo Phật, 5) Công cứ : ai cũng noi theo 6) Ý nói đạo phật cũng nương ở lê trời mà ra. 7) Đạo phật cũng bởi tự lòng người 8) Bát : đồ dùng của thầy chùa : nghĩa bóng là đạo phật. Khang trang nghĩa là bằng phẳng rộng rãi 9) Hà-Lạc bởi chữ Hà-dồ-Lạc thư nghĩa là đồ sông Hà và thư sông Lạc : câu ấy ý nói phật giáo cũng tương tự với nho giáo. 10) Luân hồi : xoay vòng như bánh xe, nghĩa là kiếp người thay đổi lại. 11) Nghiệp duyên : duyên kiếp. 12) Vuông tắc: lòng người. 13) Như lai : hiệu của đức phật.

Vịnh Tiền Xích-bích

*Gió giăng chưa một thuyền đầy,
Của kho vô tận biết ngày nào voi.
Ông Tô-Tử (1) qua chơi Xích bích (2),
Một con thuyền với một túi thơ.
Gió hú húu mặt nước như tờ,*

Giăng chênh-chêch đầu non mồi ló.

Thuyền một lá xông ngang gành (3) bạch lộ (4),

Buồng chèo hoa len-lỏi chốn sơn thương.

Ca rắng : Quế trạo hè lan thương (5),

桂 梢 兮 蘭 裳

Khích không minh hè tố lưu quang (6).

翠 空 明 兮 漱 流 光

Điệu-diệu hè dư hoài, (7)

渺 渺 兮 予 懷

Vọng mỹ-nhan hè thiên nhất phương. (8)

望 美 人 兮 天 一 方

Người ý-ca倚歌 (9) giéo-giákt khúc cung thương,

Tiếng kêu lanh tiếng ca vang đầy nết,

*Sực nhớ kè quay ngược giáo (10) vịnh câu thơ thuở
trước,*

Nghĩ sự đời thêm cảm nỗi phù-du.

Đành hay trời đất dành cho.

Hai kho phong nguyệt nghìn thu hãy còn,

Còn giờ còn nước còn non.

Chú thích. — 1) Tô tử Tô Thúc. 2) Xích bích : tên
sông bên Tàu. 3) Gành : Thác chỗ nước chảy. 4) Bạch lộ
mù trắng cảnh thu. 5) Chèo quế, sào lan. 6) Chèo thuyền
trên mặt nước, có bóng trắng soi rạng. 7) Bồn chồn lòng ta
nhớ !. 8) Người bạn tốt ở phương khác xa cách. 9) Ý ca
theo điệu hát mà họa lại. 10) Có bản chép : Sực nhớ kè cầm
đốc giáo...

Vịnh Hậu Xích-bích

Sông Xích-bích vường trăng vàng rực,
 Thầy Tô tìm thú cũ qua chơi.
 Bóng quang-âm là đã mấy mươi,
 Mù non nết dẽ xui lòng cảm-kịch.
 Thi thành nhất bức thiên sơn tịch, (1)
 詩成一幅天山寂
 Cô-hạc hoành giang lược tiễn chầu (2).
 孤鶴橫江掠小舟
 Suốt năm cảnh bên gối mơ-hồ,
 Chiếc thuyền lung đì về trong bóng nguyệt
 Trong cõi nỗi hối tên gì chả biết,
 Liếc trông ra nào thấy đâu nào ?
 Ấy người hay hạc xinh sao ?

Chú thích.— 1) Lúc ngâm thơ xong thì xung quanh
 cảnh đã lặng ngắt. 2) Con hạc bay xông qua trước thuyền.

Vịnh Tỳ-bà

Cũng người hải-giác thiên nha (1),
 Cùng nhau gặp-gỡ lợ là lạ quen.
 Tầm-duong giang đầu dạ tổng khách (2),
 潭陽江頭夜送客

Bóng trăng thu thảp-thoáng trên thuyền.
Tiếng tỳ-bà ai khéo gảy nên,
Xui lòng khách thiên-nha luồng nh匡ng.
Ai oán nhe, bốn dây vắng-vắng,
Như bất bình, như khấp, như tố, như oán, như mê.
Nực cười thay cái phận hổng-nhan,
Nào nh匡ng khách ngũ-lăng (3) đâu vắng tá.
Yên thủy mang-mang thiên ngũ dạ, (4)
 烟 水 花 花 天 五 夜
Tỳ-bà khúc khúc nguyệt tam cảnh (5).
 琵 琶 曲 曲 月 三 更
Bến Tầm-dương cảnh ấy biết bao tình,
Chiếc thuyền luồng đi về trong bóng nguyệt.
Người viễn-thú biết chàng chàng biết?
Khúc đàn này biết gảy cùng ai,
Giang đầu hạnh hữu khách lai.

Chú thích.— Tỳ bà là tên cái đàn (đòn); trước kia ông Bạch cư Dị nhân gặp người đàn bà gảy đàn tỳ bà rất hay mà xấu số, ông mới làm cho nàng bài ca gọi là Tỳ bà hành, để tả cái tình cảnh của nàng. 1) Góc bê chân trời. 2) Bến Tầm dương lúc đêm đưa khách. 3) Ngũ lăng : một chỗ phồn hoa vui vẻ, những người trẻ tuổi thường tụ họp ăn chơi. 4) Trời đêm hơi nước mờ mờ. 5) Trăng khuya tiếng đàn giéo giắt.

Câu đối

Câu đối Tết tự thuật

Bàn một chiếc lán chièng, mặc sáo tam dương khai thác.

Nhà hai gian bồ trống, tha hồ ngũ phúc làm mòn.
Chiều ba mươi ngày hối tít mù, eo cẳng đạp thẳng
Bàn ra cửa.

Sáng mồng một rực rỡ say túy lúy, giơ tay bồng ông
Phúc vào nhà.

Cụ lại có làm một câu đối vịnh tết cho anh mù rǎng :

Tôi ba mươi nghe nói giao thừa ở ở Tết,
Rạng mồng một vẫn nên nguyên dán à à Xuân.

Thời làm tri huyện Đường Hào có đôi câu đối chữ Hán này :

Khá úy thị dàn nhám, kinh cúc bất sinh bình lộ đĩa,
可畏是氐岩，荆棘不生平路也

Duy thảm già hoạn hải, ba đảo vò nụ tái không chu.
惟深者官海波濤無怒載空舟

(Lòng dân như núi lởm chởm đáng sợ thay, nhưng gai gai gác không sinh ra ở nơi đường phẳng.

Biên hoạn sâu thật nhưng sóng gió không giận chiếc thuyền không chờ gì).

Gián chơi

*Cũng may sao, công đăng hỏa có gì đau, theo đòn
nhờ phận lại nhờ duyên : quan trọng năm bảy thứ, quan
ngoài tám chín phen ; nào cờ, nào quạt, nào mũ, nào đai,
nào hèo hoa, gươm bạc, nào võng tía, lọng xanh ; mặt
tài-linh giữa hội công-danh, khắp trời nam biền bắc đều
phong-lưu, mùi thế trãi qua coi đã đủ ;*

*Thôi quyết hẳn, cuộc phong-trần chí nữa tá ! ngắt
nguồng chẳng tiên mà chẳng tục : hầu gái một đôi cô,
hầu trai năm bảy cậu : này cờ, này kỵ, này rượu, này
thơ, này đàn ngọt hát hay, này chè chay, chén mắm ;
tay thao-lược ngoài vòng cương-tỏa, lẩy gió mát trăng
thanh làm thích chí, luồi trời còn mệt ấy là hơn.*

Mắng sư

Cụ Thượng-Trú một hôm đến chơi chùa, thấy một vế
câu đối của sư cụ đề rằng :

*Đọc ba trăm sáu mươi quyền kính, chẳng thán thánh
phật tiên nhưng khác tục ;*

Cụ Thượng liền viết luôn bên cạnh một vế rằng :

*Hay tam van nghìn tue mặc kệ, không quản thần phu
tử đêch ra người.*

Gián chơi

*Chỉ em ơi, ba mươi sáu tuổi rồi, khắp đồng tây nam
bắc bốn phương trời, đâu cũng lùng danh công-tử xác?*

*Trời đất nhỉ, gắng một phen này nữa, xếp cung
kiếm cầm thư một gánh trí, làm cho nồi tiếng trượng-
phu kenh.*

Đọc bốn

Khi cụ Thượng-Trú đang dẹp giặc ở Thượng-du, chợt
có người thú thiếp cụ lên theo hầu, cụ đọc bốn hai câu rằng:

*Danh nhẽ bút nghiên mà kiếm mā ;
Thượng ôi kim chỉ cũng phong-trần.*

MỤC - LỤC

PHẦN KHẢO LUẬN

Vài nét lịch sử chính yếu trong thời đại Nguyễn-công-Trúr.	5
Gia đình và thân thế	9
Tim hiếu Nguyễn-công-Trúr	15
Sự nghiệp quân sự kinh tế và chính trị	26
Cuộc sống và tư tưởng qua sự nghiệp văn chương	38
Quan niệm nhân sinh của Nguyễn-công-Trúr	59
Một vài giai thoại về Nguyễn-công-Trúr	66

PHẦN PHỤ LỤC

Kẻ sĩ	75
Than nghèo	78
Thế thái nhân tình	80
Cách ở đời	80
Đi thi tự vịnh	81
Quân tử cố cung	81
Cầm kỳ thi túru	82
Chơi xuân kéo hết xuân đi	84
Vịnh tiền	85
Hàn nho phong vị phú	87
Nghĩa người đời	92

Hành tàng	93
Người với tạo vật	94
Phận sự làm trai	95
Chi nam nhi	96
Chi làm trai	96
Quen thú vây vùng	97
Có chí thì nên	98
Có chí thì nên (II)	99
Trên vì nước dưới vì nhà	100
Thú tòm	101
Cây thông	101
Bài ca ngắt ngưởng	102
Kiếp phù thế	104
Nợ phong lưu	104
Vân cảnh chiều	105
Thành Thăng-Long	106
Thoát vòng danh lợi	107
Cầm kỳ thi tửu	108
Chữ nhàn	109
Nhàn nhân với quý nhân	110
Vịnh nhân sinh	110

**KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN - CÔNG - TRÚ
IN LẦN THỨ HAI – TẠI NHÀ IN NAM-
SƠN 36 NGUYỄN - AN - NINH – SAIGON**

ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ MỘT TẬP

KHÓA LUẬN THƯỜNG THẤY ĐƯỢC VIẾT BỞI MỘT NGƯỜI VỚI MỘT LẬP TRƯỜNG QUAN ĐIỂM NHẤT ĐỊNH. TRONG TẬP SÁCH NÀY CHÚNG TÔI ĐÃ MỜI MỘT SỐ ĐỒNG NGƯỜI VIẾT — GỒM NHỮNG NHÀ GIÁO, NHÀ VĂN, NHÀ PHÔ BÌNH CÓ UY TÍN — CÙNG PHÁT BIỂU Ý KIẾN, THEO CHỦ QUAN CỦA TỪNG NGƯỜI, VỀ MỘT VẤN ĐỀ CHUNG.

Chúng tôi không hề quy định một tiêu đề, một định hướng nào cho cuốn sách, ngoài việc chọn tác giả có diễn làm đầu đề. Nếu tập sách này có khuyết điểm rất nhiên là thiếu tính cách liên tục nhất trí, thì nó cũng có được những ưu điểm đáng khen ngợi khi đọc được dịp so sánh nhận định những khuynh hướng chia rẽ đối lập nhau trước một tác giả và nhờ sự đối chọi nhau ấy người đọc có thể trông thấy CHÂN DUNG

chân dung NGUYỄN DU

Khảo luận của :

VŨ HOÀNG CHƯƠNG • NGUYỄN SỸ TẾ • NGUYỄN VĂN TRUNG
TRẦN BÌCH LAN • ĐINH HÙNG • DOANH QUỐC SỸ • VIỆT
TỬ • TRẦN THANH HIỆP • PHẠM THẾNG • THANH
TÂM TUYỀN • VŨ KHẮC KHOAN • NGUYỄN THỊ SÀM

của tác giả một cách sâu sắc toàn vẹn hơn. Và chúng tôi thiết tưởng nội sự đặc biệt phức tạp của nội dung cuốn sách đã là một giá trị để được bạn đọc khuyến khích rồi, vì phải chăng điều kiện phát triển của một nền văn học bao giờ cũng khởi đì từ chỗ chia rẽ của những khuynh hướng.

Đối với học sinh, tập sách theo lối này có thể giúp cho họ thoát khỏi sự cùm kít của một mớ ý tưởng làm sẵn ở nhà trường, tập lấy óc suy xét trước những mâu thuẫn, tìm tòi học lấy lối tư tưởng độc lập phóng khoáng, điều cần thiết cho sự mở mang trí tuệ. Họ sẽ nhận thấy một tác giả văn chương như Nguyễn-Du không thu gọn vào một bài văn học sử, mấy đoạn thơ trích giảng, vài luận đàm trong lớp học. Chính nhờ sự hiểu biết rộng rãi ấy, chúng tôi hy vọng các giáo sư phần nào đã phải than phiền là học sinh quá nghèo nàn tư tưởng, chỉ biết «tái bản» một cách vô ý thức những đoạn mẩu trong các sách luận văn.

Tập CHÂN DUNG NGUYỄN-DU này được xuất bản với mục đích trên và mà đầu cho một loại sách mới của nhà xuất bản chúng tôi.

nam-son